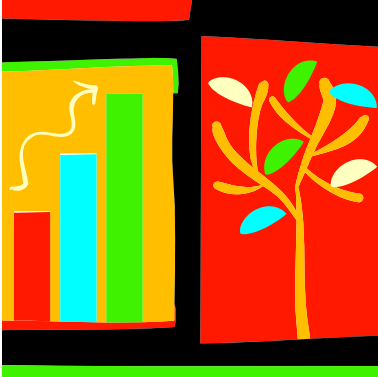


Nguyễn Một

Đoạn Kết Một Mỗi Tình



Người ta đồn “Tuyết yêu tôi”. Họ còn khẳng định chính miệng em nói ra điều ấy. Ngay cả chính tôi, tôi cũng không biết rõ được là Tuyết có yêu tôi hay không.

Có lần mấy người đã nhìn thấy tôi ôm bờ vai nhỏ nhắn gây guộc của Tuyết để vỗ về sau lần em bị gã chồng vũ phu tìm vào tận đây để hành hung.

Buổi chiều đầu tiên, khi Tuyết đến đây dắt theo đứa con trai nhỏ, đôi mắt buồn bã ngơ ngác, đã làm cho em nhanh chóng nhận được sự thương cảm của mọi người.

Hai ngày sau, xóm tôi bị náo loạn bởi gã đàn ông thô lỗ và tục tằn. Hắn đến, chửi toáng ngay từ đầu ngõ, bằng nhiều thứ ngôn ngữ mà ở đây rất ít được nghe. Chửi thỏa thích, hắn xông vào đánh Tuyết. Lúc hàng xóm gỡ được hắn ra khỏi người Tuyết, hắn vẫn cố cắn vào vành tai của Tuyết như con chó dại và nhổ đánh toẹt xuống nền nhà một bãi máu tươi, kèm theo câu nguyên rủa :

- Mà mà bỏ tao chỉ có nước làm dĩ mà sống, nhưng bỏ tao không dễ đâu.

Lúc tôi về, chồng Tuyết đã đi, mang theo tất cả áo quần của hai mẹ con. Câu chuyện ấy qua miệng mấy bà hàng xóm làm tôi nổi gai ốc cùng mình. Tôi

tiếc không có ở nhà để bảo vệ em. Ngoài tôi ra em còn biết trông cậy vào ai nơi đất khách quê người.

Khi chia tay Tuyết, rời quê hương để tìm kế sinh nhai, tôi được chị Lê, chị của Tuyết giúp đỡ tận tình, từ công việc làm ăn đến nơi ăn chốn ở. Ngoài tôi ra, chị Lê còn cru mang một gã họa sĩ lang thang thất nghiệp. Không biết chị lôi anh ta từ đâu về với đóng đồ nghề linh tinh. Căn hộ của họ trở thành xưởng vẽ bề bộn với nhiều bức tranh lộn xộn những ngựa, những người không ra hình thù gì cả. Vậy mà chị Lê cứ tấm tắc khen đẹp.

Tôi không quan tâm lắm đến quan hệ của họ. Nhưng theo lời của những người đàn bà trong xóm thì hình như chị quen gã từ hồi gã còn là sinh viên. Bây giờ họ sống với nhau theo kiểu “già nhân ngãi non vợ chồng”. Gã họa sĩ thường ít ra khỏi nhà. Sau giờ làm việc của chị Lê, họ thường đóng chặt cửa lại, sống tự nhiên chẳng màng sự dị nghị của mọi người. Tôi nghe mấy bà hàng xóm xì xào :

- Gớm ! Con Lê ở trường đồng dorm trên giường cho thằng ấy vẽ, rõ là cái đồ dở hơi ! Đàn bà như thế mà không biết xấu hổ, đi ra ngoài cái mặt cứ căng căng, thấy mà ghét!

Mặc ai muốn gì thì nói, tôi vẫn cứ phục cách sống của hai người. Họ “sống ra sống” chứ cứ như tôi cái gì cũng sợ thì suốt đời chỉ là thằng công chức quèn. “Yêu không dám nói, ghét không dám chê” người ta cũng khinh.

Cả năm trời tôi mới có dịp nói chuyện với gã họa sĩ được một lần. Đây là vào cái dịp sinh nhật lần thứ ba mươi sáu của chị Lê, cũng bánh kem, cũng nến hồng, nhưng chẳng vui vẻ gì. Gã nhìn tôi không mấy thiện cảm. Buổi sinh nhật chỉ có ba người. Chị Lê lảng xảng cố làm cho chúng tôi thân nhau :

- Này anh ! Long nó hiền lắm đấy, người đồng hương của em.

- Ủ!

- Hồi ở quê khi nó còn nhỏ, nó chơi thân với con Tuyết lắm. Hai đứa thật đẹp đôi, nhưng... ai dè...

- Ủ!

- Nó vào đây làm ăn, em xin việc cho nó làm, bây giờ được cấp nhà rồi.

- Ủ!

Thấy không thể cạy miệng được người yêu, chị Lệ chuyển đề tài :

- Nó cũng biết vẽ nữa. Hồi ở quê nó đập cục pin vẽ hình má em giống y hệt.

Tôi tính nói “Thôi chị ạ...” nhưng thấy gã nhếch mép cười, tôi điên tiết muốn tống vào mồm gã một quả và hét vào mặt gã: “Đồ thói thân, tao biết mày coi khinh mấy thằng vẽ chân dung, nhưng dù sao thì nó cũng kiếm được vài chục ngàn, chứ không bám váy đàn bà để mà vẽ ba cái thứ đùì chẳng ra đùì, mông chẳng ra mông như mày”. Mặc cho tôi lòng lộn trong lòng, sau nụ cười khinh mạn ấy, gã uống rượu tí tí. Gần cuối bữa tiệc gã mới mở miệng bảo tôi theo kiểu đàn anh:

- Này cậu ạ! Thà chấp nhận sống cho người ta ghét, chứ đừng để người ta khinh vì sự hèn nhát của mình!

Tôi co rúm người lại, hình như gã đọc được ý nghĩ của tôi. Câu nói ấy đã làm rạn nứt vĩnh viễn mối quan hệ giữa tôi với gã mà chị Lệ đã cố công bồi đắp. Gã nói đúng! Nhưng thói thường người đời rất ghét những ai chọc mũi dao vào yếu huyệt của họ. Tôi không phải là trường hợp ngoại lệ. Lần đầu tiên trong đời tôi uống rượu nhiều đến như vậy. Tôi gục xuống trước ánh mắt thương hại của gã. Chị Lệ dìu tôi về phòng, đắp khăn nóng cho tôi, hình như chị có an ủi tôi:

- Em đừng giận anh ấy, nghệ sĩ thường hay gàn như vậy nhưng họ là những con người chân chính.

Tôi không còn biết gì nữa, đầu óc mụ mị. Bàn tay dịu dàng của chị đã đưa tôi về với quê hương bên dòng sông Giao Thủy êm đềm xanh thắm, đưa tôi

về với Tuyết của tôi.

Quê tôi nghèo, nhưng có một dòng sông. Dòng sông là tài sản lớn nhất của tuổi thơ tôi. Trường làng tôi là ngôi đình lớn nằm dưới gốc đa cổ thụ. Cả ba lớp nhất, nhì, ba đều do thầy Hồng đảm trách. Tôi và Tuyết cùng học lớp nhì. Trong số những đứa trẻ cùng trường chỉ có chị em Tuyết là có tên văn hoa nhất. Nhà Tuyết khá hơn những gia đình trong xóm. Ba Tuyết làm lính Quân tiếp vụ ở Đà Nẵng. Mỗi chủ nhật ông mang về cả thùng đồ hộp để phát cho lũ trẻ chúng tôi.

Mẹ Tuyết không phải “chân lấm tay bùn” như mẹ tôi, nhưng hai bà lại rất thân với nhau. Nhiều lần bà kể cho mẹ tôi nghe “ba của Tuyết muốn dời gia đình ra Đà Nẵng, nhưng bà không muốn xa quê hương xóm giềng”. Tôi cũng cầu mong như vậy. Tôi và Tuyết thân nhau từ bé. Mỗi lần tan học, chúng tôi rủ nhau ra sông để chơi đùa trên cát, khi đã chán chê, tôi dẫn Tuyết lùng sục trong các bụi cây bên sông để tìm hoa đủ dẽ. Tôi không thích hoa, tôi chỉ thích trái, bắt kẻ sim, mua, duối hay đủ dẽ...

Nói chung bất cứ thứ gì ăn được là tôi thích. Tuyết thường mang hoa đủ dẽ về ủ trong tập cho thơm. Nhìn bàn tay nhỏ nhắn của Tuyết nâng chùm hoa tôi cũng đắm mê. Nhất là cặp mắt đen láy, tròn xoe khép lại nhẹ nhàng mỗi khi tôi dúi những cánh hoa màu vàng lọt vào tay em. Đôi mắt đã làm tôi ngỡ ngẩn cả người. Mỗi lần trốn học tìm hoa cho Tuyết, tôi bị thầy Hồng đánh sưng cả mông. Biết chuyện, mẹ tôi mắng:

- Thằng này lớn lên rồi đến khổ vì gái.

Ngày ấy, còn quá nhỏ nên tôi không chú ý lắm đến câu nói của mẹ. Chỉ chờ mẹ xoa đầu xong, tôi tót ra sông vùng vẫy thỏa thích. Dòng nước mát vuốt ve thân hình đen trũi của tôi và nụ cười trong trẻo của em sau mỗi cú bông không là tôi quên bém những trận đòn của thầy Hồng.

Dạo ấy, chiến tranh xảy ra liên miên trên quê hương tôi. Nhưng đó là nỗi lo của người lớn. Còn với tuổi thơ chẳng có chuyện gì đáng quan tâm vì thường xuyên được nghỉ học và ít bị đòn hơn. Chúng tôi cứ thế lớn lên như cây cỏ đồng bằng.

Một hôm Tuyết vén áo lên cho tôi xem và bảo:

- Anh Long! Ở ngực em nổi lên cái cục gì cứng cứng như ngón tay cái vậy?

Tôi đưa tay sờ thử. Về nhà, đánh bạo hỏi mẹ. Mẹ tôi nạt:

- Đồ con nít ranh.

Người lớn thật khó hiểu.

Sáng ra, mẹ Tuyết qua nhà tôi. Không biết hai bà xì xầm chuyện gì có vẻ bí mật lắm. Hai hôm sau gặp tôi mặt Tuyết đỏ bừng, quay đi... Mấy ngày xa nhau, tôi cứ vợ vẫn như người mất hồn. Cả tháng sau chúng tôi mới chơi lại với nhau. Nhưng tôi không còn dám tắm tròng và hai đứa không còn ôm nhau lăn tròn trên cát như ngày xưa.

Ba Tuyết tử trận trong ngày Đà Nẵng được giải phóng. Chị Lệ vào miền Nam làm ăn. Tuyết nghỉ học sớm ở nhà phụ mẹ. Tôi thi đậu vào Cao đẳng Sư phạm nhưng không đủ tiền ăn học. Tôi buồn đời quyết định vào Nam làm ăn.

Ngày chia tay bên bờ sông, chúng tôi nắm tay nhau, tôi không dám mở miệng, chỉ sợ mình bật khóc trước mặt con gái. Khi lên tàu tôi mới sực nhớ tôi chưa hề thổ lộ tình yêu của tôi đối với em. Tôi vào miền Nam tìm đến địa chỉ của chị Lệ nhờ chị giúp đỡ tôi trở thành công chức mẫn cán với hy vọng sẽ dành dụm được ít tiền để về quê cưới vợ.

Tôi luôn có niềm tin chắc chắn là Tuyết sẽ chờ tôi. Hai năm sau, tôi nhận được thiệp hồng của Tuyết với dòng chữ dửng dưng: “Em lập gia đình, anh gắng về dự đám cưới của em”. Tôi đổ gục như một cây chuối bị chặt ngang hông. Tôi không dám về lại quê hương. Tôi không đủ can đảm đặt chân lên

bờ sông đầy ắp những kỷ niệm của hai đứa, đầy ắp mùi hương ngọt ngào của hoa đủ dẻ trong ký ức tuổi thơ. “Cầu cho em được một người tình như tôi đã yêu em”. Tôi lẩm bẩm nhiều lần câu thơ của Puskin như một người điên. Chị Lệ đi đám cưới về mang theo chùm hoa đủ dẻ khô Tuyết gửi vào tặng tôi. Chị an ủi:

- Cậu đừng trách nó. Mẹ chị bệnh, mình nó lo không nổi, mang ơn người ta, với lại cậu đã nói gì với nó đâu mà bắt nó chờ.

Tôi mỉm cười cay đắng.

Khi Tuyết dắt con vào đây, chị Lệ đã bỏ đi gần ba tháng. Gã họa sĩ đã “quất ngựa truy phong” lúc chị đang mang bầu. Cấn rặng chịu đựng “lời ong tiếng ve” của xóm giềng để nuôi đứa bé cứng cáp rồi chị ẵm con đi. Chị nói với tôi:

- Chị đi nơi khác làm ăn và chị sẽ trả thù lũ đàn ông bội bạc.

Tội nghiệp bé Bầu. Ngày ra đi, nó ôm cổ mân mê đùa nghịch chòm râu cằm lởm chồm của tôi. Cầm lòng không đậu, tôi hôn nó ràn rụa nước mắt. Chị Lệ nhờ tôi trông hộ căn nhà. Tuyết đến, tôi giao chìa khóa lại cho em. Qua Tuyết tôi biết mẹ em đã mất. Còn quê nhà cũng không khác hơn ngày tôi ra đi được mấy vì bão lụt triền miên. Chồng của Tuyết là một gã lái buôn cây.

Hắn yêu Tuyết điên cuồng như con thú, nhưng lại rất chi li đê tiện. Sau cái ngày hắn vào tận miền Nam hành hung, Tuyết đã khóc và nói với tôi :

- Nghèo là rất nhục. Nghèo là mất hết tất cả. Phải cần có tiền anh biết không?

Tôi nghĩ chắc em xúc động quá mới nói như vậy thôi, chứ ngày xưa chúng tôi đâu cần tiền mà cũng hạnh phúc vậy. Tôi san sẻ cùng em món tiền ít ỏi kiếm được từ đồng lương công chức. Tôi hy vọng khi nỗi buồn qua đi tôi sẽ nhắc lại với Tuyết những kỷ niệm thời thơ ấu. Chắc là Tuyết sẽ hiểu được

lòng tôi.

Chúng tôi dường như không có duyên nợ với nhau. Tôi chưa kịp nói với Tuyết dự định của tôi thì chị Lệ trở về. Đi với chị là người đàn ông mập mạp trên chiếc xe hơi đời mới bóng lộn. Hai chị em ôm chầm lấy nhau mừng rỡ :

- Chị về quê tìm em mới hay em vào đây. Biết chuyện, chị đã lo thủ tục ly hôn cho em.

- Cảm ơn chị.

- À quên! - Chị Lệ quay qua tôi - Chị em lâu ngày gặp nhau mừng quá, quen giới thiệu với cậu Long, đây là anh Đường, ông xã của chị, Giám đốc Khách sạn Hoa Biển ở Vũng Tàu. Còn đây là cậu Long cùng cơ quan cũ với em.

Ông Đường hồ hững đưa tay về phía tôi. Tôi nắm bàn tay mềm nhũn đầy đặn của ông. Tôi có cảm giác như đụng phải con sùng đất. Chị Lệ vốn đã đẹp nay càng rực rỡ hơn trong bộ trang phục đắt tiền. Chẳng trách sao chị mê hoặc được người đàn ông tóc đã hoa râm.

Đầu óc tôi choáng váng khi nghe chị Lệ giục Tuyết:

- Bỏ hết, xuống dưới đó rồi sắm lại. Ba cái đồ này xuống Vũng Tàu ai mà xài.

“Ba cái đồ” tôi nhìn ăn, nhìn mặc để sắm cho Tuyết ! Thêm một lần nữa, tôi để vuột mất hạnh phúc trong tầm tay.

Cảm thấy mình thừa thãi, tôi cúi xuống ôm thằng bé con của Tuyết vào lòng:

- Cháu ngoan của chú, đi rồi có nhớ chú không?

- Nhớ chú nhiều.

- Có thương chú không?

- Thương chú nhất sau mẹ Tuyết.

Tôi nghe nghẹn nơi cổ. Tôi bỗng nhớ bé Bầu con chị Lệ, chẳng thấy cháu đâu. Tôi muốn hỏi chị nhưng không dám. Nhìn chiếc xe hơi bóng loáng vút đi mang theo hai mẹ con Tuyết, tôi cố nuốt miếng nước bọt qua cổ họng khô

khốc của mình.

Chuyện xảy ra đã lâu rồi mà tôi vẫn không thể tin được là con người có thể thay đổi nhanh chóng đến như vậy. Tôi không muốn kể thêm đoạn này. Nó cứ rờn rợn làm sao ấy. Nhưng thật sự không thể giấu được dù nó tàn nhẫn như mũi dao xuyên qua trái tim ngu muội của tôi.

Tuyết đi được nửa năm nhưng chẳng có lấy một lá thư. Tôi nhớ quay quắt, tìm xuống Vũng Tàu. Đứng trước biệt thự đồ sộ của ông chủ khách sạn, tôi không dám bấm chuông. Đón xe trở về Long Khánh, tôi ôm đầu nguyên rủa sự nhút nhát của mình.

Một năm sau Tuyết về thăm tôi trên chiếc Dream II màu nho. Tôi sững sờ không còn nhận ra cô thôn nữ ngày nào.

Tuyết bảo tôi:

- Chị Lệ biểu em về nói với anh là chị Lệ cho anh căn nhà của chị, anh bán kiếm ít tiền phòng thân. Chứ người khờ như anh có ngày chết đói. Còn em, em đã có nhà riêng, có xe. Khi nào về Vũng Tàu ghé lại nhà em, em sẽ tiếp đãi anh như vua. “Ông xã” của em lâu lâu mới qua Việt Nam ghé ở vài bữa rồi chạy qua bên đó với bà vợ già của lão, anh đừng ngại...

Tuyết nheo mắt nhìn tôi cười, nói giọng tỉnh queo. Còn tôi ngồi trơ trên ghế mòm há hốc như trời trồng, đầu óc mù mẫm, mọi thứ xung quanh như quay cuồng chao đảo.

Tuyết đi đã lâu rồi tôi mới sực tỉnh.

Tôi gục xuống bàn.

Tuyết ơi! Tuổi thơ của tôi ơi! Tôi muôn nghĩ ra một đoạn kết thật tuyệt vời cho môi tình của chúng ta, nhưng đã muộn mất rồi!

GIÉNG TIÊN

Tôi ngồi sau bàn chị Phương và chỉ cần nhích tay khỏi khe để viết chừng hai tấc là có thể chạm vào tấm lưng thon thả của chị . Vị giáo sư đang cố gắng cung cấp cho lớp học về trình tự của một giờ đạo đức, một môn học đơn điệu mà học viên của lớp “Sur phạm tại chức” này đã quá quen thuộc . “Dạy đạo đức mà phương pháp là rất quan trọng vì” Giọng thầy giáo đều đều như giọng ông tôi kể chuyện . Vài mái đầu điểm bacû gật gù ra vẻ thích thú. Chị Phương cầm cúi ghi ghi chép chép, từng thớ thịt sau làn áo mỏng hững hờ rung lên từng hồi, các cơ bắp chuyển nhẹ nhẹ từ vai xuống chỗ cong ngay eo. Tôi chăm chú quan sát. Như biết có người nhìn, chị ngừng tay ưỡn lưng, khe xương sống lún sâu hơn tạo thành cái rãnh xinh xắn, cách rãnh ấy bị cắt ngang bởi dây nịt vú màu đen rồi chạy xuống tận thắt lưng. Tôi muốn đặt tay vào giữa sống lưng ấy. Có cái gì đó thân quen đằng sau mảnh vải mỏng manh ấy. Tôi nhớ chị Sinh, chuỗi liên tưởng hiện về theo “phản ứng dây chuyền” của những sợi dây thần kinh nhạy cảm trong hộp sọ yếu đuối của tôi .

* * *

Nhà chị Sinh sát bên nhà tôi, hai nhà cách nhau khoảnh vườn nho nhỏ. Sau

vườn có cái giếng nước, cách mặt đất chừng hai sải tay, trong vắt, ngay cả đêm trăng cũng thấy rõ những viên đá cuội dưới đáy giếng. Ông tôi bảo đó là “giếng tiên”. Ngày ông tổ tộc Trần đến lập nghiệp, lúc đó còn rừng rậm, đã có giếng này. Hồi xưa cả làng xài chung, bây giờ người đông nhà nào cũng đào giếng riêng gần nhà . Vì vậy giếng tiên thành sở hữu của gia đình tôi. Ngôi nhà từ đường to lớn của tộc Trần do ông tôi cai quản, mảnh vườn không lớn lắm nhưng có đủ trái cây. Mẹ con chị Sinh được ông tôi cho cất nhà sau vườn để ở . Ông nói với hàng xóm : “ Nhà có hai ông cháu mà vườn thì rộng để không, ở cho vui “Tôi còn nhỏ nên không hề quan tâm họ từ đâu đến” Mẹ chị Sinh là người đàn bà tốt bụng, bà thường giúp đỡ ông cháu tôi mấy chuyện lặt vặt trong gia đình. Chị Sinh lớn hơn tôi chừng bốn tuổi, ngày chị thành thiếu nữ, tôi còn là thằng bé mới lớn lên mười. Mỗi đêm hè nóng nực, chị xách gàu rử tôi ra giếng tiên tắm. Chị thường nhờ tôi chà lưng. Bàn tay nhỏ bé của tôi chạy dọc trên tấm lưng trần thon thả của chị. Sau đó chị quay lại tắm cho tôi, hai bầu vú chạm vào mặt tôi nhột nhạt, êm ái. Tôi dụi đầu vào ngực chị, chị cười nức nở, cốc đầu tôi và mắng :

- Thằng quỷ nhỏ .

Tôi ngược nhìn chị, ánh trắng loang loáng trên tóc, trên bờ vai trần, làm tôi nghĩ về những cô tiên trong chuyện cổ tích mà ông tôi thường kể . Tôi thăm thì :

- Chị đẹp quá .

Chị lại cười, tiếng cười giòn tan, ánh trắng vỡ vụn trong lòng giếng .

Từ đó tôi thích được tắm, chứ trước đây tôi rất lười tắm thường cả tuần ông tôi mới lôi ra giếng, dùng xơ dừa chà cho đỏ mình để lột cáu ghét bám trên người . Cứ mỗi đêm về tôi lại thấp thỏm chờ chị gọi đi tắm. Nhiều đêm chị đi chơi với anh Tần tôi thơ thẩn ngoài vườn, những đêm ấy tôi thấy khung cảnh của khu vườn buồn lạ lẫm, nhất là cây cau sau nhà, có vươn lên bầu

trời đầy ánh trăng, im lìm và cô độc .

Những năm tháng lặng lẽ trôi qua chậm chạp trôi qua trong căn nhà từ đường . Ông tôi trầm ngâm hơn bên ấm trà nhỏ bằng cái hột vẹt, chẳng mấy khi chịu rời bộ ngựa to đùng trong phòng khách, trừ những lúc lau dọn bàn thờ và làm rằm khấn vái đầy thành kính. Hễ có đến chơi khề khà vài chung rượu, ông vuốt râu nhìn tôi và nói cái điều mà tôi nghe cả hàng trăm lần :

- Cha mẹ nó chết hồi nó còn nhỏ xíu, tôi nuôi nó bằng nước cơm mà bây giờ lớn vậy đó, học giỏi lắm năm nào cũng được lên lớp .

Tối đến hai ông cháu ôm nhau ngủ, ông làm rằm kể cho tôi nghe những câu chuyện cổ tích không đầu không đuôi, tôi nhớ có cả câu chuyện cô Tiên tắm ở cái giếng sau vườn nhà mình .

Tôi cứ thế lớn lên trong giai điệu buồn bã của những con mọt ăn gỗ trên xà nhà và những lời kể chuyện đều đều vô cảm của ông tôi .

Bẵng đi thời gian khá lâu, từ ngày chị Sinh quen với anh Tân, hai chị em chẳng còn tắm chung. Tôi đâm ghét cái anh chàng thanh niên Thị trấn có khuôn mặt bè bè đến xốn mắt, cứ suốt ngày bám lấy chị Sinh . Tôi vẫn tắm ngoài giếng tiên một mình, nhiều đêm lạnh cóng cả người .

Đến ngày tôi phát hiện ra vết màu xám đen bằng ngón tay út chạy ngang ở phần cuối bụng dưới, tôi thắc mắc hỏi, ông tôi khề khà bảo :

- Mày lớn rồi .

- Đêm ấy, chị Sinh qua nhà rủ tôi ra bờ giếng chị kéo tôi ngồi trên thành giếng vuốt tóc tôi, rồi nói :

- Chị sắp lấy chồng nhỏ ạ !

Có cái gì đó vỡ òa trong ngực tôi, đón đau chảy xuống bụng nôn nao. Tôi lặng thinh, nhặt hòn cuội vạch rin rít trên miệng giếng Chị vẫn mơ màng nói bên vai tôi :

- Vài ngày nữa anh Tân sẽ cưới chị, chị lấy chồng xa, chắc khó về thăm em,

chị thương em lắm .

Lời của chị lẫn vào những cơn gió rào rạt trong vườn, tự dung nước mắt trào ra, ràn rụa trên mặt, tôi ném hòn sỏi ra xa, òa khóc nức nở. Chị ôm tôi vào lòng vỗ về :

- Thôi nín đi nhỏ. Cưới vợ người ta chê già mà còn nhỏng nhẻo, để chị hát cho cùng nghe nhé .

Tôi ngoan ngoãn ngã đầu vào lòng chị. Những “cánh cò vánh vạc” chập chới trong mơ, làm khô dần những giọt nước mắt tuổi mười ba của tôi .

Bốn năm sau chị trở về, mắt chị buồn hơn xưa, nhưng dáng dấp vẫn còn thon thả như thời con gái. Ông tôi thường tặc lưỡi than “Đàn bà đáy thắt lưng ông như con Sinh mà không có con để chồng theo vợ bé, tội nghiệp.” Chị gặp tôi, nhưng chẳng còn ôm tôi như ngày xưa. Bởi lúc này tôi đã trở thành chàng trai cao lớn. Chị trêu tôi .

- Chà. Lớn dữ ha còn khóc nhè nữa không nhỏ ?

Tôi đỏ mặt quay đi, chị vô tình làm tôi nhớ lại những giọt nước mắt đại khờ bên bờ giếng tiên. Tôi xấu hổ, về chuyện yếu đuối của mình ngày xưa, nhưng tôi vẫn lén lút nhìn chị . Phải công nhận chị đẹp, đẹp hơn hẳn các cô gái trẻ trong làng . Nhớ màu trắng ngần và cái lõm hằn giữa lưng của chị, mà nhiều lần tôi miết bàn tay mình vào đó, tự dung mặt đỏ rần, tim đập rùng rục . Tôi ước muốn được một lần nữa chạm vào tấm lưng mềm mại của chị .

Lại một đêm trăng, tôi thơ thẩn ra vườn. Cả ngày mệt nhọc với đám giỗ mẹ tôi, cái chết của mẹ, qua lời kể của ông lại hiện về đỏ sẫm dưới ánh trăng “Mẹ mày chết đêm rằm tháng mười linh lắm. Nó phù hộ cho mày mới lớn được như vậy. Mày nhớ ngày mà làm đám giỗ cho đàng hoàng.” Dặn dò tôi xong ông quay qua kể với mọi người “ Tôi còn nhớ hôm đó trăng sáng như ban ngày, đang thiu thiu ngủ nghe heo kêu tôi cầm đèn ra coi thử, đi ngang giường con nhỏ, tôi giẫm nhầm vũng máu mới hay nó chết, tội nghiệp con

nhỏ mới mười chín tuổi đầu. Các anh biết không, một viên đạn đại liên trên đồn Bốn lăm bắn xuyên qua đầu con nhỏ, may mà thằng này (ông chỉ tôi) nằm dưới nách mẹ nó, nên viên đạn trượt qua đầu nó làm bị thương con heo đặng sau nhà “ . Vừa kể vừa gạt nước mắt nước mũi chảy hoang huệnh trên mặt trên râu. Lúc ấy, ai cũng nhìn tôi với ánh mắt thương hại, tôi cảm thấy khó chịu vô cùng, bây giờ nhớ lại, bất giác rùng mình tôi lắc đầu “ghê rợn quá” Tôi cố quên những hình ảnh đáng sợ ấy, bằng cách nhớ lại tấm lưng trần mềm mại của chị Sinh. Sáng nay, chị qua nhà tôi dự đám giỗ, nhấp tí rượu, gò má đỏ ửng, mắt chị long lanh nhìn tôi . Khi đặt thức ăn lên bàn chị chồm qua vai, ngực chị khẽ đụng vào người tôi, tôi nghe như có dòng điện chạy dọc sống lưng . Tôi đi lẩn về phía giếng, với niềm hy vọng chị sẽ xuất hiện ,tôi nhớ mình có đọc đâu đó một câu chuyện tương tự như trường hợp của tôi . Chắc chắn tôi sẽ không bỏ lỡ dịp may được chạm vào tấm lưng trần của chị. Nhưng tuyệt nhiên vắng lặng, chỉ có ánh trăng bao trùm vạn vật và những bài ca vô vọng của đám côn trùng đang thi nhau gào thét, nghe mù cả người .

Sáng hôm sau, tôi khăn vè thành phố trọ học, bỏ lại sau lưng tuổi thơ đại khờ với ngôi nhà từ đường rộng thênh thang cùng với người ông mà chiếc bóng mỗi ngày một ngẩn lại trong khu vườn buồn bã .

* * *

“Mười lăm năm, kể từ ngày rằm tháng mười năm ấy “ tôi lẩm bẩm và nhích dần bàn tay trên mặt bàn,” chỉ chút xíu nữa thôi sẽ chạm vào quá khứ“. Tôi tự nhủ như vậy và khẽ nhích thêm bàn tay lên một xen - ti mét nữa, chạm tới ranh giới cuối cùng của mặt bàn . Chị Phương ưỡn lưng về phía trước.

Giọng thầy giáo vẫn đều đều về quá trình hình thành nhân cách cho học sinh hay cái gì đó tương tự, lời giảng loáng thoáng vượt qua tai. Mặc kệ, tôi khẽ

nhích thêm một chút nữa . Vượt qua giới hạn mặt bàn, bỗng dung bàn tay tê buốt, lạnh cứng. Người bạn ngồi kế bên đung vào vai tôi :

- Viết bài đi. Thầy nhìn kia, làm thơ hả?

Tôi giật mình rụt tay lại, thở dài, nhặt cây viết tô đậm đầu bài, hàng chữ duy nhất trên trang giấy .

Huyền Thoại Biển

(bút danh khác: Dạ Thảo Linh)

Các ca... c.. a.. a. Các... ca... ca...a. Con chim báo bão bay ngang sườn núi Chúa, vụt quay đầu hướng thẳng lên bầu trời phát ra tràng tiếng kêu khan đục, báo hiệu cơn bão sắp tràn về đảo. Phía hòn Cau mặt trời đang chìm dần xuống biển để lại những vệt sáng đỏ rực trên mặt biển. hướng đồng vành trăng toả lên bầu trời thứ ánh sáng mờ mờ. Giây phút giao hoà ngày và đêm đã tạo cho biển không gian huyền ảo lạ lùng.

Chiếc thuyền câu mực đang từ từ tấp vào bãi, bên cạnh cầu tàu chín trăm mười bốn. Nguyệt chạy chân trần trên cát, mái tóc bay ngược ra sau, hồn nhiên như trẻ nhỏ, cô reo lên:

- A... Chú đã về.

Người đàn ông trạc ngoài ngũ tuần đứng dạng chân chèo trên thuyền, sự từng trải biển cả hiện rõ trên khuôn mặt răn rỏi. Ông nhìn cô khẽ mỉm cười. Nguyệt ào xuống nước phụ ông lôi vào bờ giỏ mực lớn. có con dài hơn nửa

thước tây. Cô ngược nhìn ông:

- Nghe chim các ca kêu chầu sớ quá. Tưởng tối nay chú không về sẽ gặp bão.

- Tiếc quá, đang gặp chỗ có nhiều mực nhưng đành phải về sớm.

Những con sóng tràn vào bờ với vẻ ồn ào vội vã đã xua những đàn tàu đánh cá tấp vào cầu cảng bến Đầm. Đám ngư dân đất liền đổ bộ lên bờ phá tan sự yên tĩnh vốn có của thị trấn Côn Đảo. Một số trong bọn họ đang ngồi nhậu trong công quán tò mò nhìn hai người. Họ không thể đoán nổi hai cư dân đảo này có quan hệ như thế nào với nhau. Ông già câu mực có vẻ trầm lặng bên cạnh cô gái trẻ đang liến thoắng với những người mua mực. Thi thoảng cô quay qua nhìn ông bằng ánh mắt âu yếm.

- Hai người ấy là vợ chồng hay là gì vậy?

Một người tò mò nhìn cô gái bán quán.

- Họ là bạn.

Là bạn ư?

Những người đang nhậu đều ngừng lên trở mắt nhìn cô phục vụ.

- Ông ta là cựu tù Côn Đảo trước đây. Sau ngày giải phóng ông trở lại Côn Đảo sống bằng nghề câu mực. Ông sống một mình không bà con thân huộc. Còn cô gái ở đất liền mới ra đảo ba năm nay.

Những vị khách ở công quán đều ngừng lên lắng nghe cô gái bán quán kể câu chuyện kỳ lạ, gợi trí tò mò của họ.

- Cách đây ba năm công an Côn Đảo tuần tra bắt gặp một con tàu giả dạng tàu đánh cá đậu ở bến cảng Đầm. Trên tàu có mười lăm cô gái hành nghề "nhảy tàu" ghé đảo làm ăn. Các chú cũng biết, Côn Đảo là xứ sở không có loại tệ nạn nào tồn tại nên việc ấy dễ dàng bị phát hiện. Công an đã ra lệnh trục xuất họ. Sáng hôm sau, người đàn ông câu mực học tốc đưa vào bờ một cô gái trong tình trạng hôn mê. Mọi người nhận ra cô ta là một trong mười

lăm cô gái trên tàu bị trục xuất từ chiều hôm trước. Người đàn ông kể rằng: Ông nhìn thấy cô ta lao từ con tàu xuống biển và ông đã vớt cô ở khu vực biển gần hòn Cau. Khi được cứu tỉnh cô xin được ở đảo để làm lại cuộc đời. Còn Đảo mở rộng vòng tay đón nhận cô. Ông cất thêm cái chái bên nhà cho cô gái và họ thành bạn của nhau từ đó.

Nghe xong câu chuyện, gã thanh niên có bộ râu quai nón gục gặc pha trò: - Nếu chỉ làm bạn thì lãng phí quá.

Cô gái bán quán đỏ mặt đứng lên. Cả bọn cười rồi ồn ào nâng cốc cụng ly ngửa cổ đổ rượu vào miệng ừng ực. Đối với họ câu chuyện trên bất quá cũng giống như bộ phim tình cảm mà họ đã từng coi trong đất liền.

Đêm nay, ông lại không ngủ được. Di chứng của những đòn tra TẤN KHI CÒN Ở TÙ CỨ HÀNH HẠ ÔNG MỖI KHI TRỞ TRỜI. ÁNH trăng như những cái que soi qua mái nhà xuyên xuống nền đất tạo ra thứ ánh sáng trong xà lim "chuồng cọp kiểu Mỹ" làm cho ông hồi tưởng lại quá khứ. Mỗi lần không ngủ được điều ấy lại hiện về hành hạ ông. Nó đau buốt đến đại người, đau hơn cả những vết thương trong cơ thể ông dồn lại.

... Trong số tù binh chính trị bị đày ra Côn Đảo trong thời gian đầu của nền "đệ nhị Cộng hoà", người ta chú ý đến người tù trẻ có thân hình rắn chắc khoẻ mạnh và khuôn mặt đẹp trai của anh. Đám vợ giám thị tò mò nhìn những tù binh mới. Mẹ vợ của cai ngục trại Phú Hải kè tai nói nhỏ điều gì vào tai vợ giám thị Sung. Cả hai đám nhau cười rưng rức.

Hơn nửa tháng bị giam trong xà lim, người tù đẹp trai được chỉ định làm "công nhân tư gia" phục vụ cho gia đình cai ngục. Chưa nhận được tín hiệu của bạn tù, anh đành chấp nhận mệnh lệnh của cai ngục. Anh không ngờ nét đẹp trời phú cho anh lại là định mệnh khắc nghiệt của luật bù trừ. Mẹ vợ cai ngục đối xử với anh tử tế hơn so với những người tù phục vụ khác. Hai tuần

sau anh được ngủ lại trong nhà bếp của dinh thự cai ngục. Vào đêm trăng sáng như đêm nay, đang thao thức với nỗi nhớ đất liền, bỗng mùi nước hoa hăng hắc thoảng qua rồi thân hình nhầy nhụa như con sứa biển đổ ập lên người anh. Lần đầu tiên trong đời anh biết thế nào là nỗi nhục nhã của một người đàn ông "bị hiếp dâm". Công việc ấy kéo dài nhiều ngày cho đến khi tên cai ngục lôi vợ của mình ra và phang vào đầu anh cây ba toong hẳn thường mang bên người. Anh ngất đi, khi tỉnh dậy anh thấy mình nằm trong xà lim tắm tối với cái đầu đầy máu. Từ đây anh sống những chuỗi ngày buồn bã bởi sự ghẻ lạnh của bạn tù.

Đến ngày giải phóng trở về đất liền, anh được đón tiếp bằng nhiều nghi vấn và cũng cùng là sự im lặng đáng sợ. Không kỷ luật, không cha mẹ, vợ con. Sau nhiều ngày lang thang, anh quyết định trở lại Côn Đảo và trở thành ngư dân...

Những suy tưởng kéo ông dần vào giấc ngủ. Mặt trăng ngả về hướng hòn Cau. Những con sứa biển vây quanh ông trong cơn ác mộng.

Nguyệt không ngủ được, kê tai vào vách cô nghe rõ hơi thở nặng nhọc của ông. Ngồi bó gối trên giường, cô nhìn ra biển. Ngay từ nhỏ cô đã yêu biển. Nhiều lần trong giấc mơ cô thấy mình tan vào biển cả mênh mông. Cách đây ba năm khi cô sắp hoá thân thì ông giành cô lại từ tay mẹ biển. Cô quyết định ở lại đảo để từ bỏ cuộc đời truy lạc. Không biết vì cô bị mê hoặc bởi vẻ hoang sơ của thiên nhiên hay vì những giọt nước mắt của mẹ cô. Cô nhớ người mẹ bắt lực đã ôm cô khóc như mưa. Bà dúi vào tay cô bó tiền khi cô ra đi. Nhưng ngày ấy cô không mảy may xúc động, cô ném bó tiền lại và khinh khỉnh nói:

- Hãy để mà phục vụ ông ấy.

Bà chới với đưa đôi tay gầy guộc về phía con gái. Sau đó bà đã chết vì sự

đau buồn và những trận đòn hành hạ của lão chồng hờ bất nhân. Cô trở về tiễn bà ra nghĩa trang, đôi mắt cô ráo hoảnh. Sợi dây cuối cùng với quê nhà đã bị cắt đứt. Suốt thời gian hồ những giọt nước mắt của bà cứ đeo đuổi cô. Hình như ngày ấy có vài giọt nước mắt rớt trên tay cô, cô rụt lại vì cảm giác nóng rát. Như một vệt bỏng không lành miệng, mỗi lần nhớ mẹ cô lại nghe cảm giác ran rát trên tay mình.

Ồ... ơ... ớ...

Tiếng rên rĩ và hơi thở khó nhọc phát ra phía bên kia vách. Ông là người đàn ông đầu tiên mà cô thương đến quặn thắt ruột gan. Đã ba năm rồi ông cưới mang cô, ông sống như chiếc bóng, chẳng màng đến vẻ đẹp quyến rũ của cô. Càng ngày cô càng yêu ông hơn. Nhớ hình ảnh sừng sững của ông trên bãi biển chiều nay, cô đưa tay xoa bờ vai trần của mình. Cơ thể nóng bừng lên theo sự vuốt ve của chính cô. Cảm giác này cứ lập đi lập lại vào mỗi đêm trăng sáng, từ hơn nửa năm nay. Cô cũng không thể hiểu nổi chính mình. Ngày xưa cô đã từng nằm trong vòng tay của bao gã trai trẻ nhưng cô chưa bao giờ có được cảm giác ấy.

Ken... kết... k.. ét... Ông đang trở mình. Cô hình dung thân hình rắn chắc của ông đang co lại vì cơn gió biển ùa vào nhà. Cô rời giường đi về phía phòng ông. Ông không nằm nghiêng như cô nghĩ. Ông nằm ngửa. Bộ ngực vạm vỡ phập phồng. Cô nhẹ nhàng đặt tay lên ngực ông - Những con sứa biển bám vào người ông. Một con, hai con... nhiều con vây chặt kéo ông vào lòng biển. Con sứa lớn nhất có gương mặt của mẹ vợ tên cai ngực kề sát mặt ông - Ông vùng vẫy bật dậy, đôi mắt mở trừng trừng nhìn cô, toé lửa. Cô hét hoảng lùi lại lùi dần ra cửa. Người vẫn cứ nóng ran, cô đi về phía bờ biển. Cơn gió biển thổi bông mái tóc của cô. Dưới ánh trăng, biển tung những con sóng bạc đầu mời gọi. Như kẻ mộng du cô rũ bỏ những thứ ràng buộc trên người. Cô cất tiếng hát, tiếng hát du dương đã từng ru ngủ hàng trăm gã đàn

ông.

Trong tư thế hoang sơ, cô đi dần vào lòng biển cùng với tiếng hát của mình. Biển mở rộng vòng tay vuốt ve thân thể ngọc ngà của cô...

Sáng hôm sau, những cư dân ở bờ biển Côn Đảo loan báo một huyền thoại mới bổ sung vào kho tàng huyền thoại đầy ắp của xứ đảo. Họ khẳng định rằng đêm qua họ đã chứng kiến một nữ nhân ngư hiện lên. Nàng cất tiếng hát liêu trai mê hoặc. Thân hình của nàng trong suốt lấp lánh dưới ánh trăng. Vì sự xuất hiện của nàng mà cơn bão sắp kéo về đã bị đẩy lui, trả lại sự yên bình cho biển cả.

KỂ VÔ HỌC

Đêm. Khu rừng rộ lên những âm thanh ma quái, rừng không hề yên tĩnh như cái vẻ bề ngoài của nó. Tiếng nai tác, hổ gầm, cú rúc, làm cho hấn cảm thấy bình yên, đó là thói quen mười mấy năm qua! Hấn sợ nhất là bỗng dưng rừng im bật, chim ngừng hót, thú ngừng kêu, chỉ còn rì rào âm thanh đều đều, mê hoặc, ru ngủ của dòng suối bên căn chòi. Những lúc như vậy, hấn nắm chặt chuôi dao găm, cặp mắt tròn xoe như mắt mèo rừng nhìn đăm đăm vào bóng tối. Đứa con gái nằm trên cái sạp tre, hấn bẻ từng cành củi nhỏ ném vào đồng lửa để sưởi ấm cho con. Đã từ lâu hấn không bao giờ ngủ ban đêm, hấn thức không phải vì sợ thú rừng mà sợ con người, hấn căm ghét loài

người, tất nhiên ngoài con gái của hắn ra. Điều hắn bực bội nhất là đứa con gái hoang dã của hắn ngày càng xinh đẹp, giống mẹ như đúc. Dù mọi sự liên hệ với xã hội loài người đều thông qua con gái, nhưng hắn dạy con phải căm ghét loài người, luôn luôn nghi ngờ thì mới tồn tại được, con người là loài động vật ưa phản bội nhất ! Năm mười hôm hắn cho con ra bản làng một ngày. Những người dân Chợ Ro hiền lành không hề quan tâm đến cô gái nửa kinh, nửa thượng thường mang thú rừng ra đổi gạo muối cho quán tạp hoá của lão Chêch đầu bản. Hắn không bao giờ cho con gái mang cái gương về nhà, nhìn thấy gương là hắn đập ngay. Ngày xưa vợ hắn cũng thường soi gương như vậy. Hắn thù hận nàng, nhưng hắn nhớ quay quắt nụ cười của nàng. Ngọn lửa liếm dần cành gai ào táo, ánh lửa xanh lè ma quái, ngọn lửa liêu trai và dâm dăng. Bỗng dừng máu trong huyết quản của hắn sôi lên, ngọn lửa làm hắn nhớ hình ảnh nàng quấn quai cuốn đôi chân ngà ngọc vào tấm thân trần của tên khốn nạn! Hắn nhớ ngày hắn dắt nàng về nhà, mẹ hắn khen nàng đẹp, nhưng bà lại nhìn hắn bằng con mắt lo lắng khi thấy nụ cười mon tron của nàng dành cho hắn. Bà lẩm bẫm:Đời thằng này rồi sẽ khốn nạn! Mẹ hắn bao dung đón nhận đứa con hư hỏng trở về, hắn biết rõ điều đó, một nhược điểm cố hữu của những người đàn bà nông thôn, chú hắn bảo thế mà! Đôi mắt lá rậm lúc thì lúng liếng, lúc xa xăm của nàng đã hợp hồn hắn. Bao nhiêu tiền bạc kiếm được, hắn mang đến quán karaoke để mua nụ cười của nàng.

Mẹ hắn, người đàn bà từng trải, một phụ nữ Việt Nam điển hình, chịu muôn vàn mất mát đau thương. Cha và anh trai hắn hy sinh lúc cùng đoàn quân vào đến tận cửa ngõ Sài Gòn. Đồng đội kể rằng:Khi niềm vui chiến thắng đã gần kề, hai cha con gặp nhau trên đường hành quân, họ ôm nhau, ôm như thể dính vào nhau và họ đã chết trong tư thế lạ lùng như vậy. Họ chết cứng, bọn Mỹ ném quả bom ngạt CPU cuối cùng xuống mặt trận Xuân Lộc trước khi

tháo chạy. Lúc ấy, hấn mới mười lăm tuổi, mười lăm tuổi nhưng hấn đã là lực điền, một lao động chính, khi nghe tin cha và anh hấn hy sinh, mẹ hấn ngất xỉu trên đám ruộng đang cấy dở, hấn vác mẹ chạy về làng. Tưởng bà ngã quy đọt ấy luôn, nhưng trái với sự tưởng tượng của mọi người, bà tỉnh dậy, cặp mắt ráo hoảnh và lạnh như băng, trong lúc những đồng đội của chồng và con trai bà vừa làm lễ truy điệu vừa khóc. Họ khóc vì thương đồng đội, họ khóc vì chứng kiến cái chết đầy bi tráng của cha con người lính. Hai cha con dính chặt vào nhau, không gỡ ra được, đồng đội đành phải làm quan tài đôi để chôn chung hai người. Mẹ hấn dành hết tình thương còn lại cho hấn, nhưng hấn đã phụ công ơn của mẹ. Học chưa xong tú tài, hấn bỏ học theo bạn bè đi đào đá đỏ. Học làm quái gì, cái thứ lý thuyết vô bổ ấy. Hấn thấy chú ruột của hấn học chưa qua tiểu học, cũng làm cán bộ to trên huyện. Mỗi khi tạt qua nhà thăm chị dâu, sau khi đánh một vòng quan sát khu vườn đất hương hỏa, ông vỗ vai hấn nói:

- Nghe bảo mày học dốt lắm hả, đã học không vô thì cố học làm quái gì, đâu có phải ai có học cũng giỏi cả đâu, tao chỉ học hết lớp ba mà mày thấy đó, mỗi khi về trường mày dự lễ tao chỉ mới nói một câu: Kính chào thầy cô giáo..!, là bọn trí thức ấy vỗ tay rầm rầm. Hà hà... Có tiền có quyền là có tất cả mày hiểu chưa?

Ông cười sáng khoái vì sự phát hiện ra điều chứng tỏ sự thông minh của mình. Hấn không thích ông chú ruột lắm, một kẻ vô học dám chế nhạo các thầy cô giáo của hấn, dù hấn có học dốt thì các thầy cô hấn cũng là những người đáng kính, nhưng hấn thấy ông ấy nói có lý. Mẹ hấn căm ghét ông em chồng ra mặt, có lần nghe chú hấn nói thế, bà nổi giận mắng té tát vào mặt ông:

- Đồ sâu bọ, đồ rắn rít, chú đừng truyền tư tưởng mạt dạn dạy đày cho thằng bé, không hiểu sao chồng tôi lại có người em khôn nạn như chú!

Ông chú cười nhăn nhở:

- Thời thế nó vậy bà chị ơi, nhà có hai anh em, một người sống lý tưởng thì người kia phải thực tế mới có tiền lo cho gia đình, dòng họ chứ!

- Chú nói vậy, làm vậy mà không sợ bị mất chức à ?

- Ấy đó là em chỉ nói với chị thôi, người nhà với nhau, chứ ra ngoài em đạo đức lắm, em khuyến khích sự học đấy chứ, ai cũng khen em cả chị không thấy sao. Thôi chị đừng giận, em về đây, khi nào thằng cháu không học được nữa chị tổng nó lên huyện cho em.

Nói xong ông kéo hẳn ra góc vườn dúi cho hẳn một nắm tiền. Từ những đồng tiền của chú cho, hẳn trượt dần xuống vũng lầy cuộc sống, chưa nghiệm ngập nhưng hẳn chán học, mới mười bảy tuổi đầu hẳn biết đánh bạc, chơi gái.

Việc trốn học xảy ra như cơm bữa, thầy giáo gửi thư báo tin cho mẹ hẳn, hẳn chặn đường mấy đứa bạn tước thư đi. Hàng ngày hẳn vẫn quần xanh, áo trắng mang cặp đi học. Trường học của hẳn là quán karaoke trong thị trấn. Ở đây hẳn gặp nàng, nàng trói chặt cuộc đời gã trai tơ của hẳn bằng đôi chân mềm mại như ngó sen. Mỗi lần ghé qua uỷ ban, chú hẳn lại dúi cho hẳn vài triệu. Hẳn sống như vua con cho đến cái ngày đích thân thầy chủ nhiệm đến báo tin cho mẹ hẳn biết hẳn đã bị đuổi học, lần này thì mẹ hẳn quy thực sự, bà khóc liền mấy ngày đêm. Hẳn nạt mẹ:

- Có gì mà khóc, cần gì phải học, đâu phải cứ có học mới giỏi, con sẽ làm giàu cho mẹ coi.

Mẹ hẳn nhồm dậy, đầu tóc rũ rượi, bà hét vào mặt hẳn:

- Mày cút đi, thằng khôn nạn, mày làm nhục vong hồn cha mày.

- Làm quái gì có vong hồn, chết là hết - Hẳn lảm bảm, rồi vác ba lô lên rừng đào đá, chú hẳn đã rí tai cái công việc dễ kiếm tiền này, ông tận tình hướng dẫn cận kề về vùng đất mà hẳn sẽ đến. Sau một năm lăn lộn, hẳn trúng lớn.

Không như hăm dọa của nhiều người, hẳn chẳng hề bị sốt rét, chẳng phải

đâm chém, chỉ đánh nhau vài trận, nhưng dường như có sự che chở vô hình nào đó nên bọn "lính cũ" hậm hực dặt ra để hấn làm ăn tự do. Việc đầu tiên khi trở về thị trấn, hấn vào quán Karaoke tìm nàng, hấn xoè ra trước mặt nàng nắm đá đỏ, nàng vội vứt bỏ tất cả mọi thứ linh kính trong quán, theo hấn về quê. Hấn xây nhà mái bằng, làm hấn bồn tắm trong phòng ngũ để vợ chồng tắm chung. Hấn đặt một bàn thờ sơn son thếp vàng thay cho bàn gỗ ngay giữa nhà, hấn tạc hình cha và anh lên sơn mài, lồng hai cái bằng "Tổ quốc ghi công" và cái khung kính mạ vàng mười tám. Ai vào nhà cũng trầm trồ khen sự hiếu thảo của hấn. Họ khen mẹ hấn có con trai giàu có, con dâu xinh đẹp. Mẹ hấn không vui, không buồn, hấn ném ra rào cái bát hương sành để thay lu đồng trên bàn thờ, bà lặng lẽ mang bát hương vào buồng của mình. Tối bữa bà ăn rau chãm tương, chứ không hề đụng tới thịt cá, từ ngày hấn bỏ học mẹ ăn chay trường, tụng kinh suốt ngày.

-Mặc xác bà ấy, cụ lắm cảm mất rồi !

Nói xong hấn lẩn vào nàng...

Thành nhích dần về phía căn chòi, anh biết rõ gã tội phạm bị truy nã đang ở trong căn chòi kia, anh cũng biết gã rất nguy hiểm và nhanh nhẹn. Mới ra trường, Thành đã nhận một nhiệm vụ khó khăn, anh phải truy nã tên tội phạm giết người sống ngoài vòng pháp luật suốt mười lăm năm qua. Mười lăm năm, quãng thời gian đủ để cho con người quên đi nhiều thứ, nhưng nghề của anh thì không được quên, tên tội phạm nguy hiểm sẽ bị truy nã bằng mọi giá. Khi nhận nhiệm vụ, anh chỉ có trong tay tấm hình của hai người trẻ tuổi đang trao nhau cái nhìn âu yếm. Chàng trai có gương mặt cương nghị rắn rỏi, môi dày trễ ra khi cười, mắt sáng, mái tóc đen nhánh bông bênh, cô gái mắt lá rằm, mũi dọc dừa, nụ cười tươi như hoa, lúm đồng

tiền tăng phần quyền rũ trên gương mặt bầu bĩnh. Ngắm đi, ngắm lại tấm hình, anh không tin rằng chàng trai có nụ cười hiền lành lại là một tên tội phạm nguy hiểm, một kẻ giết người và đang trốn tránh pháp luật. Có nguồn tin tên giết người đang lẩn tránh trong vùng rừng núi miền Đông Nam bộ. Trong vai một họa sĩ, Thành cấp giá vẽ lang thang nhiều ngày trong các bản làng miền Đông, từ Bình Dương đến Đồng Nai nhưng vẫn chưa có vết tích gì cả. Lợi thế lớn nhất của Thành là anh biết vẽ, trước khi theo ngành công an, anh đã tốt nghiệp cao đẳng mỹ thuật. Thành thu mình thật nhỏ lại trong bụi cây quan sát căn chòi có ánh lửa bập bùng dưới gốc cây lim già. Anh biết tên tội phạm nguy hiểm, kẻ giết người đang ở trong ấy. Hắn không chỉ ở một mình, hắn ở với một con người thánh thiện. Cô trong trắng như bông hoa rừng, anh không muốn làm cho cô tổn thương nên anh phải thu mình chờ đợi. Anh gặp cô trong một lần mang giá vẽ vào rừng. Đã một tuần trôi qua anh chưa tìm ra manh mối gì cả, nhưng bù lại anh có gần chục phác thảo tuyệt đẹp về núi rừng và những cảnh sinh hoạt hấp dẫn của người dân tộc. Đang lang thang trong rừng anh bỗng nghe tiếng hát, tiếng hát thánh thót của một cô gái, tiếng hát rất hay dù bài hát là những ngôn từ lộn xộn và kỳ cục. Anh lần theo tiếng hát và gặp cô, cô ngâm mình trong nước, váy áo dính sát người, lộ những đường cong tuyệt mỹ. Không kiềm chế được trước vẻ đẹp lạ lùng ấy, anh bày giá vẽ. Ngọn bút chì chạy thoăn thắt trên giấy, vừa vẽ anh vừa van lơn: "Đứng yên nhé! Đứng yên nhé!" Thấy anh chàng trẻ tuổi có hành động kỳ lạ cô chẳng hiểu gì cả, nhưng dường như cô đọc được điều gì đó trong ánh mắt van lơn ấy, nên cô đứng yên. "Xong rồi!" - Tung cây bút chì xuống dòng suối, anh reo lên như đứa trẻ. Cô lội lên bờ tò mò ghé mắt vào bức tranh. Anh quay lại nhìn cô thốt lên: "Em đẹp lắm!" Cô gái bật cười lanh lảnh. "Em tên gì?" - Anh hỏi. "Tên ư? Không có tên!" Nói xong cô vụt chạy vào rừng. Đêm về, nằm một mình trong ngôi nhà rông của già làng,

anh mang bức tranh ra ngắm, lúc này anh mới giật mình thấy gương mặt của cô quen lắm, dường như anh gặp ở đâu rồi. À đúng rồi, gương mặt cô giống như tác người chụp chung với tên tội phạm trong tấm ảnh mà cấp trên giao cho anh. Cái tư duy nhạy bén của người công an quay trở lại trong anh, anh đã tìm ra manh mối của vấn đề...

Đêm ấy, cô không ngủ được, lần đầu tiên trong đời cô không ngủ được, ánh mắt van lơn của chàng trai bên bờ suối theo cả vào trong giấc mơ, ánh mắt mon trớn, vuốt ve cô. Tâm hồn rạo rực, người nóng ran, cô lang thang ra rừng. Cô không hề kể cho cha cô nghe chuyện này, ông sẽ giết anh ấy mất, ông rất ghét con người, đó là điều bí mật ông không bao giờ kể cho cô nghe. Không hẹn nhau, ngày hôm sau và nhiều ngày sau nữa họ gặp nhau bên bờ suối, giống như duyên nợ tiền định...

Cô đã ngây thơ kể cho anh nghe về người cha kỳ cục của mình và quãng đời sống cơ cực trong rừng sâu, suốt mấy chục năm qua. May mắn, ông còn cho cô về buôn làng để giao tiếp với người Chơ Ro, người dân tộc ở miền Đông này không giống như ở Tây Nguyên, ngôn ngữ chính của họ là tiếng Kinh, nhờ đó mà cô biết được nhiều chuyện của xã hội loài người, dù vậy cô vẫn là con người hồn nhiên, hoang dã cho tới ngày cô gặp anh...

Thành sẽ phải bắt cha của cô, đó là nhiệm vụ, anh không thể làm khác được, anh đã xác định được tên tội phạm truy nã mà cơ quan công an đã tìm kiếm suốt mười lăm năm qua. Nhưng anh không muốn làm cô hoảng sợ, ngồi thu mình trong bụi cây anh chờ cô ra ngoài để hành động, anh chợt nhớ lời mẹ anh, trước khi anh lên đường vào trường đại học Cảnh sát, mẹ nói: "Con hãy suy nghĩ cho kỹ, mẹ biết con đau lòng về cái chết của cha con, nhưng tư chất nghệ sĩ của con không theo nghề này được!" Bây giờ anh mới thấy mẹ nói đúng, nhưng dù sao anh cũng phải hoàn thành nhiệm vụ này, nhiệm vụ đầu tiên trong đời làm cảnh sát hình sự của mình. Nhất định cô ấy phải ra, anh sẽ

bắt cha cô rồi thuyết phục cô trở lại với xã hội loài người, anh sẽ đùm bọc cho cô.

Hắn ném thêm một thanh củi vào đống lửa, con bé lại trở mình. Lạ thật! Cả tháng này con bé thần thờ như người mất hồn, từ khi con bé lớn đến giờ, hắn không dám nhìn vào mặt con. Hắn sợ gương mặt ấy lắm, sao mà nó giống nàng như đúc, quả là oan nghiệt ! Hắn nhớ rất rõ cái ngày khôn nạn ấy...! Của như núi, ăn mãi rồi cũng phải hết, khi đưa con gái đầu lòng được hai tuổi, nàng suốt ngày soi gương và than phiền, vì hết tiền nàng buộc lòng phải thay đổi kem dưỡng da loại rẻ tiền nên da nàng không còn tươi như trước. Hắn bảo nàng không phải lo, hắn sẽ lên rừng kiếm ít đá đỏ, mỏ đá mà hắn phát hiện mới lấy một ít, khi trở về hắn cẩn thận lấp lại để đó. Hắn hôn nàng rồi lên đường, mẹ hắn vào buồng tụng kinh.

Ngọn lửa tàn dần, hắn lại ném vào đống lửa một cành cây, con chim cú rúc lên những âm thanh ma quái trên cây lim già trước căn chòi. Bỗng dừng tiếng rúc ngưng giữa chừng, khu rừng tĩnh lặng mọi thứ im bật, hắn bật dậy đặt tay vào chuôi dao. Vài phút sau, có tiếng cú rúc trở lại, hắn thở phào ngồi xuống, con gái hắn trở mình nhìn cha, rồi nhắm mắt. Mười mấy năm sống trong rừng với cha, con bé nhanh như sóc, nhấp nháy nó có thể phóng lên ngọn cây tranh nhau với lũ khỉ hái mớ trái gùi.

Hắn trở lại vùng đá đỏ không thuận lợi như lần trước, hầm đá mà hắn phát hiện đã có người khai thác. Nhưng hắn không nản lòng, hắn sẽ tìm chỗ khác, đất ở đây mênh mông hắn lo gì. Lúc này công an truy quét dữ lắm, nhưng hắn có bừu bồi, chú hắn đã có lời nhắn gửi cho một người bạn làm lớn ở vùng này, nên hắn hoạt động tự do. Hắn hi hục suốt sáu tháng trời nhưng chưa trúng quả như lần đầu, hắn sẽ không trở về, nhất định như thế. Nàng sẽ trách hắn để cho nàng thiếu thốn. Hắn yêu nàng, hắn không muốn nhìn thấy

cái cau mày của nàng. Hắn biết ơn nàng. Xung quanh nàng có bao nhiêu người sẵn đón, nhưng nàng chọn hắn. Hắn phải làm cho cuộc sống của nàng sung sướng. Lần này hắn sẽ cố kiếm thật nhiều tiền rồi giải nghệ nghề đào đá. Hắn sẽ nhờ chú kiếm một chỗ ở chợ huyện để mở một sạp vải cho vợ buôn bán. Trời lại mưa, hắn nằm ngửa, gói đầu trên đùi cô gái điếm. Nhà thổ phục vụ cho dân đào đá đổ mọc lên từ lúc bãi đá mới có vài mươi người. Những cô gái điếm quá tuổi xuân dạt lên đây kiếm sống. Tuy nhan sắc tàn phai nhưng họ cũng giúp cho những tay đào đá khoẻ mạnh giải quyết khoản khao khát đàn bà. Hắn không bao giờ đụng đến bọn này, hắn chỉ cần chúng đấm lưng, nhổ tóc ngứa và hát cải lương cho hắn nghe thôi. So với vợ hắn, bọn này chỉ là con quạ xấu xí trước con công sắc sỡ. Trước khi lấy hắn, nàng cũng là kỹ nữ, nhưng kỹ nữ hạng sang, nàng chỉ chấp nhận đi chơi với những ai có xe hơi. Hắn là trường hợp ngoại lệ. Hắn bị nàng hớp hồn sau lần hắn được chú hắn đưa vào quán karaoke, gặp nàng hắn thấy đám bạn gái kiêu kỳ ở trường trung học chỉ là đám trẻ ranh. Chú hắn đã tạo mọi điều kiện cho hắn gặp nàng, nàng đã chiếu cố sau nhiều ngày hắn quỳ dưới chân nàng. Cậu học sinh trung học hoang đàng biết mùi đàn bà trong một cơn say, hắn cầu xin nàng làm vợ hắn, nàng đồng ý nhưng với điều kiện hắn phải đảm bảo cho nàng một cuộc sống sung sướng. Hắn lên đường kiếm tiền, lần ấy hắn gặp may và đã có được nàng. Hắn mơ màng nghĩ đến ngày hắn trở về, nàng sẽ đón hắn bằng nụ cười tươi rói ngay đầu ngõ. Hắn sẽ vâng cho nàng một trận ra trò, hắn không muốn phí sức với đám đi rài, đi rạc này. Hắn cũng nhớ con nũa, đưa con gái có đôi môi nhỏ xíu chúm chím mỗi khi hắn đặt nụ hôn trên đôi má thơm tho của nó. Đang mơ màng, mụ chủ quán sập sập đá vào người hắn.

- Dậy đi, có người dưới xuôi báo tin mẹ mày chết rồi, chết cả tháng nay.

- Thật à ?

Hắn bật dậy như cái lò xo, bàng hoàng hỏi một câu thừa. Mẹ hắn đã chết ư? Hắn đúng là đứa con bất hiếu, mấy tháng qua hình ảnh nàng chiếm hết tâm trí, khiến hắn quên mất hình ảnh người mẹ tàn tạ ngày xưa nuôi hắn khôn lớn. Hắn vợ vội túi đá vụn rồi lao ra đường. Về đến nhà trời đã khuya, hắn nghe tiếng con gái khóc. Hắn ngưng lại, với kinh nghiệm của một kẻ giang hồ bãi đá hắn nhận ra chuyện khác thường. Dưới ánh trăng mờ mờ hắn thấy chiếc xe gắn máy của ai giấu bụi chuối sau hè. Hắn rón rén như con mèo rừng, tay đặt lên chuôi dao găm đeo bên hông, lưỡi dao lê của Mỹ sắc như nước luôn được hắn đeo bên mình, đó là thói quen của dân đào đá đỏ. Ghé tai vào cánh cửa gỗ, hắn nghe tiếng rên nho nhỏ trong cổ họng của người đàn bà, tiếng rên này hắn quen thuộc lắm, tiếng rên dĩ thỏa của nàng. Mặt nóng bừng, hắn đập cửa xông vào, hai tấm thân trần truồng thỏ thẻ trắng lớp nổi lên giữa bóng tối mờ mờ, bọn chúng làm trò bỉ ổi ngay trên ghế salon, trước bàn thờ của mẹ hắn. Hắn vung dao, gã đàn ông vọt chạy về phía cửa sau, hắn lao theo. Nàng chồm lên ôm chân hắn. Không kịp suy nghĩ, hắn vung dao đâm xuống, lưỡi dao ngấp vào tấm lưng trần trắng toát của nàng, hắn rút dao máu vọt thành vòi, nàng hực lên ngã xuống, hắn hất nàng ra và lao theo gã đàn ông, nhưng đã trễ, tiếng xe máy nổ xa dần trong đêm tối. Hắn quay lại sững sờ chết lặng bên xác nàng. Hắn hoàn toàn không ngờ điều khốn nạn này đã xảy ra trong ngày hắn trở về.

Oe...o..e..oe...

Tiếng khóc của con gái kéo nó về thực tại, hắn chợt nhận ra mọi chuyện, hắn bế thốc con gái và băng mình vào đêm tối...

Mới đó mà đã mười lăm năm rồi, mười lăm năm trốn tránh khắp nơi, cuối cùng hắn quyết định sống trong rừng sâu của miền Đông Nam bộ này...

Mười lăm năm, mà hắn nhớ rõ mồn một như chuyện vừa mới xảy ra hôm qua...

Thành nhìn đồng hồ dạ quang, đã ba giờ sáng, khẩu súng trong tay anh lạnh ngắt tê buốt. Thành căng mắt trong đêm tối, ngọn lửa vẫn âm thầm cháy. Một bóng người ra khỏi căn chòi, chính là cô ấy. Cuối cùng sự chờ đợi của Thành cũng đã đến, cô bé đi về phía dòng suối, rời chỗ ẩn nấp, anh rón rén đi về phía căn chòi. Thành áp sát căn chòi rồi bất thần đập cửa bung vào, nhưng anh đã chậm, chưa kịp bóp cò thanh củi đã giáng xuống tay Thành, khẩu súng văng ra, anh lao vào hấn, nhưng hấn nhẹ nhàng lách qua một bên, thuận tay hấn rút lưỡi dao găm bên hông. Trong lúc Thành lơ đã, hấn đã vung dao lên, lưỡi dao sáng loáng dưới ánh lửa. Bỗng có người xô mạnh, Thành loạng choạng dạt qua và sau đó là một tiếng rú dài vang động cả khu rừng..! Cô bé đã hứng trọn lưỡi dao của cha mình trên bả vai. Hấn không ngờ con gái bất thần quay lại và lao vào cứu kẻ lạ mặt này, hấn lại phạm thêm trọng tội, hấn hú lên thống khổ đau đớn và phóng mình vào bóng đêm của rừng già. Cô gái ngã trong vòng tay Thành, rất may lưỡi dao không trúng chỗ hiểm, anh rút lưỡi dao, xé phăng chiếc áo sơ mi băng vệt vết thương và vác cô chạy về buôn. Anh chạy bằng tất cả sức lực trai trẻ của mình, cô đã được đưa lên bệnh viện trước khi trời sáng...

Mười hai giờ trưa, cô qua cơn nguy kịch, anh thân thờ rời phòng bệnh. Trước cổng bệnh viện, mọi người xúm quanh gã người rừng, gã dựa vào gốc cây xà cừ trước cổng bệnh viện, cúi đầu ủ rũ. Gã đứng như thế cả giờ đồng hồ qua. Khi Thành ra cổng, gã nhìn anh bằng đôi mắt buồn bã rồi đưa hai tay về phía anh, anh móc chiếc còng trong túi quần tra vào tay gã. Gã cố nhìn qua hàng rào bệnh viện, Thành khẽ gật đầu và nói thật nhỏ chỉ vừa đủ gã nghe: "Con gái ông đã được cứu sống" Gã lặng lẽ đi theo anh.

Người đàn ông đường bệ từ chiếc xe hơi bên kia đường bước xuống, nhìn theo gã người rừng, mỉm cười quay lên xe. Ông tin rằng gã không thể biết khu đất của gã, ông đang sở hữu theo luật thừa kế đang có giá hàng tỷ đồng. Con đường chạy ngang qua mảnh đất hương hoả được ông duyệt theo quy hoạch từ ngày gã còn đi đào đá đỏ nay đã làm xong. Ông cũng tin rằng gã không thể biết người đàn ông mà gã giết hụt đêm đó chính là ông. Mười lăm năm rồi còn gì, không chỉ gã mà không ai có thể biết được chuyện của ông làm, không một ai biết được! Ông dựa người ra nệm xe và tự thưởng cho mình một điếu ba số năm thơm lừng. Mãn nguyện với sự thông minh của mình, ông lẩm bẩm: "Cuộc đời này đâu cứ phải học nhiều là sẽ giỏi!". Anh tài xế khẽ mỉm cười...

Linh Chi

Từ năm mười ba tuổi tôi đã có ước muốn đi ngược dòng sông. Ngày ấy, ông ngoại thường dắt tôi ra sông. Mặc cho tôi nghịch cát, ông lặng lẽ đứng nhìn về phía thượng nguồn. Dọc triền sông là dãy đồi thấp mọc chen chúc những cây sim, tháng bảy cả vùng tím ngát màu hoa, mênh mang, buồn! Lác đác vài bụi chà là thấp lè tè đầy gai góc.

Lẻ loi giữa rừng hoa một ngọn đồi trọc cô độc nhô lên, mỗi chiều về đất đỏ sẫm như máu. Ông tôi bảo, dưới ngọn đồi có vàng hời, "Kim khắc mộc" nên

cây cối không mọc được, chỉ có mỗi loài hoa trắng nhỏ nhoi tinh khiết, mọc rải rác sườn đồi. Loài hoa ấy “linh hồn của các trinh nữ”. Ngày xưa, trước khi dời đô một ông vua đã chôn các cô gái còn trinh theo kho tàng để làm thần giữ cửa. Ông còn bảo, vào những đêm trăng có bày heo bằng vàng đung đỉnh trên sườn đồi để ăn những bông hoa trắng. Tôi hỏi:

- Loài hoa ấy tên gì hả ông?

- Nó không có tên - ông trả lời.

- Hôm nào lớn cháu sẽ lên đồi!

- Lên chi? Tìm vàng hả? Của “hoạnh tài bất phú” đừng có ham cháu ạ! Ngày trước ông nội thằng Trầm bắt được con heo vàng, về đến nhà học máu chết, cha của nó bài bạc hết sản nghiệp phải đi ăn mày, đến đời nó mới khá được.

- Không, cháu không tìm vàng, cháu hái hoa, cháu sẽ đặt cho hoa một cái tên.

Ông nhìn tôi, lắc đầu lẩm bẫm: “Thằng này rồi sẽ khổ, đời chẳng ra gì”. Tôi muốn hỏi tại sao, nhưng ông lơ đãng nhìn dòng sông. Tôi cũng nhìn theo và lúc ấy tôi nảy ra ý định sẽ ngược dòng sông.

* * *

Không ngờ ước muốn tưởng chừng vu vơ ấy lại lớn dần theo tuổi đời của tôi. Dĩ nhiên ước muốn không dừng lại ở ngọn đồi hoa trắng, tôi muốn về tận ngọn nguồn con nước dòng sông.

Từ năm mười bảy tuổi đến nay, tôi đã quần nát mấy ngọn đồi sim, mỗi ngày chặt hai gánh bổi. Hàng ngày, tôi đứng trên đồi để nhìn về phía thượng nguồn, trập trùng đồi núi, tầm mắt của tôi xa hơn, rộng hơn, vì không còn bao nhiêu cây lớn che khuất. Cây cối lần lượt theo dòng sông trôi về xuôi, biến thành vàng thành bạc, thành mọi thứ mà con người có thể nghĩ ra. Hết cây đào đến gốc, nhưng tôi vẫn tin rằng trên tận cùng của dòng sông vẫn còn nhiều điều kỳ diệu mà con người chưa khám phá.

Ngày đầu đi chặt sim, đưa lõi rựa bén ngọt vào gốc sim đang mùa nở hoa, tôi nghe ròn rợn như đang cắt cổ ai đó. Dần dần tôi thành tên đồ tể tàn ác, chặt không nương tay. Thấy tôi xốc vào hai đầu cây đòn hai bó sim lớn, ai cũng lè lưỡi. Tôi chặt sim bán cho ông Trầm đốt lò gạch, bao nhiêu tiền tôi đưa cả cho chị Hai. Chị tôi quán xuyến gia đình thay cho mẹ. Chị không chồng mà có con, chuyện ấy bây giờ không còn hiếm ở quê tôi. Trai làng bỏ quê lên thành phố cả, gái lữ thì đầy đồng, đi cấy con gái, đi cày cũng con gái. Nghe đâu thời trẻ, chị cũng có người yêu, nghèo quá, anh ấy đi đãi vàng trên Trà Núi, núi sập đè chết. Năm năm sau chị có bầu, người làng xàm xì “Chắc lại con của thằng cha Trầm”.

Ông Trầm “con của kẻ ăn mày” bây giờ là người giàu nhất làng, ông ta có bốn lò gạch, mỗi ngày xuất cả chục vạn viên, đủ loại. Ông Trầm xấp xỉ lục tuần mà còn trẻ như thanh niên, tướng cao lớn, mũi to và đỏ ửng như mũi lân, miệng rộng, môi dày. Đến nhà chơi, ông Trầm thường nói với cha tôi: “Xứ này chó ăn đá gà ăn sỏi, chỉ có đất và củi là sẵn, bán hai thứ ấy thì làm giàu được”. Cha tôi bảo: “Bán đất là bán tổ tiên”. Ông Trầm cười khẩy bỏ đi. Ông tôi ngồi trầm tư trên sập gụ uống trà nhìn theo ông Trầm, nhận xét “Thằng ấy tướng sang mà dâm”.

Mỗi chiều, khi những cánh chim xao xác bay về núi, chị tôi hát ru con “ầu ... ơ đói lòng ăn nửa trái sim. Uống lưng bát nước đi tìm người thương!”. Lòng tôi chùng xuống, tôi ra sông, những lúc ấy tôi lại dậy lên ham muốn đi về phía thượng nguồn của dòng sông.

Tôi đặt tên cho loài hoa trắng trên ngọn đồi “Kim khắc mộc” là hoa Linh Chi, tên của người yêu tôi. Thực ra tên nàng là Nguyễn Thị Chi, thế thôi, nhưng tôi ghép thêm tên chữ Linh cho ra tên của loài hoa. Chi không còn bố, sống với mẹ trong căn nhà tranh ở xóm Gò. Chi đẹp và thánh thiện như loài

hoa trắng mà ông tôi gọi là “Linh hồn các trinh nữ”. Mẹ tôi dường như không hài lòng lắm với mối tình của tôi, thấy tôi thân mật với Chi, bà lấp lửng nói “nuôi heo chọn nái, kiếm gái chọn dòng”. Trong cuộc chiến tranh vừa qua mảnh đất này mỗi tấc đất một tấc bom đạn, sau chiến tranh vẫn còn người chết vì mìn con cóc, mìn ba râu... Vì thế chuyện Chi sống với mẹ không có gì lạ, tôi nghĩ vậy!

Tôi là gã trai cày hiếm hoi còn sót lại trong con sót “bỏ quê ra phố” của bọn trẻ. Tôi giúp mẹ con Chi cày ruộng, gặt lúa, gánh phân, chặt bổi. Tình yêu của chúng tôi cũng mộc mạc như rơm rạ. Tôi còn nhớ hôm đi cày đám ruộng vuông, lúc nghỉ trưa hai đứa ngồi dưới gốc Duối, tôi ôm Chi, Chi đẩy ra, cười và mắng “quí này!”. Hành động ấy coi như lời tỏ tình.

Chúng tôi ra sông, sau một ngày nhọc nhằn, Chi bám vai, áp bầu ngực trinh nguyên sẵn chắc vào cánh tay tôi. Tôi biết Chi đang mơ ước về một mái nhà tranh nho nhỏ và những đứa con xinh xắn. Còn tôi, tôi chưa bao giờ nghĩ đến điều ấy, tôi đau đầu một ý nghĩ khác, một ý nghĩ mà mẹ tôi bảo “oan nghiệt!”. Cha tôi chẳng hề quan tâm đến tôi, ông suốt ngày lặng lẽ bên bàn thờ Phật, ăn chay trường. Tôi nghe nói trước đây ông từng là thợ săn khá nổi tiếng. Có lần ông Trầm nói với tôi “Cha mày là thằng khó chơi”. Tôi hỏi “Tại sao?”. “Trong khi mọi người đang còn sắp hàng dưới trần gian, cha mày đã lo giành một chỗ ở trên niết bàn”. Tôi đem chuyện này kể lại với cha, ông không nói gì, chỉ nhìn lên khẩu súng săn hai nòng đen bóng treo trên bàn thờ và bỏ đi. Chi níu nhẹ vai tôi.

- Này anh !

- Có chuyện gì hả em ?

- Hôm qua thằng Quân đón đường em .

- Nó làm gì?

- Nó bảo, nó yêu em, nếu em chịu, nó đưa về thành phố.

Tôi tức tối đá viên sỏi xuống dòng sông.

- Anh ghen hả?

- Không, nó là thằng đê.

Quân là con trai của ông Trầm, ở thành phố, lâu lâu mới về làng. Hồi còn học phổ thông nó đã biết đở trò với bọn con gái. Bây giờ ra thành phố nó càng lưu manh hơn. Vừa đêo mồm lại giàu có nên khối con gái ễnh bụng ra vì nó. Một thoáng lo sợ mơ hồ trong lòng tôi. Chi ngã đầu vào vai tôi nũng nịu.

- Em chỉ yêu mình anh thôi.

- Thôi mình về ! - Tôi ra lệnh, Chi ngoan ngoãn bước theo, sự ngoan ngoãn cam chịu như thân phận của những người phụ nữ ở quê tôi.

Gặp Quân phóng xe trên bờ đê, đến trước mặt chúng tôi, nó dừng lại, chống chân xuống đất nhìn tôi cười cười trông rất mát dạ. Nó hát hàm hỏi:

- Người yêu mày hả?

Tôi không trả lời trừng mắt nhìn nó, Quân rút bao thuốc thơm hờ hững chìa trước mặt tôi:

-Bạn bè lâu ngày không gặp, hút với tao điếu thuốc.

Tôi gạt tay Quân kéo Chi bỏ đi, Quân nhếch mép cười.

* * *

Tôi đi ngược dòng sông, nắng gay gắt, mồ hôi nhễ nhại, hai bên dòng sông đồi núi trọc hết, trơ đất như hoang mạc, dòng sông là cái khe nước đem ngòm, sâu hun hút. Những con thú còm cõi trơ xương nhẩy nhót cuồng loạn, có con chỉ còn bộ xương, hàm răng trắng ớn, nhìn rõ các chân răng cắm vào xương sọ. Giữa đám thú một bóng người cao lớn vung khẩu súng bắn ra những luồng lửa đỏ như máu. Khuôn mặt xương xẩu, dữ tợn, tôi bàng hoàng nhận ra người đàn ông ấy... “Ch...a !” - Tôi gào lên, tiếng kêu tắc nghẹn trong họng ... ú ..ớ.

- Dậy! dậy... đi em.

Tôi giật mình tỉnh giấc , chị Hai lắc vai , tôi chồm dậy, cổ họng khô khốc. -

Dậy ăn miếng cơm đi em, chưa ăn uống gì mà ngủ như vậy hại lắm!

Lúc chiều đi làm về, chưa kịp tắm rửa, mắt riu lại, tôi leo lên bộ phận ngủ say như chết. Chị Hai đặt tay lên trán tôi;

- Nóng quá, chắc bệnh rồi, để chị nấu lá cho em xông.

- Khỏi, không sao đâu .

Tôi vươn vai đứng dậy ra lu múc gạo nước tu ừng ực, dòng nước mát thấm hút vào cơ thể. Tôi đưa mắt nhìn về phía dòng sông, dòng sông lấp lánh và êm đềm chảy. Mặt trăng đã lên cao. Chợt nhớ tối nay có hẹn với Chi, tôi lao ra bờ sông.

Sững lại, một thoáng thôi, tôi hiểu tất cả, mãi sau này tôi không lý giải được tại sao lúc ấy tôi lại bình tĩnh đến vậy. Tôi chậm chạp tiến dần về phía Quân, hai tay nắm chặt, sự bình tĩnh của tôi khiến Quân chôn chân tại chỗ. Tôi trút lên Quân tất cả sức mạnh và lòng căm thù trai trẻ, cho đến khi hấn gục xuống trên bãi cát. Tôi quay lại dựng Chi lên. Chi run rẩy vòng cánh tay ôm lấy ngực, quần áo tả tơi...

Trong lúc mọi người nhộn nhịp đón tết, tôi lặng lẽ thu xếp đồ đạc. Hai mẹ con Chi đã bỏ đi biệt sau cái đêm hôm ấy. Mẹ tôi khóc lóc níu tay tôi. Cha tôi gỡ tay mẹ ra và bảo “Hãy để nó đi!”. Tôi lặng lẽ đi, lầm lũi và cô đơn, bên tai văng vẳng tiếng hét hoảng loạn của mẹ con Chi trước khi bà ngất xỉu “Thằng Quân, trời ơi! Con Chi là em ruột của nó! Ông Trâm ơi!... Ông Trâm!”.

Tôi đi vào một ngày cuối năm, dòng sông vẫn miệt mài trôi về phía của muôn đời.

Lửa bên sông

*Ròng châu xứ Huế ngựa té Đồng Nai
Nước sông trong đổ lộn sông ngoài
Thương người xa xứ lạc loài tới đây...
(Ca dao)*

Con sông từ thượng nguồn vượt qua bao gành thác vẫn cố giữ được dòng, vậy mà về hạ lưu bỗng dung rẽ làm đôi. Cũng may hai nhánh sông kịp tìm nhau sau đoạn đường ngắn. Cuộc chia tay ngắn ngủi của dòng sông đã tạo ra cồn đất nhỏ này, người ta gọi nó là Cù Lao. Tôi thích Cù Lao mỗi chiều xuống, thành phố nơi tôi mới về sống quá ngọt ngào, đầy tiếng ồn và bụi bặm. Cuối tuần tôi thường ngồi uống cà phê ở quán Hải Âu để tìm chút không khí trong lành.

Quán nằm sát mé sông, không gian thoáng đãng và êm đềm. Tôi ngồi từ lúc mặt trời vừa xuống để ngắm cây cối bên Cù Lao dần phủ lớp nắng vàng rực rỡ, ngồi cho đến khi toàn bộ vùng đất nổi lên giữa hai nhánh sông chuyển dần qua màu tím thẫm. Vào giờ ấy, bao giờ quán cũng đón một người đàn ông đã đứng tuổi, ông vào quán kêu li cà phê đen không đường và nhìn đắm đắm qua bên kia sông. Ông hút thuốc không đầu lọc, thứ thuốc lá thịnh hành

hồi thập niên tám mươi, bây giờ ít người hút. Bộ quần áo ông mặc trên người đã bạc màu nhưng sạch sẽ và được ủi kĩ nên trông khá tươm tất. Sợi dây nịt da mềm oặt có lẽ nó được dùng hơn chục năm nay trông như cái bảng đen cũ kĩ tróc sơn. Tôi quan sát tỉ mỉ và cố đoán ông làm nghề gì nhưng không thể đoán được, thầy cũng không phải, thợ cũng không đúng. Gương mặt ông lúc nào cũng ưu tư và đầy nếp nhăn, hẳn là một người khó tính. Tôi bắt chuyện với ông nhờ vào lần tôi bỏ quên bật lửa và mượn của ông. Hoá ra ông khá cởi mở, chứ không như tôi tưởng. Tất nhiên mãi sau này tôi mới thân với ông, nhưng mối quan hệ khởi sự từ chuyện cái bật lửa. Ông bảo cuộc đời ông ít khi quên cái bật lửa. Cù Lao nơi ông sinh ra, lớn lên, hạnh phúc và khổ đau có nhiều chuyện vui, buồn từ ngày tổ tiên vào đây lập nghiệp. Cuộc đời qua bao thăng trầm nhưng cái bật lửa ông luôn nhớ mang bên mình, vì rằng theo lời truyền lại của dòng họ thì nhờ câu chuyện này mà cụ tổ của ông đã còn mạng sống mà lập nghiệp tại vùng đất nổi duy nhất của miền Đông Nam Bộ. Ngày xưa, trước khi Lễ Thành Hầu đặt chân đến đây, Cù Lao đã có người ở. Dân ngoài Quảng đi thuyền mấy ngày đêm gặp con sông lớn, ngược nước độ nửa ngày, thuyền đến vùng sông rộng và êm như mặt hồ, nước lại sâu, ghe thuyền có thể vào tận bờ. Trên đất liền, đất đai trù phú cây cối xanh tốt trên trời cò bay trắng như mây, dưới đất từng bầy nai đứng đỉnh xuống bên sông uống nước. Dân di cư biết đây là đất lành bèn trụ lại. lập nghiệp. Cù Lao là vùng đất khởi đầu khi dân ngũ Quảng đặt chân đến xứ này lập nghiệp. Cù Lao còn lạ ở chỗ, dù cho nước sông dâng cao đến mấy cũng không ngập. Cụ tổ nhà ông là thanh niên miệt ngoài, tổ chức nông dân khởi nghĩa trả thù bọn cường hào ác bá, bị thất bại đã “một mình một ngựa” rong ruổi phương Nam... Câu chuyện về cụ tổ mà ông kể cho tôi nghe có thể ông thêm dệt thêm, nhưng khá hấp dẫn, nên tôi nghĩ cần ghi lại, biết đâu sau này có dịp dùng tới. Việc ghi chép những câu chuyện

dân gian là kinh nghiệm quý báu của một đàn anh truyền lại cho tôi. Chuyện kể như sau:

*

* *

Trước khi mặt trời khuất sau ngọn núi, Nguyễn phải vượt qua được khu rừng này. Đây là khu rừng nổi tiếng nhiều cọp nhất miền Đông Nam Bộ. Hơn mười ngày ròng rã Nguyễn băng rừng chạy về hướng Nam. Sư phụ, của chàng, vị sư già chùa Quảng Long, giúp chàng trốn thoát khỏi sự truy nã của quan quân. Ông nói với Nguyễn:

- Hướng Nam là con đường sống duy nhất. Cứ theo con đường này mà đi, không được quay trở lại với bất kì lí do gì.

Ông đặt vào tay chàng con ngựa ô hoang dã của vùng sơn cước mà ông đã thuần phục và dạy:

- Con hãy đi mãi, đi đến cho khi nào tuần mã này gục ngã, con có thể định cư ở đó. Hãy cưới vợ, sinh con, mở mang bờ cõi, hãy quên mọi hận thù.

Đừng làm chuyện đại dột nữa, dòng họ chỉ còn một mình con.

Nguyễn quỳ lạy thầy, rồi lên đường Nam tiến. Hàng chục ngày đường, chàng chỉ men theo cánh rừng, đi đường chính, chàng sợ quan quân bắt gặp. Trong hành trang mà người thầy kính yêu chuẩn bị cho Nguyễn, có một thứ ông dặn chàng phải hết sức cẩn thận giữ gìn. Cái vật tạo ra lửa, vị sư già tốn khá nhiều công sức để chế ra. Ngày ấy, muốn có lửa, mọi người phải dùng con dao chẹt vào đá để bắt lửa qua bụi nhùi. Dựa trên nguyên lí ấy, vị sư già chế ra cái bật lửa mà chỉ cần quay nhẹ thanh sắt, viên đá sẽ phát những tia lửa mạnh, có khả năng đốt cháy dây bụi nhùi rất nhanh. Nhờ cái vật kì diệu ấy cùng lưỡi kiếm sắc và cánh cung trên vai, chàng đã sống được những ngày qua. Ban ngày chàng đốt lửa nướng thịt, ban đêm chàng đốt lửa xua đuổi thú rừng. Bất kì giống thú dữ nào thấy ánh lửa cũng tránh xa. Vị sư già

vừa là cha, là mẹ, là thầy của chàng. Lớn lên Nguyễn mới biết, thầy đã cứu chàng, giọt máu duy nhất của dòng họ một thời lừng lẫy, thoát khỏi họa tru di vì tội phản loạn. Ông chăm sóc dạy dỗ cho Nguyễn chu đáo, nhưng dứt khoát không cho chàng xuống tóc, ông bảo chàng còn một sứ mệnh quan trọng phải thực hiện trong cuộc đời này. Khi Nguyễn được truyền dạy những truyện kỹ võ học “Thiếu lâm Bắc phái”, ông mới tiết lộ cho chàng biết thân phận của mình. Ông cho Nguyễn xuống núi và dặn chàng hãy cố duy trì lại dòng họ của chàng, một dòng họ oanh liệt không đáng bị diệt vong. Khi xuống núi, ông trao cho Nguyễn một bức thư và dặn chàng tìm đến nhà thầy đồ Ngạn là bạn tâm giao của sư thầy, mỗi lần ông lên núi đánh cờ và đàm đạo với sư thầy Nguyễn vẫn hầu bên cạnh. Nay không hiểu sao sư thầy lại cho Nguyễn về ở với thầy đồ Ngạn. Suốt đêm Nguyễn trần trọc trong căn nhà vách đất. Chàng không ngủ được vì ánh mắt long lanh và đôi má ửng đỏ của nàng Gấm lúc dọn phòng cho chàng. Từ nhỏ đến giờ sống trong lời kinh tiếng kệ, Nguyễn chưa có dịp đứng gần một cô gái, hoá ra vẻ ngoài duyên dáng, phái nữ còn có mùi thơm kì diệu. Gấm ra khỏi phòng từ lâu mà trong phòng còn phảng phất mùi hương. Nguyễn nghĩ, chẳng trách sao trong sử sách chàng đọc có biết bao anh hùng mất nước vì mỹ nữ. Sáng hôm sau, thầy đồ Ngạn gọi Nguyễn lên nhà trên, chàng quỳ bên án thư, kể từ hôm nay con là rể nhà này. Nhà ta có ba mẫu ruộng con hãy học cách trở thành nông dân, sau khi thành thạo con gái ta thuộc về con.

Nguyễn mấp máy:

- Thừa thầy...!

Ông khoát tay:

- Những điều con đã học được ở sư thầy để làm người, chứ không phải để làm quan, con phải nhớ sứ mệnh của mình mà sư thầy dặn dò chứ, hãy phục hồi lại dòng họ, tên con là Phan Nguyễn, nhưng con là họ Nguyễn chứ

không phải họ Phan, nhớ lấy điều này!

Nguyễn vâng dạ lui ra. Lúc đầu chàng cũng buồn, những năm tháng trui rèn võ nghệ và học chữ thánh hiền, Nguyễn không ngờ cuối cùng trở thành một nông dân. Chàng nén tiếng thở dài khi nghĩ về nàng Gấm, dù sao thì Nguyễn cũng có một người vợ đẹp... Thế rồi từ đó, Nguyễn trở thành chàng trai cày. Ngày ngày, sau giờ lao động vất vả, Nguyễn được chăm sóc bởi bàn tay dịu dàng của người con gái xinh đẹp nhất làng. Thời hạn ở rể ba năm đã gần hết, Nguyễn mơ ngày ngày cùng Gấm nên vợ, nên chồng. Nhưng số mệnh đã không cho chàng sống một cuộc đời bình thường. Một hôm, đang cày nốt đám ruộng bông trong làng có tiếng la hét, ngôi nhà của cha vợ lửa bốc ngùn ngụt. Nguyễn vứt cày chạy về, quan quân ló nhố trước hiên nhà, Gấm bị ba bốn tên lính vác bỏ lên xe ngựa. Cha vợ Nguyễn nằm gục trên vũng máu, một tên quan đặt chân lên người ông, ngạo nghễ nói với dân chúng:

- Những kẻ âm mưu phản loạn phải chết.

Không kiềm chế được, cụ hương trưởng buột miệng:

- Muốn chiếm đoạt con gái người ta, nên mới vu vạ, chứ thầy Ngạn mà phản loạn gì, quan quân gì mà tàn bạo.

Xoẹt! Lưỡi gươm sáng loáng bay qua cổ cụ già khi cụ vừa dứt câu, cụ gục xuống, đôi mắt mở trừng trừng.

À...y! - Nguyễn hét lên một tiếng lớn, chàng giật phắt lưỡi gươm từ tay một tên lính, ánh gươm loang loáng như sao băng, tên tiểu quan gục ngay tại chỗ bởi nhát gươm thần tốc. Bọn lính tháo chạy toán loạn, nhưng trước khi rút chúng kịp mang theo nàng Gấm và giết chết một số dân làng. Với lòng căm phẫn cực độ, sau khi chôn cất cha vợ, Nguyễn tụ tập dân làng rút vào núi lập căn cứ, chuẩn bị đối phó với tên tuần phủ tàn ác mà chàng biết thế nào hẳn cũng trả thù dân làng. Cuộc khởi nghĩa kéo dài chưa được một tháng thì tan rã. Những người nông dân không quen xa rời ruộng đồng và chưa được rèn

luyện đã dần bỏ ngũ. Trận quyết chiến cuối cùng với quan tuần phủ, quân Nguyễn thất bại thảm hại, may mắn chàng thoát chết...

Miên man với chuyện cũ, Nguyễn đã đến bìa rừng. Hoàng hôn vừa buông xuống, trước mặt chàng là làng mạc, chàng đã đến được nơi có người ở. Lác đác khói lam dè dặt bay lên từ những nóc nhà tranh ven sông. Dòng sông rộng mênh mông, ghe thuyền tấp nập, nhưng tuyệt nhiên không hề thấy một bóng quân lính nào của triều đình. Nguyễn an tâm buông cương, có lẽ đến nay chàng đã thoát chết khỏi vùng tầm nã của tên quan phủ. Dừng ngựa bên sông, Nguyễn định bụng sẽ vào nhà chùa nào đó xin nghỉ qua đêm. Không biết xứ nào mà con gái ăn mặc rất lạ, quần áo gọn gàng khỏe mạnh, không mới bảy mới ba như quê chàng. Họ chèo thuyền trên sông, chở đầy những chiếc nôi đất, lại có thuyền chở nhiều loại trái cây trông rất lạ. Dưới sông bỗng vang lên tiếng hò lạnh lạnh:

- À... ơi... Ròng châu xứ Huế, ngựa té Đồng Nai... Nước sông trong đổ lộn sông ngoài. Thương người xứ lạ lạc loài đến đây...

Một chiếc thuyền khác lại vang lên câu hò:

- À... ơi... Đồng Nai gạo trắng nước trong... Ai đi đến đó lòng không muốn về.

Những câu hò diu dặt làm xao động lòng chàng trai trẻ, thì ra đây là xứ Đồng Nai, một nơi mà trước đây lúc còn hầu rệu sư thầy, chàng nghe thầy đồ Ngạn nói loáng thoáng về vùng đất trù phú. Sau khi bình luận ông thường ngâm nga: Làm trai cho đáng thân trai, Phú Xuân cũng trái Đồng Nai cũng từng. Đang phân vân không biết đi về đâu trong lúc trời tối dần, bỗng một cụ già lại gần hỏi chàng với giọng thân thiện:

- Con đi từ đâu tới mà trông xơ xác thế kia?

Nguyễn lễ phép thưa:

- Dạ con từ xứ Quảng đến đây!

Đoạn chàng tóm tắt hoàn cảnh của mình cho cụ nghe, cụ vuốt râu cười:

- Thế thì con nên ở lại đây mà lập nghiệp, miền đất này bao dung lắm, chứa chấp hết thảy ai muốn đến với nó.

Nói xong ông đưa chàng xuống thuyền, chở qua bên kia sông. Nơi ông lão ở là Cù Lao màu mỡ, cây cối xanh tốt, thuyền cập bến ông nói:

- Đất ở đây còn rộng lắm, con tha hồ mà khai phá làm ruộng làm nương.

Nguyễn trở thành công dân vùng cù lao từ đây. Sau bảy năm cật lực khai phá chàng trai tạo nên một cơ ngơi khá khang trang. Nguyễn khai phá cả một

vùng đất mênh mông, khu vườn của chàng trồng đầy đủ cây trái miền Nam.

Ông lão đưa Nguyễn về đây đã gả cô con gái út cho chàng. Lễ cưới xứ này

diễn ra nhẹ nhàng, chứ không lễ mễ như ở quê chàng. Nhẹ nhàng như ngày

đầu về đến căn nhà của ông, ông nói với bà: “Tôi đã tìm được chồng cho con

út rồi bà ơi!” Bà hỏi lại: “Người tốt chứ?” Ông cười khà: “Chỉ cần nhìn qua

là biết người tốt”. Vợ chàng không đẹp bằng Gám nhưng nàng rất khỏe

manh và mắn đẻ, nàng sinh cho chàng cả thảy bốn trai, ba gái, đứa nào cũng

tròn trúc như trái bưởi và mạnh khỏe như cá sấu sông Đồng Nai. Dòng họ

Nguyễn được phục hồi ngay trên mảnh đất nằm giữa dòng sông này...

*

* *

Ông kể say sưa cho đến khi trăng ngả qua bên kia cầu Gành, rọi dải sáng

vụn vỡ xuống dòng sông, bên sông leo lét những ngọn lửa nhỏ phát từ

những cây đèn bão của đám người câu đêm. Quán đã vắng khách, cô hầu

bàn lục đục dọn dẹp, chúng tôi ra về. Chuyện của ông còn đông dài về việc

khai phá đất đai, chuyện cụ tổ đánh cướp, bắt sấu... Những chiến công của

cụ tổ khá hiển hách. Thường thì khi kể về những câu chuyện xa xưa, hàng

trăm năm, người ta hay tô vẽ, thậm chí bịa đặt thêm cho nó có vẻ huyền

thoại hơn, nên tôi chỉ chất lọc những điều tôi cho là thật. Đêm ấy, tôi thức

thêm vài giờ để ghi lại. Buông bút, tôi rút điều thuốc, quờ tay trên bàn tìm cái bật lửa, mới chợt nhớ, trong câu chuyện ông chưa hề đề cập gì đến cái bật lửa, mà ông cho rằng: Nhờ nó cụ tổ của ông còn mạng sống?

Đêm ấy! Câu chuyện của ông đi vào giấc mơ của tôi. Không hiểu thần kinh của tôi có vấn đề gì mà hễ ban ngày cứ đọc một cuốn sách, hay nghe một câu chuyện lạ, là y như rằng đêm tôi nằm mơ về chuyện ấy. Giấc mơ luôn xuất hiện những tình tiết kì quái. Trong giấc mơ, tôi thấy tôi chính là chàng trai họ Nguyễn kia, tôi cũng cưỡi ngựa, đeo kiếm ở cái thời xa xưa ấy, lạc vào một xứ sở mọi rợ.

Con tuấn mã có vẻ mệt mỏi, bờm rủ xuống, hai bên mép sủi bọt, nó âm thầm rảo bước trên con đường mấp mô, hun hút và tối tăm, tôi buông cương để con ngựa dưỡng sức, bỗng khu rừng âm u lộ lên những tiếng gầm rú, tôi rút soạt lưỡi gươm ra khỏi vỏ, lưỡi gươm loáng lên ánh thép xanh rợn người.

Những con thú dữ đổ ra vây quanh tôi. Phản xạ sinh tồn, tôi vung gươm, lưỡi gươm chạm đến đâu, máu loang đến đấy. Những tiếng gầm rú mỗi lúc càng ma quái hơn. Tôi giật mạnh dây cương, con tuấn mã thu tàn lực vọt lên phía trước, dường như nó cũng biết chủ nó đang rơi vào con đường chết.

Những con thú dữ ngày càng đông, chúng đuổi theo con ngựa. Tôi rạp người trên mình ngựa vượt khỏi cánh rừng âm u, trước mặt là trảng cỏ tranh vàng úa, khô như rang, lũ thú rừng vẫn nườm nượp đuổi theo sau lưng. Trong giây phút nguy cấp ấy trong đầu tôi bỗng bật lên chữ “lửa”. Đúng rồi, ngọn lửa có thể làm chùn bước lũ thú dữ, tôi nhảy xuống ngựa và đánh lửa. Ngọn lửa bùng lên, đám cỏ tranh cháy hừng hực, ngọn lửa tràn như những ngọn sóng dữ, liếm dần đám cỏ tranh... Ngọn lửa phủ kín cả khu rừng, phủ luôn cả người tôi, nóng hầm hập, tôi vùng vẫy tuyệt vọng giữa đám cháy. Còn lũ thú dữ nhe hàm răng trắng ớn, đập lên ngọn lửa mà đi, chúng gầm rú tiến dần về phía tôi, miệng đỏ như máu...

Tôi bật dậy mồ hôi đầm người, ướt như tắm, trong giấc mơ tôi là chàng trai Nguyễn khỏe mạnh kia. Nhưng thực tế tôi là kẻ ốm yếu, hàng đêm vẫn thường bị những cơn ác mộng hành hạ như vậy. Đó là di chứng của trận ốm thập tử nhất sinh, do sốt rét rừng hồi năm tám mươi, tôi theo cha tôi vào rừng đốt than. Bữa ấy trời mưa dầm dãi, bầu trời nứt toác ra, nước trút xuống như thác đổ, người tôi mềm oặt tựa cọng bún tàu ngâm nước, cha tôi tưởng tôi đã chết, ông cũng xác tôi về để trước hiên nhà, chờ trời tạnh thì mang đi chôn. Mẹ tôi đi đào củ chụp về, bà ôm tôi vào lòng gào khóc, có lẽ do được hơi ấm của mẹ truyền qua, tim tôi đập trở lại. Cha mẹ băng mưa, đưa tôi đến trạm xá. Tôi sống lại với thể chất èo uột. Những cơn ác mộng của tôi, làm mẹ lo lắng, bà đi hết chùa này đến chùa kia, thậm chí bà đến cả cha đạo để xin nước thánh về cho tôi uống. Cả Phật lẫn Chúa cũng không xua được những cơn ác mộng hành hạ tôi hàng đêm. Sau này lớn lên, tôi quen dần và những giấc mơ giúp tôi giải toả ám ức hàng ngày, cuộc sống mang lại cho tôi. Đêm nào không nằm mộng, ngày hôm sau người tôi uể oải và không làm được việc gì cho ra trò.

Hôm sau, trở lại quán, tôi hỏi ông về chuyện cái bật lửa mà ông chưa kể cho tôi nghe. Ông trầm ngâm rồi nhìn tôi:

- Tôi xin lỗi là không tiết lộ chuyện ấy được, đó là một câu chuyện buồn, một bí mật chỉ có những người trong dòng họ tôi mới biết mà thôi, xin anh thông cảm.

Tôi chợt nhớ giấc mơ của mình, đó là một giấc mơ ghê rợn, nó ám ảnh tôi suốt một thời gian dài.

Ông rút một điều thuốc không đầu lọc châm lửa, rồi cứ thế cầm trên tay cho tàn dài trắng rút xuống dòng sông, li cà phê đen nguội ngắt, ông thở dài tâm sự:

- Anh ạ, chuyện như thế, dòng tộc tôi sinh sống đã nhiều đời trên mảnh đất

này, trải bao năm tháng lịch sử, mảnh đất cụ tổ khai phá chia năm xẻ bảy, nhưng vườn bưởi ven sông nơi đặt nhà thờ cụ tổ thì luôn được gìn giữ truyền lại cho nhánh thứ nhứt dòng họ, đến đời tôi thì mất anh ạ!

Ông đưa cả li cà phê đen không có đường uống một lần như người ta uống rượu, rồi ông kể về chuyện cuộc đời của ông, lần này tôi cũng ghi lại, nhưng để dùng làm tư liệu viết báo. Câu chuyện của ông nêu đúng như lời ông kể thì ông bị oan!

*

* *

Theo lời dạy của cha, Nguyễn Trí theo học ngành sư phạm, chưa hết năm thứ nhất trường Đại học sư phạm thì có lệnh “tổng động viên”. Hàng ngày, bọn cảnh sát dã chiến và quân cảnh lùng sục khắp hang cùng ngõ hẻm, học sinh các trường đại học đều phải tham gia lớp dự bị sĩ quan. Trí bị bắt đưa vào trường hạ sĩ quan Đồng Đế. Cha anh phải cắn răng cắt ba mẫu đất trong khu đất hương hoá, chạy cho Trí khỏi phải đi quân dịch. Miếng đất nằm bên bờ sông, hàng năm đón nhận phù sa từ thượng nguồn đổ về nên trái bưởi to như đầu người, ngọt lịm. Ngài tỉnh trưởng nhiều lần đánh tiếng muốn mua một vài mẫu để ngài xây biệt thự cho cô vợ bé, ông nhất định không bán. Nhưng lần này ông đành phải xuôi tay. Anh ruột của Trí đã hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Pháp trên rừng Mã Đà, ông cố giữ thằng con trai duy nhất để sau này có người thờ cúng tổ tiên. Ba tuần trong quân trường, Trí được cho về địa phương với cái giấy miễn dịch của ngài tỉnh trưởng cấp. Bây giờ ngài tỉnh trưởng đã mãn nguyện, một nửa khu vườn của dòng họ Nguyễn đã thuộc về ngài. Sau bốn năm dùi mài kinh sử, Trí tốt nghiệp sư phạm với tấm bằng loại ưu. Anh xin về dạy ngay trên Cù Lao, nơi ngày xưa ông sơ, ông cố, ông nội anh đã từng dạy học. Ngày ba mươi tháng tư năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm, cùng đội ngũ thầy giáo, Trí nô nức đón

mừng niềm vui đất nước giải phóng. Lúc đầu Trí cũng lo không biết mình còn được đứng trên bục giảng nữa hay không, nhưng ít hôm sau, Ủy ban quân quản mời thầy cô giáo tập trung cải huấn, để anh chuẩn bị khai giảng năm học mới. Trí vui mừng khôn xiết, thế là anh vẫn được chính quyền cách mạng tin dùng. Cuộc đời Trí hẳn sẽ êm ả trôi đi với “bảng đen phấn trắng, hoa phượng sân trường” nếu anh không quá cả nể. Gia đình có truyền thống cách mạng, anh ruột là liệt sĩ nên thầy Trí được đưa vào diện quy hoạch. Ông bí thư chi bộ xã năm lần bảy lượt mời thầy Trí tham gia chính quyền địa phương và rồi anh tham gia chính quyền mới. Buổi sáng làm việc ở xã, buổi chiều lên đứng lớp, ban đêm dạy bổ túc cho cán bộ, thầy Trí rất khổ sở với lớp học “không biết ai lấy nỏ thần của An Dương Vương!” Thời bấy giờ các thầy cô giáo gọi các lớp bổ túc như thế, nó xuất phát từ câu chuyện lan truyền trong giáo giới rằng: “Thầy giáo dạy văn, tranh thủ sau giờ giảng thầy thử kiểm tra kiến thức đám học trò, thầy hỏi: Các anh chị có biết ai là người lấy cắp nỏ thần của An Dương Vương không? Sau một hồi im lặng, một học viên đỏ mặt đứng lên quát: “Thầy hỏi thế là có ý gì? Lớp chúng tôi toàn cán bộ đi học có ai tham những như thế đâu!!!”.

Lớp thầy Trí chủ nhiệm, do đồng chí chủ tịch xã làm lớp trưởng, ông là người triệt để cách mạng nên học hành khá nghiêm túc, chỉ tiếc lâu quá không cầm viết nên bàn tay cứ cứng quèo. Lớp trưởng có giọng nói oang oang như chuông đồng, giờ làm việc cũng như giờ học, lúc nào ông cũng kè kè cây súng ngắn bên hông! Ba Chuông có sở thích uống máu bò nóng, trong xã có ai làm đơn xin mổ bò, ông xin họ cho ông bát tiết đầu tiên, ông xuống tận nơi cầm bát tiết nóng uống đánh ực rồi đưa tay chùi hai mép đỏ lòm. Trẻ con trong xã khóc nhè dỗ không nín, bà mẹ hét lên: “Ông Ba Chuông kia!”, thế là trẻ nín khe, đồ đũa nào dám tì tề. Khi có ai làm cho ông giận dữ, ông hăm dọa bắn nát óc người đó, nhưng chưa ai thấy ông bắn bao

giờ. Có lần đám thanh niên đánh nhau, can không được ông rút súng nhưng không bắn mà chọi vào giữa đám trẻ, khiến chúng hoảng sợ bỏ chạy toán loạn. Khẩu súng văng ngay vào hũ nước mắm của bà Tư bán bánh bèo, làm ông phải chùi rửa hàng giờ liền. Tính tình bộc trực và đôi khi thô lỗ nên ông không được lòng cán bộ trong xã. Ông Ba Chuông rất kính trọng thầy Trí, việc gì cũng hỏi ý kiến thầy, thầy góp ý ông cẩn thận ghi chép vào sổ tay. Đạo ấy mọi thứ đều quốc doanh hoá, muốn giết thịt con heo cũng phải xin phép, nhưng ở Cù Lao, ông Ba Chuông cho phép nhân dân tự do mổ bò, mổ heo để cung cấp cho nhân dân trong xã. Nhiều cuộc họp trong uỷ ban ông bị chỉ trích về tội hữu khuynh! Ba Chuông đứng lên gay gắt:

- Thời chiến tranh dân đói đã đành, bây giờ hoà bình muốn ăn miếng thịt cũng không được hay sao?

Buổi chiều ngồi uống rượu với thầy Trí, ông kể:

- Thầy biết không, hồi trong căn cứ Bàu Hàm giặc bao vây ba tháng, anh em ăn chuối xanh vàng cả mắt, tôi mò về áp mang theo khẩu B40 động thẳng mấy quả vô trong đồn bọn địa phương quân, bọn chúng sợ vỡ mật, tôi vào áp nhờ cơ sở của ta móc nối với vợ tên tướng ngụy mua cả đoàn cam nhông gạo. Lúc ấy phải linh động như thế mới thắng được giặc Mỹ chứ cứng ngắc như giờ có mà ăn cám!

Đùng một cái ông Ba Chuông bị bắt về tội tổ chức vượt biên, khi bị còng tay, ông nói với thầy Trí:

- Tôi bị oan, tôi không có sao đâu, thầy đừng lo?

Hai hôm sau, thầy Trí cũng bị còng tay vì có chứng cứ thầy là đồng bọn của Ba Chuông. Sau hai năm bị giam cầm vụ án sáng tỏ, ông Ba Chuông và thầy Trí được tha về. Ông Ba Chuông hàng ngày chèo thuyền đi câu lươn ven sông không màng chuyện thế sự. Khu vườn thầy Trí đã được trưng dụng gần hết chia cho cán bộ xã. Mấy năm liền hỏi xin lại đất nhưng cán bộ xã cứ hèn

lần. Thầy vắc đơn kiện khắp nơi, tỉnh chuyển về huyện, huyện chuyển về xã, xã bảo để chờ xem xét. Không được bố trí công tác, không có việc làm, thầy Trí ngồi nhà viết đơn thuê cho dân Cù Lao. Văn hay chữ tốt, được dân tin cậy nên thầy viết hàng chục lá đơn từ chuyện tố cáo cán bộ xã tha hoá đến chuyện li dị của những cặp vợ chồng “cơm không lành, canh không ngọt”. Năm sau thầy Trí bị bắt lại vì chuyện xúi giục dân chúng gây rối! Bảy tháng tám ngày ở tù thầy lại được cho về với lệnh tạm tha! Không bỏ cuộc, thầy tiếp tục theo kiện đòi lại mảnh đất hương hoả. Hàng chục năm trôi qua, nợ nần chồng chất, thầy Trí bỏ xứ về thành phố làm đủ nghề để kiếm tiền sinh sống và kiên trì đi tìm công lí...

*

* *

Mấy năm sau khi nghe câu chuyện của ông, tôi không ra quán Hải Âu uống cà phê, vì ngày ấy, tôi bốc đồng hứa với ông rằng tôi sẽ viết một bài báo bảo vệ cho ông. Thực hiện lời hứa, tôi đã bỏ ra nửa tháng trời tìm hiểu viết bài phóng sự có tựa là: Hành trình đi đòi lại mảnh đất hương hoả của một công dân. Nhưng khi nộp bài, đồng chí tổng biên tập báo, nơi tôi công tác, phê ngay dòng chữ đỏ chót trên góc: Không có căn cứ, phi lí, không sử dụng! Năm lần bảy lượt ông đến toà soạn tìm, tôi mắc cỡ lần tránh. Thời gian trôi qua với bao nhiêu chuyện sôi động xảy ra quanh mình, tôi dần quên ông. Hôm nay, tôi qua Cù Lao vì nhiệm vụ đưa đoàn nhà báo tỉnh bạn đi du lịch vườn Vài năm gần đây, trái bưởi Biên Hoà phục hồi danh tiếng, nhờ nông dân bên Cù Lao trồng lại những giống bưởi một thời làm rạng danh đất Biên Hoà. Chính quyền địa phương đưa chúng tôi đến khu vườn mà theo họ là lí tưởng nhất trong vùng. Khu vườn rộng trên ba mẫu đất nằm sát bên sông. Chúng tôi đi thuyền đến khu vườn. Những cây bưởi đường lá cam, trái tròn căng mọng lá sà xuống tận mặt nước. Một cán bộ xã cho biết chủ nhân của

khu vườn được nhân dân trong vùng tôn xưng là hảo hán miệt vườn. Ông là người đầu tiên quyết tâm phá bỏ tất cả các cây trồng khác trong vườn để trồng bưởi. Tôi khá ngỡ ngàng khi gặp lại ông, người chủ vườn bưởi nổi tiếng đất Cù Lao. Khi đoàn khách tham quan ra về tôi xin phép nán lại để xin lỗi ông chuyện ngày xưa. Ông đưa tôi ra bờ sông, với tay hái trái bưởi vỏ nhè nhẹ và bảo:

- Trái này không có hột!

Rồi ông nhanh nhẹn gọt vỏ, múi bưởi mọng nước lộ dần. Ông nói:

-Cuối cùng tôi cũng tìm được công lí anh ạ! Chờ anh không được, tự tôi ra Hà Nội tìm đến tận văn phòng thanh tra Nhà nước. Rất may thanh tra đã về tận nơi xem xét giải quyết, ba tháng sau tôi được giải oan, nhà nước trả lại khu vườn cho tôi. Ngành giáo dục có mời tôi lại dạy nhưng tôi nghĩ mình đã già rồi, kiến thức mai một không theo kịp bọn trẻ nên ở nhà làm vườn.

Nghe chuyện của ông tôi chợt thấy mình hèn, bấy lâu nay tôi cứ ảo tưởng làm nghề báo của mình là nghề có thể cải tạo được xã hội. Thực ra tôi chưa bao giờ theo cái gì cho đến cùng. Bài viết xong đăng được thì đăng, không thì thôi, tôi chưa bao giờ quan tâm đến số phận những con người trong bài viết của mình. Mới mấy năm không gặp, ông giàu lên trông thấy, ngôi nhà hai tầng trắng loá giữa vườn bưởi chi chít quả. Hệ thống tưới trong vườn, ông bố trí hệ thống phun sương bằng máy, ánh mặt trời xuyên qua lớp nước tạo nên vô số cầu vồng lấp lánh như bông lai tiên cảnh. Thấy tôi mê mải ngắm khu vườn, ông vỗ vai tôi:

- Chú làm nhà báo chắc chú biết câu này của Đức Không tử: Nước nhà có chính trị hắc ám mà mình phú quý thì đáng xấu hổ. Nước nhà có chính trị tốt mà mình nghèo hèn thì đáng xấu hổ!

Tôi lập cập rút điều thuốc đưa lên môi ông nhanh nhẹn bật lửa mời cho tôi và nói:

- Tôi bỏ thuốc từ lâu rồi, nhưng lúc nào cũng có bật lửa trong túi, phải biết giữ lửa anh ạ, đó là bí quyết tồn tại của dòng họ tôi.

Trên sông một giọng hò lanh lảnh cất lên: Hò ơi! Ròng châu xứ Huế, ngựa té Đòng Nai...

Hoàng hôn trùm tấm lụa vàng xuống Cù Lao.../.

MIỀN ĐÔNG

.... "Gặp cô Yếm thắm, đội gạo lên chùa, anh đưa tay bóp

T hắng Thái khùng vừa bóc quả chôm chôm, vừa nghêu ngao bài đồng dao đã đã cải biên khá tục . Mấy cô gái rúc rích cười. Hai gã bốc vác lạnh lùng ném từng sọt trái cây trên xe máy xới xuống vệ đường . Nhiều sọt bị rách miệng để lộ những trái chôm chôm chín đỏ, phủ bên ngoài lớp lông dài mon mơn, còn vương màu xanh lá cây.

- Cần thận nhẹ tay một tí - Bà Béo vung vẩy chỉ đạo, rồi quay qua nói với tôi:

- Anh về bảo bà Bảy cắt cho tôi bốn tấn, đóng sọt đàng hoàng, ngày mai tôi chở đi Hà Nội.

Tôi ậm ừ, nghiêng răng nâng mấy sọt trái cây đưa lên xe tải, thằng Thái sà lại giỏ chôm chôm nhả bốc mấy trái . Bà béo hất tay nó ra, nó ngờ nghệch cười và nghêu ngao hát "Gặp cô yếm thắm...". Bà béo chửi: "Đồ chết

bầm". Hoàn hảo máy xới, kéo ga tôi nhảy lên rờ moọc, chiếc xe gập ghềnh lao qua mấy ổ gà, bùn đỏ văng tung tóe... Vườn trái cây loáng thoáng qua mắt, chôm chôm sà xuống đường, tôi đưa tay bứt một chùm, chọn trái chín nhất, bóc vỏ bỏ vào miệng, ngọt lịm, tôi đã đến no, cái thứ trái cây hấp dẫn này, đêm ngủ dậy, sáng ra ghèn đóng cứng mi mắt .

Ở quê tôi, ít có trái ngọt thứ gì cũng chua chua, chát chát. Từ ngày xa xứ đến nay đã gần năm nay. Nhớ hôm lên đường Hương tiễn tôi bên bờ sông Giao Thủy, khóc rầm rức, Chín Cọp cười giễu cợt. Đoạn khá xa tôi quay đầu lại, anh ta vỗ vai tôi và bảo: "Cái giống đàn bà nó vậy, chứ vài bữa là quên bếng đi ngay, tốt theo thằng khác, mà đừng có mà ủy mị quá".

Tôi biết Chín Cọp chẳng thuộc tạng người như tôi, nên không tranh cãi. Tôi không thích cái kiểu anh ta nắm tóc vợ lôi xềnh xệch và quát tháo như Trương Phi. Nhưng tôi khâm phục sự can đảm của anh. Chín Cọp đã từng lên rừng xuống biển, chỗ nào cũng dám, làm đủ mọi nghề, chỉ phải tội uống rượu như hũ chìm, nên vợ con cứ nheo nhóc đói khổ. Chín Cọp rủ tôi đi Nam một chuyến để đổi đời. Tôi nặng nợ quê nhà dùng dưng mãi gần cả tháng mới rút ra được .

Ba ngày ngồi rã lưng trên xe đò, chúng tôi xuống vùng Bình Long - Sông Bé, đất trắng, rừng âm u, hiu quạnh. Chúng tôi ở tạm trong nhà ọp ẹp của người đồng hương . Chín Cọp bàn với tôi về việc phá rừng làm rẫy. Tôi đưa tay sờ vào lưng quần đùi, chỉ vàng bà tôi đã may vào đây rút vẫn còn nguyên, cộm cộm.

Đêm tĩnh lặng, lâu lâu rộ lên vài tiếng chó sủa, tiếng chân người bước gập gáp. Ông chủ nhà bảo tôi :

- Máy người bị sốt rét ác tính đang được khiêng đi chữa bệnh, ở đây rừng thiêng nước độc, mỗi ngày "đứt" vài mạng là chuyện thường.

Nghe ông nói tôi sợ phát khiếp. Nhớ bà bảo tôi, ngày xưa ông ngoại tôi cũng

chết vì căn bệnh quái ác này, trong lần vào Buôn Mê Thuật làm đồn điền cho Pháp .

Sáng hôm sau, tôi từ giã Chín Cọp bỏ Sông Bé đi chỗ khác. Anh ta chẳng thèm giữ tôi, chỉ nói :

- Mày lớn rồi, tùy mày liệu, tao không cản nhưng ráng mà giữ thân, có gì về đây tìm tao, nhớ liên lạc để tao biết tình hình làm ăn.

Tôi ngược về hướng Bắc, tôi nhớ có thấy vùng đất đỏ màu mỡ, cây trái xanh tốt, trên đường vào đây. Chiếc xe đò xọc xạch chạy gần sáu tiếng đồng hồ.

Người phụ nữ bên cạnh hỏi tôi :

- Chú đi về đâu?

- Dạ chưa biết nữa.

Nghe câu trả lời kỳ cục của tôi, người phụ nữ khẽ xích ra và nhìn tôi bằng đôi mắt cảnh giác.

Đến bên xe Long Khánh lúc bảy giờ tối, tôi ngỡ ngác giữa Thị trấn tấp nập.

Lúc ấy, tôi muốn khóc, chưa bao giờ tôi thấy cô đơn và lạc lõng như vậy.

Bác tài xe lam ló đầu hỏi:

- Có đi Hàng Gòn không?. Tôi bước lên xe như cái máy.

Đêm trăng sáng, lấp lánh như vảy cá trên tàng lá cây. Hàng Gòn vắng lặng không một bóng người. Bên kia quốc lộ, rừng cây cao thẳng tắp, rộng ngút ngàn, sau này tôi mới biết đó là cây cao su. Đang loanh quanh, tôi phát hiện ngôi miếu cổ núp dưới tàng đại thụ um tùm, an tâm tôi chui vào để ngả lưng qua đêm. Giữa khuya nghe có tiếng hát khàn khàn:

".... Gặp đàn vịt trời, anh gương cung bắn, gặp cô yếm thắm ... và bóng người đi vào miếu . Tôi bật dậy, nắm khúc cây thủ sẵn. Gã đàn ông chẳng thèm để ý đến tôi, hần huyền thuyên những câu chuyện không đầu, không đuôi rồi lăn ra ngủ. Tôi bật cười "Một thằng khùng".

Ngày đầu tiên đến miền đất đỏ, tôi gặp thằng Thải khùng trong hoàn cảnh

nư vậy, trông tôi cũng nhếch nhác không kém gì nó. Sáng ra tôi lang thang đi kiểm việc làm. Những khu vườn rộng lớn rào kín bằng cây xương rồng và kẽm gai, ngoài cổng nhà nào cũng đề bảng: "Coi chừng chó dữ". Hễ thấy bộ dạng của tôi là họ đóng ập cửa lại. Đến trưa, bụng đói chân run, tôi thấy ngôi chùa nhỏ có lối kiến trúc nửa đông nửa tây khá cầu kỳ, nằm giữa vườn cây rộng mênh mông, tôi lần vào xin cơm chay, mới hay ngôi chùa của bà chủ vườn dựng lên để tu tại gia. Tại đây tôi gặp ông Tám Hoàn, biết hoàn cảnh của tôi ông đã xin với gia chủ nhận tôi vào làm công thá cùng với gần ba mươi công nhân khác...

"Anh đang nghĩ gì vậy?" - Cô gái hái trái cây mướn người miền Tây bắt chợt hỏi tôi. Tôi cười. Cô khác lại nói: "Anh nhớ người yêu rồi".

Ừ nhỉ, đã lâu lắm rồi tôi không nhớ Hương như hồi mới vào đây. Lúc ấy, tôi thơ thẩn nhặt hoa sầu riêng và nhớ cháy lòng mùi hoa dù dẻ mà Hương thường giắt lên tóc. Hoa sầu riêng gần giống loài hoa dân dã ở quê tôi, màu hoa trắng pha tí vàng, khi rụng ngả hẳn qua màu vàng chứ không tím ngắt như bài tập đọc tả loài hoa này trong sách giáo khoa tiểu học.? Đến mùa trái chín, hiếm hoi lắm mới có vài bông nở muộn, có lần tìm hoa trái mùa, tôi suýt chết vì trái sầu riêng rụng ngay trên đầu. Nghe tiếng la hoảng của ông Hoàn, tôi vội nép người vào góc, soạt, trái sầu riêng to như đầu người, gai tua tua sượt qua vai, tôi phải nghỉ làm mấy ngày. Thứ trái cây này lạ thật, hễ chín là khắc tụt rụng không cần hái. Mùi vị của nó đến là khó chịu, có lần ông Hoàn khui một trái, múi to bằng nắm tay trẻ con, vàng ươm. Tôi bịt mũi hỏi: "Mùi này nó khó ngửi quá vậy, ăn làm sao được?". Ông Hoàn nói: "Mày chưa quen đó thôi, chứ ăn được rồi ghiền lắm, ngon phải biết". Bà Bảy băng bó vết thương cho tôi trợn mắt chửi: Đồ điên, bộ muốn chết hả, dạn rồi không nghe? Lượm chi ba thứ hoa rụng đó, giống thằng Thái khùng quá.

Tối đến, tôi ôm cánh tay bị đau nằm co quắp trong căn chòi giữ vườn, canh kẻ trộm, lạnh thấu xương, sầu riêng rụng lịch bạch cả đêm, vẫn vợ thân phận con người, buồn nẫu ruột . Biết vậy ở nhà đi cày cho xong.

Dành dụm bốn năm trời mua được sào đất bên bờ suối, chẳng có thời gian làm, cỏ mọc um tùm. Bao nhiêu sức lực lo kiếm cái bỏ vào miệng. Ngày đi mới mười tám bây giờ đã gần hai mươi ba tuổi, chắc Hương đã lấy chồng rồi .

Xe về tới vườn, tôi nói với bà Bảy:

- Bà Béo biểu cắt cho bốn tấn nữa, mai chở.

Bà Bảy phẩy bàn tay nặng trĩu vàng vòng, bảo:

- Lo ba miếng rồi đi làm.

Gần ba mươi con người rầm rập như tầm, chỉ một loáng, nồi cơm to tướng hết nhẵn. Ông tám Hoàn vừa bẻ chôm chôm vừa ngâm nga câu cao dao quen thuộc "Cây khô xuống nước cũng khô, phận nghèo đi đến xứ mô cũng nghèo". Năng lên cao, tiếng hát lan trong vườn cây âm vọng, khiến bầy chim kéc bay vút lên trời .

Tôi ngược mắt nói với ông Hoàn:

- Thời nào cũng có người giàu chú Tám nhỉ!

- U! "Con vua được làm vua, con sãi ở chùa quét lá đũa" Hồi xưa nhà này là chủ vườn giàu có khét tiếng miền Đông Nam bộ. Cà phê cao su cả ngàn mẫu, chó chạy ngay đuôi. Sau giải phóng còn lại hai chục mẫu vườn, mỗi năm thu nhập cả tỉ bạc. Cha tao ở Quảng vô làm thuê từ hồi tao còn ở trường tấm mưa, tới đời tao cũng bám nhà này để sống .

- Họ có ác không chú ?

- Vi nhân bất phú mà mày, có điều mỗi thời mỗi cách ác khác nhau. Bây giờ bà chủ đêm nào cũng tụng kinh gõ mõ. Có lẽ nhờ tu nhân tích đức mà nhà nước trả cho gần năm chục mẫu đất nữa để trồng cao su, tha hồ giàu.

Ông Tám Hoàn có lỗi nói giàu hình ảnh và cay cú, bà Bảy không ưa, nhưng ông Tám làm quản gia lâu đời nên không thay thế được. Người thương thì phục, người ghét bảo ông bị "mát" dây. Tám Hoàn có tính hay thương người, hồi trước thằng Thái còn ở đây ông thương nó như con. Nhiều người độc miệng bảo thằng Thái là con rơi của ông chủ lúc nó chừng bốn tuổi có người đàn bà mang nó đến bỏ lại trong vườn, thấy nó xấu xí lại bị ngớ ngẩn bà Bảy giao cho ông Hoàn nhốt ngoài vườn nuôi, riết rồi thành khùng. Khổ nỗi khùng cũng thích đàn bà, thấy mấy cô hái chôm chôm, nó ra vườn nhìn chũm chũm vào mảng da trắng hếu ló ra bên hông, nhìn như lột truồng người ta. Hồi mới đến đây, tôi nghe nó bóp vú mấy cô gái trong nhà, bà Bảy nổi giận đuổi đi, thằng Thái ra ngoài miếu hoang ở. Ông Tám Hoàn cho nó cơm hàng ngày. Nghĩ đời như nó cũng sướng.

- Tết này tôi về quê ông Tám à.!

- Mà về chi? cưới vợ há? Cưới đại con nào ở đây làm cho khỏe, về ngoài đó gặm đất để sống sao?

Không để ý lời can ngăn của ông, tôi nói như tâm sự:

- Từ hồi bà tôi mất tới giờ, chẳng có người thân nào chờ đợi cả, mà sao nhớ quá.

Đêm. Mệt lắm người, không ngủ được, lại nghĩ đến chuyện về quê. Nói là nói vậy chứ lần nữa mấy năm rồi, tôi có về được đâu. Muốn về quê phải có tí tiền rủng rỉnh chứ đi Nam mấy năm mà vẫn cứ "khó rách áo ôm" coi sao được. Mấy lần viết thư cho Hương nhưng lại thôi.

Những cơn mưa miền đông kéo đến mờ mịt đất trời, ngồi trong chòi nhìn ra ngoài sân, nhớ hồi ở quê, cứ tới mùa mưa thế này, nước tràn đồng, cá giếc bơi sần sật cả trong sân nhà. Hương thường xách nơm qua nhà rủ tôi đi nơm cá. Mội tím tái vì lạnh hai đứa chộp được con cá bằng bàn chân, cười như nắc nẻ. Hôm bà tôi mất, Hương lo ma chay, khi tôi hay tin đã qua tuần bốn

mười chín ngày. Đang giữa mùa trái cây, bỏ việc chạy về được mười hôm lại không gặp Hương. Nghe đâu cha mẹ ép lấy chồng, Hương bỏ lên Dùi Chiêng sống với bà dì. Lặn lội đi tìm ba ngày, xứ sở toàn núi đá chập chùng, lâu lâu trôi lên dăm nóc nhà, chẳng biết đường đâu mà lặn, buồn quá, lại phải ra đi.

Đang nghĩ vẫn vợ, có tiếng ông Tám Hoàn í ới ngoài vườn, tôi nhóng mắt ra màn mưa mờ đục, há hốc kinh ngạc. Hương đứng với Chín Cọp, ướt sũng, run cầm cập. Tôi không tin vào mắt mình, đứng lên không nổi. Ông Tám Hoàn đưa hai người vào chòi. Tôi lắp bắp:

- Làm sao... làm sao em biết anh ở đây?

Chín Cọp trừng mắt nhìn tôi:

- Tao dẫn nó đi tìm mày muốn chết, biểu mày liên lạc với tao mà mày im bất mấy năm trời, tặc quá!

Ông Hoàn vỗ vai Chín Cọp.

- Thôi anh qua chỗ tôi làm mấy ly cho ấm, để tụi nhỏ tâm sự.

Chín Cọp theo ông Hoàn, Hương ôm chầm tôi, khóc nức nở. Chúng tôi ngồi bên nhau, Hương thổn thức kể lại hành trình vất vả trên đường tìm tôi. Một con rắn trườn vào chòi, Hương hét hoảng rút vào lòng tôi, con rắn thân nhiên bò qua chân chúng tôi rồi chui vào bụi chuối sau hè. Thân thể hùng hực của Hương làm tim tôi đập rộn rã, đất trời bênh bồng... Một dòng máu nóng, nôn nao cuộn cuộn trong người, Hương khẽ rên và tôi biết một sinh linh đã được hình thành trên vùng đất đỏ bazan màu mỡ này. Trời đã tạnh mưa, ngoài vườn sầu riêng rụng lịch bạch. Tiếng tụng kinh của bà Bảy quện với bài đồng ca rả rích của côn trùng. Hương nằm cạnh tôi thở đều gương mặt buồn rầu, thánh thiện dưới ánh trăng nhàn nhạt. Tôi nghĩ: "May mà có được miếng đất bên bờ suối" và cúi xuống nhẹ nhàng đặt nụ hôn trên đôi môi nhợt nhạt của em. Trong niềm hạnh phúc vô bờ tôi chợt thấy thương

thằng Thái khùng đang nằm co ro trong ngôi miếu hoang hiu quạnh, nơi tôi đã ngủ đầu tiên khi đặt chân đến vùng này .

Sáng hôm sau, Chín Cọp từ giã tôi đi về lại Sông Bé. Anh cho tôi biết anh đã bỏ nghề làm rẫy để đi buôn thuốc lá lậu qua biên giới, bây giờ khá khá lắm rồi. Chín Cọp còn bảo tôi: Khi nào mày chán làm mướn hai vợ chồng mày lên biên giới đi với tao. Tôi nói: "Tôi không đủ can đảm . Anh chửi "Đồ nhát gan, bộ tính suốt đời làm thuê sao?". Đến trưa ông Hoàn báo cho tôi biết bà Bảy sẽ tổ chức lễ cưới cho chúng tôi và nhận Hương vào làm công trong nhà. Hương rạng rỡ hỏi tôi "Bà chủ tốt lắm phải không anh?". Tôi cười: "Ừ tốt lắm. Vậy anh đưa em vào ra mắt bà chủ đi anh!". Tôi miễn cưỡng gật đầu rồi làm lữ dẫn Hương đi theo ông Hoàn, đầu óc mông lung với niềm mơ ước về một vườn cây trái xanh tốt của riêng chúng tôi. Lúc ấy, tôi sẽ về quê xây mộ cho bà và cha mẹ tôi, chắc chắn như vậy, tôi sẽ làm được điều ấy.

NHU' LÀ CỐ TÍCH

Chị có nụ cười trong vắt, giòn tan như thủy tinh vỡ. Trông chị mỹ mãn và hạnh phúc lắm. Người không ưa chị, cũng công nhận chị đẹp. Thân thể tròn lẳn, gò má lúc nào cũng ửng hồng như vừa đi nắng vậy. Học trò rất mê giờ dạy của chị. Nhưng chưa bao giờ chị đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi. Bao nhiêu lần hội giảng, thanh tra xếp loại "khá" là hết sức. Các thầy thanh tra

phê bình chị không bám sát sách giáo khoa, mà "sách giáo khoa là pháp luật!". Chỉ có thầy Mây tổ trưởng tổ văn là ủng hộ chị. Thầy bảo: "Cô Vân hớp hồn học sinh bằng tất cả sự rung cảm của trái tim, truyền sự rung cảm của mình qua chúng". Thầy Mây dự giờ của chị bỏ phiếu "giỏi" nhưng một mình thầy không chống lại được các thầy thanh tra của phòng giáo dục cử về. Gặp chị ngoài đường ít ai nghĩ chị làm nghề giáo. Ngoài giờ lên lớp, chị diện quần jean áo thun ôm. Bộ quần áo bó sát người, nổi bật những đường cong mềm mại. Chị ra đường đàn ông ngoái đầu nhìn lại, đàn bà bĩu môi ganh tị. Ban giám hiệu phê bình chị, thầy Mây bảo: "Nghề dạy học là nghề có nhiều ảo tưởng, các thầy cô giáo thường lấy mình ra làm chuẩn mực để đo người khác, nhiều lúc quên mất mình cũng là con người...". Rồi thầy kể: "Sau giờ chào cờ, thầy hiệu trưởng gọi đội sao đỏ lên và hỏi: -Khu nào nói chuyện nhiều nhất? Cậu học trò gái tai áp ứng: -Thưa thầy, em không dám ạ! Thầy hiệu trưởng động viên: -Cứ nói. -Dạ, khu giáo viên ạ!". Đám giáo viên trẻ cười ồ. Cô Châu vỗ vai chị: - Nè Vân! Hôm qua tao thấy "Thiên sứ" lảng vảng trước nhà mày đấy! Chị cười rồi chép miệng: -Tội nghiệp! Châu bảo: - Tao lo lắm, nghe người ta đồn... Chị cười giòn, nụ cười trong vắt như pha lê: - Úi dào, đồn nhảm... *** Thị trấn giấu mình trong rừng cao su và những vườn cây trái mênh mông. Những con đường nhỏ ngoằn ngoèo, những ngôi nhà nhỏ thấp thoáng giữa các cây chôm chôm, sâu riêng, măng cụt... Mùa mưa đến hoa nở rộ, thị trấn tràn ngập ong và bướm, những chú ong cần cù hút mật trước sự chế giễu của đàn bướm đang nhón nhơ rong chơi. Con người cũng vậy, các cô gái phục vụ quán cà phê vườn mặt hoa da phấn vô tư đùa giỡn với các chàng trai làm cỏ mướn cho các chủ vườn. Họ làm việc bên cạnh những ghé bó đặt trong vườn cây dành cho những cặp tình nhân vào uống nước và tâm sự. Thị trấn bình yên và hiền hoà như trong truyện cổ tích. Bất chợt người ta có thể bắt gặp một cô gái đẹp như nàng công chúa đang

ngủ ngon lành dưới gốc chôm chôm trĩu quả. Một buổi chiều nọ mà có thể là buổi sáng vì không ai nhớ rõ, thị trấn xuất hiện một con người kỳ quặc. Con người này như từ các ngọn cây hiện ra... Suốt ngày gã đi lang thang, miệng lảm nhảm đọc thơ, những câu thơ ngớ ngẩn: "Đến từ hư vô, ta là thiên sứ, có loài quỷ dữ, xé nát hồn ta... ta là thiên sứ... Ta là thiên sứ...". Gã lặp lại câu thơ ấy nhiều lần. Không ai biết tên gã, mọi người gọi gã là Thiên Sứ. Từ đó, Thiên Sứ thành tên của gã. Thiên Sứ có khả năng siêu nhiên kỳ lạ, gã biết trước cái chết của người khác. Nhờ vào khoa học, con người có thể biết được tất cả, nhưng cái chết vẫn là bí mật của thượng đế, không ai biết trước được, vậy mà gã biết !Thị trấn nhỏ bé này đón nhận Thiên Sứ với thái độ vừa khinh khi, vừa sợ hãi, vừa cung kính. Hễ Thiên Sứ lãng vãng trước nhà nào đọc thơ, y như rằng vài ngày sau nhà đó có người qua đời. Thiên Sứ luôn có mặt trước tiên bên thi hài người quá cố để đọc thơ tiễn linh hồn của họ về trời. Thoạt đầu không ai để ý, nhưng sự việc cứ lặp đi lặp lại mãi, người ta bắt đầu sợ hãi gã... Mỗi khi tan học, bọn trẻ tụ tập góc ngã tư con đường dẫn vào trường reo hò ầm ĩ. Thiên Sứ đưa hai tay lên trời đọc thơ : "Đến từ hư vô, ta là Thiên Sứ..." Bọn trẻ cười ồ, rồi đồng thanh : "Đọc thơ nữa đi Thiên Sứ !". Cứ thế, gã đọc đi đọc lại đến khản cả cổ, đọc cho đến khi chị chạy xe ngang qua gã mới bỏ đi. Cả thị trấn căng thẳng cực độ, người ta rỉ tai nhau : " Hôm qua Thiên Sứ đến nhà nào ?- Trước nhà lão Mộc-Lão ấy chết là vừa, đồ tham lam, keo kiệt". Lão Mộc có ngôi nhà hai tầng, ngôi nhà lớn nhất nhì thị trấn nằm giữa vườn cây trái rộng gần hai mẫu đất. Trước nhà lão cho đúc tượng thật của lão, pho tượng một người đàn ông cầm con dao chọc tiết heo. Nghe đâu lão bỏ ra năm chục triệu để thuê một điêu khắc gia ở thành phố về tạc tượng. Dích thân lão đứng ra làm mẫu, lão nói với nhà điêu khắc : " Hãy làm thật giống, ta muốn cho con cháu nhớ ngày xưa cha chúng khởi nghiệp bằng cái nghề này ". Lão tự hào về quãng đời làm đồ tể của

mình, nhờ đó mà lão có ngày hôm nay. Trước đây lão đạp xe chở rọ đi khắp hang cùng ngõ hẻm để mua heo về giết thịt cho vợ mang ra chợ bán, nhà đông miệng ăn, con cái nheo nhóc. Những người trong thị trấn đều tỏ ra không thích khi nhắc lại thời bao cấp, nhưng lão lại khác, lão gọi đó là " thời vàng son của những người khôn ngoan" . Lúc ấy, việc cung cấp thịt là độc quyền của hợp tác xã mua bán, riêng lão Mộc vẫn lén lút mổ heo. Không hiểu bằng cách nào mà các cán bộ xã lờ đi cái việc làm sai trái ấy của lão. Những ngày giỗ chạp ngay đến cán bộ xã cũng không đủ kiên nhẫn xếp hàng mua thịt, họ lén lút đến nhờ lão Mộc. Thời ấy ai cũng xanh mướt vì thiếu ăn, riêng gia đình lão vẫn cứ phờ phạc, con cái da dẻ đỏ au. Dân trong thị trấn muốn bán vàng thì đi vào ngõ sau của lão Mộc, bao nhiêu lão cũng mua. Giữa nhà nơi vị trí trang trọng nhất lão đặt một trang thờ, lão không thờ Phật, không thờ Chúa, không thờ ông Quan Công mà lão thờ Trư Bát Giới, lão gọi đó là vị thần hộ mệnh của gia đình lão. Thời mở cửa lão rửa dao gác lên bàn thờ, nhảy ra mở tiệm vàng, lão nhanh chóng trở thành người giàu có nhất nhì trong thị trấn. Lão xây nhà, đúc tượng, giao tài sản cho con trai quản lý. Chiều chiều lão Mộc vi vu trên chiếc xe máy đời mới, chở một em gái trắng như bông café để hưởng lạc trong ngôi nhà mát lão cất giữa khu vườn rộng ven thị trấn. Thiên sứ đọc thơ trước nhà lão buổi sáng thì chiều hôm ấy lão chết, chết vì thượng mã phong! " Hôm nay thiên sứ đứng trước nhà mù Bằng - Mụ tú bà chuyên cung cấp gái cho lão Mộc chứ gì ? Lão Mộc mà không có mụ ấy thì sông sao nổi !- Vì thế nên lão lòi mù theo..." Những đoạn thoại như vậy lan đi khắp thị trấn, nó len lỏi mọi góc ngách, như tiếng chuông báo tử buồn bã phát ra từ nhà thờ lớn...! *** Ngôi nhà của chị được làm bằng gỗ quý, toàn gỗ, ngôi nhà tuyệt đẹp. Chồng chị bảo giá trị của nó gấp đôi cái nhà hai tầng của lão Mộc. Ngôi nhà nằm giữa vườn, khu vườn thơm ngào ngạt, bướm bay chấp chới như rắc hoa. Lần đầu thấy ngôi nhà,

chị đã mê tít. Ngôi nhà hiện ra giữa vườn trái chín đỏ rực như trong chuyện cổ tích. Vì ngôi nhà mà chị quyết định lấy chồng : " Chỉ có lấy chồng mới sở hữu được ngôi nhà xinh đẹp ấy!" Một ý nghĩ lãng mạn và tầm thường tuy theo cách định giá của mỗi người. Tất nhiên chị đã biết chủ nhân của ngôi nhà, người ấy đeo đuổi chị cả năm trời qua. Mỗi lần xuất hiện anh luôn kèm theo những món quà đắt giá. Chị yêu văn chương nhưng cũng mê cả chiếc đồng hồ mạ vàng ôm chặt cổ tay tròn trĩnh của chị. Mê chiếc nhẫn kim cương lấp lánh mà anh luồn vào ngón tay búp măng trắng nuốt, trắng nà của chị. Lấy nhau rồi, chị mới thấy cái gì ở bên ngoài của anh đều đẹp, kể cả ngôi nhà. Trong nhà anh bày biện thật khiếp. Rèm màu đỏ, cửa màu xanh, những bức tranh loã lồ, rẻ tiền dán đầy cả vách ván cấm lai. Chị mắt cả năm để thuyết phục anh thay đổi cách bài trí trong nhà. Nhưng tâm hồn thì chịu, anh rộng tuếch và nhạt nhẽo. Anh bảo: " Văn chương là thứ vớ vẩn" Chị bảo : " Văn chương làm say lòng người " Anh cười khùng khục: " Làm sao say bằng rượu bia" Lúc đầu chị khó chịu, nhưng dần rồi quen, đàn bà vốn thế, dễ thích nghi. Cuộc sống cứ thế trôi đi cho đến ngày chị gặp một nhà thơ trên đường đi dạy về. Nhà thơ bám theo chị đọc thơ ca tụng chị, ca tụng tình yêu, ca tụng cuộc đời. Trái tim chị bồi hồi" thêm một chuyện cổ tích ". Chị không thể ngờ rằng giữa thời đại công nghiệp, cuộc sống trôi đi như guồng máy khổng lồ lại có một người yêu thơ đến thế. Chị kính trọng và yêu thích anh, những người như vậy làm cho cuộc đời đẹp lên. Anh sẽ mãi mãi là con người chứ không thành" Thiên sứ " như bây giờ nếu không có lần chị đưa anh về nhà. Tiếc thay ! Anh không quan tâm đến sự giàu có của chị. Giữa vườn hoa hướng dương chị trông trước sân, anh quỳ xuống đọc thơ. Chị không kèm nổi cảm xúc, ôm đầu anh vào lòng. Mái tóc rối bù, đôi mắt ngây thơ như trẻ con, anh ngược nhìn chị, một cái nhìn thành kính. Chồng chị xuất hiện, nồng nặc rượu bia, anh nện cho nhà thơ mấy cái vào đầu và ném

thân hình gầy gò của anh ta ra đường. Chị ngất xỉu. Khi chị tỉnh lại nhà thơ không còn ở đó. Chồng chị đã lăn ra giường ngáy khò khò... Thiên sứ xuất hiện trước nhà chị để báo điềm gỡ, điềm gỡ cho chính gã. Gã đến để chia tay với chị. Chị khóc ngay trên bục giảng khi nghe tin Thiên Sứ " về trời". Một nhóm người nào đó đã loại gã ra khỏi cuộc sống, họ không chịu nổi sự mệnh của gã ở trần gian này. Lạ thay ! đám ma của gã lại rất đông. Hầu như tất cả dân chúng trong thị trấn tiễn gã lên đường, không ai khóc, họ cung kính , sợ hãi và vui mừng...! Khi câu chuyện Thiên Sứ được thay bằng chuyện giá cả xe máy Trung Quốc trong sự bàn tán hàng ngày của người dân thị trấn, chị ra thăm mộ gã. Chị quỳ bên mộ đọc thơ, lần đầu chị đọc thơ ngoài bục giảng, một bài thơ ngắn của Thiên Sứ : " Ở nơi mà chúng ta buông tay rơi vỡ chiếc bình. Long lanh giọt nước tình duyên. Ở đó sau này thành sông thành biển. Ai đã chèo thuyền vào cõi vô biên..." Chiều đã tắt, bóng tối trùm lên những ngôi mộ được xây cầu kỳ như biệt thự. Chỉ có ngôi mộ của gã, một gò đất nhỏ lẻ loi, cô đơn. Ngôi mộ mọc đầy hoa trắng như trong chuyện cổ tích.

NHỮNG DÒNG SÔNG ĐỘ LƯỢNG

Trong một lần, theo nhà văn lão thành Hoàng Văn Bôn về dự đám giỗ ở làng Bình Long. Khu vườn hương hoả của ông chạy dài đến tận mé sông Đồng

Nai, con sông lớn nhất miền Đông Nam bộ. Giỗ quảy xong, mọi người về hết, ông rủ chúng tôi ra ngồi bên bờ sông. Ông đôi cặp mắt xa xăm dõi theo cánh lục bình chậm rãi trôi trên sông. Khác với các con sông ở miền Trung lúc nào cũng ồn ào như một sơn nữ tuổi đôi mươi lúc nhảy múa qua các núi đồi, thì sông Đồng Nai là mệnh phụ quý phái và từng trải, nó êm đềm chảy với niềm kiêu hãnh “dòng dõi thuần Việt” của mình. Nó kiêu hãnh cũng đúng, bởi từ nơi nó bắt nguồn đến lúc đổ ra biển khơi, nó nằm hoàn toàn trong lãnh thổ đất Việt. Chúng tôi ồn ào tìm cách xuồng sồng, nhà văn Hoàng Văn Bôn một người gắn bó máu thịt với dòng sông, vẫn lặng lẽ ngồi nhìn đắm đắm giữa dòng sông. Những tưởng ông đang nghĩ về một đoạn văn nào đó cho cuốn tiểu thuyết mới, nào ngờ than thở với tôi: “Bao giờ cho dòng sông Đồng Nai trở lại bình yên như ngày xưa!” Vừa nói, ông vừa đưa tay chỉ ra các xáng cạp đang thọc đôi hàm sắt thô bạo xuồng lòng sông ngoạm hàng khối cát đổ lên xà lan. Không chỉ ở chỗ quê ông, mà cả đoạn sông Đồng Nai dài từ Vĩnh Cửu về Biên Hoà hàng ngày phải oằn mình dưới hàng chục xáng cạp hoạt động ì ảm suốt cả ngày đêm. Ngay tại đoạn sông chảy qua thành phố Biên Hòa cũng có một xáng cạp hoạt động liên tục, cứ mỗi buổi nó mang đi một xà lan chở hàng trăm khối cát. Tôi thích những con sông miền Trung hơn, bởi nó nhiệt tình, đại dật và khốc liệt như tính cách người dân ở nơi “đòn gánh” của đất nước. Lúc đầu tôi ghét cái kiểu quý phái phớt đời của những dòng sông ở miền Nam, nhưng qua văn chương của nhà văn Hoàng Văn Bôn tôi có cảm tình với sông Đồng Nai và dần yêu nó tự lúc nào tôi cũng không nhớ. Bây giờ cứ chiều nào không ra quán Cây Bàng uống ly cà phê đen để ngắm dòng sông Đồng Nai tôi lại thấy nhớ. Nhưng tiếc thay càng nhìn càng buồn, dòng nước mỗi ngày một đục hơn và tanh tưởi hơn với những mùi vị xa lạ với cái mũi có gốc gác nông dân vốn quen với mùi bùn đất của tôi! Cái máy hút cát giữa dòng sông lạnh lùng thân

nhiên hành hạ con sông làm tôi xốn mắt, thường những lúc như thế tôi quay về phía cầu Gành để tránh nhìn cái hàm sắt thô bạo ấy. Những xáng cạp lớn hoạt động công khai giữa bàn dân thiên hạ là của các công ty được cấp giấy phép, còn hàng trăm máy hút cát lén lút hoạt động vào ban đêm. Mỗi ngày người ta đào bới không biết bao nhiêu cát trong lòng sông mà kể. Ông già chèo thuyền ở mé Tây bờ sông Đồng Nai thuộc huyện Tân Uyên nói với : “Vài năm trở lại đây khúc sông này thường xuyên bị sạt lở. Thời gian qua nạn khai thác rộ lên từ cầu Hoá An cho đến ngã ba Vàm. Trước đây bờ sông cách nhà tôi mười lăm mét, nay còn chừng tám mét, nếu tình trạng khai thác tiếp tục như hiện nay thì sẽ có ngày ngôi nhà của tôi sẽ chìm xuống sông!” Ông nói chuyện hiềm họa trong tương lai với thái độ an nhiên tự tại một cách lạ lùng, cứ như một ngày nào đó ngôi nhà của ông thực sự trôi theo dòng nước thì âu cũng là một quy luật vay trả của tạo hoá, bởi chính ngôi nhà của ông cũng được xây từ những hạt cát của con sông này. Nghe ông nói rồi nhìn xuống dòng sông tôi chợt nhớ đoạn văn trong cuốn “Câu chuyện dòng sông” của Hermann Hesse: “Sông vẫn chảy nhẹ nhàng, thoải mái, tiếng nước reo lên một cách kỳ dị. Con sông đang cười lớn, rõ ràng đang cười lớn” Có lẽ con sông đang cười thật, nó cười sự đại dột của con người không hiểu hết sức mạnh và sự trả thù dữ dội của thiên nhiên Người chèo đò vẫn thản nhiên đưa tôi lướt qua các thuyền nhỏ chở cát đầy ăm ắp. Nóng mặt bởi các ông lớn ngang nhiên “hốt tiền”, nhiều cơ sở nhỏ hàng đêm dong thuyền ra sông thi nhau móc cát tạo nên tình trạng khai thác hỗn loạn ở đoạn sông này. Con sông Đồng Nai vốn đã gánh chịu hàng triệu tấn chất thải từ các KCN đổ ra nay phải oằn mình chịu đựng sự đào bới tàn bạo của con người. Theo lời kể của những người dân ở quê hương nhà văn Hoàng Văn Bồng, ngày trước con sông Đồng Nai nước trong xanh còn cá tôm nhiều vô kể, mùa nước lên cá tràn lên đồng sinh đẻ, đến mùa nước xuống hàng đàn cá

con bay vun vút xuống dòng sông. Những người dân mang rô ra hứng. Loài cá này không có tên, theo cách di chuyển của nó, người dân đặt tên là cá bay. Cá bay kho tiêu hoặc hấp lên cuốn bánh tráng ăn với đậu rồng không có gì ngon bằng. Bây giờ cá bay hiếm dần bởi ngay cá lớn đôi khi còn chết trắng sông, hướng chi cá con. Trong những ngày đầu tháng 8/2002 vừa qua, trên một nhánh sông Đồng Nai chảy qua phường Tân Mai, TP Biên Hoà có gần một trăm hộ làm nghề nuôi cá bè, có nguy cơ phải bán nhà trả nợ, vì bỗng dưng cá đang độ lớn lẫn ra chết hàng loạt! Những ngày ấy nước sông Đồng Nai trở nên đỏ và đục ngầu, sau đó vài giờ, cá phơi bụng trắng lặn trên mặt nước! Bà con ngư dân cho rằng: “Có thể thời gian qua nắng hạn kéo dài nước thải ứ lại tại các mương rãnh từ nhà máy, khi mưa, luồng nước này đồng loạt chảy ra sông hoặc có nhà máy nào đó thải chất nguy hại có nồng độ cao nên cá chết! Nhìn đàn cá chết tôi chợt nghĩ: “Phải chăng dòng sông Đồng Nai đã gửi lời cảnh báo đến với 14,4 triệu dân vùng hạ lưu đang uống nước lấy từ dòng sông này!” Theo điều tra của Sở KHCN &MT Đồng Nai cùng Viện Thủy sản thì nguồn nước sông Đồng Nai đang gánh chịu luồng nước thải khổng lồ từ hai trăm nhà máy và gần bảy ngàn cơ sở lớn nhỏ trong và ngoài KCN. Ngoài ra dòng sông còn chịu hàng ngàn tấn chất thải từ sinh hoạt, thuốc trừ sâu, dầu mỡ do các phương tiện giao thông đường thủy và hàng trăm xà lan móc cát đang hoạt động trên sông. Hiện nay tỷ lệ coliform trong nước tăng ở mức đáng lo ngại, lượng oxy ở tầng mặt giảm ở mức báo động 0,3 - 3,6mg/ 1000cm. Trên đất Đồng Nai còn có một dòng sông nặng ân tình khác cũng đang nằm trong tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng, đó là dòng sông Thị Vải. Trong một lần cùng đi thăm dòng sông với đại tá Lê Bá Ước con người nặng nợ với dòng sông Thị Vải, lần ấy tôi có bài viết ngắn có tựa là “Chuyện ông đại tá và dòng sông đen!”. Bài báo này đăng trên báo Tiền Phong, nhưng nói để mà nói còn nước thải vẫn cứ phải đổ ra sông, chứ

biết đồ đi đâu bây giờ? Ông Bảy Rừng Sác tức đại tá Lê Bá Ước, chính uỷ trung đoàn 10 đặc công thuỷ rừng Sác, một thời lừng lẫy. Đó là một con người huyền thoại đã gắn bó với dòng sông Thị Vải suốt chiều dài cuộc kháng chiến chống Mỹ. Đứng với tôi, ông chỉ tay ngay trên nền cầu cảng và bảo: "Hồi trước, Mỹ ngụy cử một đại đội lính ra đóng quân ở đây chặn đường, không cho đồng bào tiếp tế quân ta. Chúng khủng bố cả tháng liền. Ban đêm chúng rọi đèn tuần tra trên sông cả đêm. Vào các buổi trưa tôi cầm lá cờ ba que trên xuồng, giả làm tàu tuần tra của địch, chạy sát bờ để thị sát. Sau vài lần quan sát nắm được quy luật của chúng. Vào các giờ ăn chúng tụ tập lơ lửng cạnh giắc, tôi cho lính mang theo B41 động vô đèn máy quả. Địch chết vô kể, bọn chúng thất đờm bỏ hẳn bến Gò Dầu cho quân ta hoạt động" Ông chỉ qua bên kia sông, khoát tay một vòng và nói tiếp: "Trước kia anh em đặc công thuỷ rừng Sác sống trong những cánh rừng ấy. Những ngày không được tiếp tế, sống nhờ con tôm con cá trên sông Thị Vải này. Dòng sông nước trong vắt xanh thẳm, cá nhiều vô kể, ở sông này có loài cá nâu, thịt ngọt như cá chim. Sông Thị Vải nước lợ, con tôm to như ngón chân cái, chặt mớ chà bỏ xuống hôm sau kéo lên bắt cả rổ" Nói xong ông buồn bã nhìn dòng sông, dòng sông đen ngòm, đen đến nỗi nhìn từ xa người ta tưởng đó là con đường nhựa, chứ không phải dòng sông. Mùi hôi thối xông lên nồng nặc, những người nhạy cảm hắt hơi liên tục. Chúng tôi đứng chưa được năm phút người nào cũng có cảm giác cổ bị gắt. Một cán bộ cảng Gò Dầu cho biết, công nhân cảng làm việc phải đeo khẩu trang quanh năm mà người nào cũng bị viêm mũi. Cảng Gò Dầu là nơi có thể tiếp nhận được tàu trên mười vạn tấn nhưng không có nơi ở cho thuỷ thủ. Chúng tôi nêu thắc mắc, ông giám đốc cảng Đồng Nai cười và gượng gạo nói: "Có ai dám ở đây đâu mà xây nhà, dự án có rồi nhưng khi thuỷ thủ nước ngoài đến ai cũng nhăn mặt, lắc đầu..." Thu phạm làm cho dòng sông đen là những dòng nước thải

của hàng chục công ty trong các KCN Long Thành, Nhơn Trạch, Mỹ Xuân. Riêng công ty V. có đến hai ống nước thải có đường kính dài hơn hai mét, ngày đêm tuôn dòng nước đen ngòm ra dòng sông. Việc xả nước thải ra sông hàng chục năm nay, không biết bao nhiêu bài báo lên tiếng, không biết bao nhiêu lá đơn kêu cứu của nhân dân nhưng lần nào ông môi trường về thanh tra cũng khẳng định như đinh đóng cột là: "Không độc hại, không gây ô nhiễm môi trường" Nghe kể chuyện này một nhà văn trong đoàn nói vui: "Cái mũi của máy ông môi trường khác cái mũi của người thường mình chẳng?" Nhìn dòng sông, ngửi cái mùi kinh khủng của nó, một nhà thơ thốt lên: "Tôi sẽ làm một bài thơ phản ánh chuyện này" Mọi người cười ồ, hàng trăm bài báo còn chưa thấm béo nói gì là thơ với phú! Xe khởi hành, một luồng gió đưa mùi hôi xộc vào mũi, đại tá Lê Bá Ước lẩm bẫm: "Hồi ấy hàng tấn bom đạn kẻ thù trút xuống đây dòng sông vẫn xanh thắm một cách kiêu hãnh vậy mà..." Ông bỏ dở câu nói và nhìn đắm đắm về phía dòng sông." Trước đây tiến sĩ Harold Jack Day có vấn đề án AEQM khi về nghiên cứu nước sông Đồng Nai đã đưa ra lời báo động: "Sông Đồng Nai đang trên đà suy thoái nặng. Nếu cứ tiếp tục bị ô nhiễm, dòng sông không thể tự hấp thu lượng thải và sẽ chết dần mòn!" Sông Đồng Nai sẽ chết ư? Một người quen đã cười lớn khi nghe tôi kể lại câu nói ấy, dòng sông làm sao mà chết được cơ chứ, chỉ có con người mới chết, nếu nhà máy đóng cửa, nếu không có việc làm. Không có việc làm thì không có cái ăn, không có cái ăn mới chết chứ! Giọng cười của anh ta cứ ám ảnh tôi mãi, đi trên sông nhìn những ống khói nhà máy phun mù mịt lên trời tôi lại nghe giọng cười ấy. Cỏ xua tiếng cười bên tai tôi nhìn gương mặt của người chèo đò in trên dòng sông, gương mặt méo mó bởi sự phản chiếu của dòng nước động vẫn không mất đi vẻ thản nhiên, tôi giật mình bởi tôi thấy gương mặt của ông giống như gương mặt của Vệ Sĩ trong trí tưởng tượng của tôi, khi tôi đọc " Câu chuyện dòng

sông” năm tôi mười tám tuổi, tức cách đây đã hai mươi năm. Người chèo đò ấy đã khuyên Tất Đạt, nhân vật chính của câu chuyện hãy lắng nghe tiếng nói của dòng sông, Tất Đạt đã lắng nghe và chàng đã “ngộ” được lẽ đời! Không biết bây giờ nơi nào đó suốt chiều dài của con sông Đồng Nai vĩ đại và con sông Thị Vải hiền lành, có ai lắng nghe tiếng nói của con nước không? Dù không ai lắng nghe, dù người ta đối xử thế nào đi nữa thì dòng sông vẫn độ lượng bao dung nuôi sống hàng triệu con người trên đường nó đi qua. Nhưng đến bao giờ thì những dòng sông này sẽ chết như lời cảnh báo của tiến sĩ Harold Jack Day thì còn tùy thuộc vào cách con người đối xử với nó.

Biên Hòa 28-10 -2002

N.M

SÓNG NGÀM

Chúng tôi chậm rãi vòng qua Tháp Chàm, đi về phía lầu ông Hoàng dưới chân đồi, biển xa tít tắp. Sóng trở nên bé nhỏ lăn tăn, biển như cái hồ khổng lồ màu trắng đục bởi những gợn sóng bạc đầu kế tiếp xô nhau. Hậu nhật viên sỏi ném xuống để xem nó mất hút vào thăm thẳm. Hậu hỏi tôi.

- Ở đây anh thấy biển giống cái gì ?

Tôi cố đem hết khả năng tưởng tượng ra vẫn không thấy “Biển giống cái

gi?” đành lắc đầu chịu thua.

Tần bảo :

- Nó giống như một nửa bầu trời

Hậu cười giòn và quay qua tôi :

- Ở đây em thấy biển giống cái nồi đậu hủ.

Tần trêu :

- Em có “ tâm hồn ăn uống”

Hậu đấm thùm thụp vai Tần, hồn nhiên cười .

Tần và Hậu sinh ra lớn lên ở Phan Thiết, biển ăn sâu trong máu thịt của họ.

Những ngày ở Sài Gòn Tần nhớ biển da diết, Tần bảo sau này anh sẽ đặt tên con gái là Hải Thuyền. Tần giải thích :“Hải Thuyền là biển động” khác với họ, tôi không yêu biển nói đúng hơn tôi rất sợ biển . Biển hung dữ nuốt chửng những thân thể mềm nhũn, tôi đã chứng kiến thời tuổi thơ hãi hùng trong những ngày tản cư năm bảy mươi lăm .

Tôi muốn kể chuyện ấy cho Hậu nghe, nhưng tôi biết Hậu chẳng bao giờ tin là sự thật. Hậu còn quá trẻ lại được sinh ra và lớn lên khi những biến cố của chiến tranh đã trở thành huyền thoại .

.... Lần đầu thấy biển, năm tôi được mười ba tuổi. Sau ba ngày hoảng loạn, chạy bộ gần năm chục cây số, gia đình chúng tôi đến cảng Đà Nẵng . Có tin đồn là “Chính Phủ cộng hòa” ném bom hủy miền Trung và tăng làn sóng tản cư. Cậu tôi thuê chiếc ca- nô để đưa cả nhà ra con tàu hải quân ngoài khơi. Một tốp lính mặc đồ rằn ri, ôm súng đứng chặn đầu cầu thang cho thân nhân của họ lên tàu, chúng tôi đành leo bằng thang dây, không hiểu sức mạnh nào giúp cho những đứa trẻ còm cõi như chúng tôi đu tòng teng được cái thang dây lủng lẳng để lên tàu. Bên dưới biển đen ngòm hung dữ, ồn ào, chờ đợi nuốt chửng những người trượt tay rơi xuống. Nhưng dù sao thì những giây phút ấy chưa phải là nỗi kinh hoàng lớn nhất so với những chuyện sau này

.....

Anh đang nghĩ gì vậy ?

Hậu véo vào cánh tay tôi . Tôi nói dối .

À ... anh cố đoán xem em đang nghĩ điều gì ?

Hậu cười :

Dóc quá. Anh làm thơ tặng em đi :

Làm thơ ?

Ừ làm thơ như anh vẫn thường làm để đăng báo đó .

Tôi muốn nói với Hậu “những bài thơ nho nhỏ ấy tôi làm tặng cho tuổi thơ của tôi, nào có dám làm thơ tặng ai” Nhưng tôi không nói, tôi vẫn thường cố giấu ý nghĩ của mình, nhất là đối với phụ nữ .

Nhìn ngọn tháp cổ chơ vơ trên đồi lộng gió, tôi chợt nảy ra tứ thơ “Hồn ta hoang tháp cổ. Nghìn đời trong đơn cô. Tình em sóng vỗ, xa vời và hư vô”

Nghĩ xong tôi lại thấy nó quá tẻ và vô duyên nên không đọc. Tôi đề nghị :

- Thôi mình về .

- Ừ về - Tàn hưởng ứng .

Hậu như vể luyến tiếc nhặt hòn đá ném vào lòng biển .

* * *

Buổi trưa Tàn bỏ tôi ở nhà với vài tờ tạp chí rồi biến vào cái ồn ã của phố thị. Năm mãi cũng chán, tôi một mình lang thang ra bãi Hàng Dương. Người đàn bà cho thuê ghé bên bãi biển vồn vã đón tiếp tôi như người thân. Biển vắng người, nắng chói mắt. Tôi gọi ly nước, ngồi ngắm tấm gương khổng lồ đang hắt muôn vàn tia nắng lên bầu trời. Người đàn bà ngồi xuống cạnh tôi, chị huyên thuyên giới thiệu về quê biển của chị .

Một con tàu lạng lẽ ra khơi, tôi nhớ con tàu hải quân ngày đó đưa chúng tôi ra đảo Phú Quốc. Nó lớn hơn rất nhiều so với các con tàu mà tôi được thấy

sau này. Những ngày lênh đênh trên biển với nỗi kinh hoàng “đói ăn khát uống” lại ùa về trong tôi như gió biển, thốc người “ Tôi là con người luôn sống với quá khứ”

Tôi biết điều ấy sẽ không đem lại hạnh phúc cho bất kỳ người phụ nữ nào. Nhưng tôi làm sao quên được những tháng ngày xưa cũ như cạnh nửa bèn ngọt cửa vào tim đau buốt, tê dại .

.... Con tàu đưa chúng tôi rời Đà Nẵng vào những ngày đầu xuân. Hàng ngàn người chen chúc trên sàn, dưới hầm tàu. Gia đình chúng tôi cũng chọn góc nhỏ vừa đủ trải tấm ni lon . Nói là gia đình chứ nó chỉ gần giống thế thôi . Chiến tranh đã cướp đi ông tôi, cha mẹ tôi. Năm con người co ro trên mảnh vải nhựa nhàu nát là sự gom góp của những số phận hẩm hiu. Bà ngoại già và tôi sống nhờ sự cưu mang của người cậu đang nuôi hai đứa con mất mẹ. Mỗi người chia nhau một nắm gạo rang nhám nháp cho đỡ cơn đói. Ăn gạo rang, khô vì khát nước, khát đến cháy người . Mãi đến buổi trưa sau hai ngày rời cảng, lính Mỹ trên ca bin mới bơm nước ngọt xuống các thùng tô nô. Từng ấy con người bu lại như kiến bu hũ mật . Cậu tôi cố múc được nửa lon giugo . Tôi chỉ được nhấp một ngụm . Tôi nghe rõ giọt nước dọc theo cuống họng thấm hút vào cơ thể, như những giọt mưa hiếm hoi trên vùng đất cát quê tôi. Khi mọi người tản ra tôi mon men lại gần, hy vọng tìm được vài ngụm nước. Bàn chân trần của tôi giẫm lên những bãi ỏi nhầy nhựa. Chưa kịp chạm tay vào thùng tôi rú lên, lùi lại . Một phụ nữ chết gập người trên thùng nước, chắc là do bị đè trong lúc tranh giành. Khi những người đàn ông nâng xác chị lên tôi thấy rõ cặp mắt trợn trừng, đôi môi khô nứt nẻ, khòe miệng rỉ máu. Dưới sự hướng dẫn của những người lính hải quân họ nhấc bổng chị ra khỏi thành tàu và ném xuống biển. Tôi nhắm mắt chờ nghe tiếng “ùm” như tôi vẫn thường ném đá xuống mặt ao quê nhà . Nhưng tôi chờ mãi vẫn không nghe gì ngoài tiếng ồn ào và tiếng sóng biển. Không hiểu sao

trong đầu óc ngây thơ ấy tôi nghĩ người ta ném chị lên trời, chứ không phải là xuống biển. Tôi ngược nhìn trời xanh cao vút, lồng lộng không hề có một bóng chim .

Tôi biết người phụ nữ ấy, chị nằm cạnh chỗ gia đình tôi . Tối hôm qua, quá khát tôi bảo thằng em con cậu đãi cho tôi uống, chị đã lặng lẽ lôi trong giỏ xách của mình chai nước còn được nửa ngụm để cho tôi. Những giọt nước hiếm hoi chỉ đủ tráng qua bờ môi khô của tôi. Chị vuốt mái tóc vàng hoe của tôi, ôm tôi vào lòng thì thầm :

- Chị có đưa em bằng tuổi em, không biết nó lạc đi đường nào.

Chị khóc. Tôi chồm lên kê lưỡi liếm những giọt nước mắt, chị cứ ghì chặt tôi vào lòng. Suốt đêm chị ủ cho tôi khỏi run lên vì những cơn gió biển thổi lạnh lẽo. Vậy mà bây giờ chị đã chết. Tôi bung mắt khóc, sau này mỗi ngày lại có vài người bị liệng xuống biển, tôi sợ đến lượt mình

Không hiểu sao cho tới tận bây giờ đã hơn hai mươi năm trôi qua tôi vẫn không quên người phụ nữ ấy, dù tôi chưa hề biết tên chị, có lẽ chị là người đầu tiên âu yếm vuốt ve tôi, kể từ ngày mẹ tôi mất đi. Trời càng lúc càng nắng, tôi nghe cổ họng mình khô khốc. Tôi gọi ba chai nước ngọt, uống cạn trước cặp mắt ngạc nhiên của người bán hàng. Tôi đứng dậy trả tiền, bươn đi trên cát như trốn chạy, nắng quá !.

* * *

Chúng tôi trở ra biển khi mặt trăng đã lên cao. Rất nhiều người đi dạo trên bãi cát, những cặp tình nhân quấn riết lấy nhau trong bóng tối của hàng dương . Tôi nhận xét :

- Ở đây buổi tối đông người hơn ban ngày :

Hậu tiếp :

Nhất là những đêm trăng vì biển đẹp hơn .

Tần đến bên tôi. Chúng tôi đốt thuốc ngấm Hậu xoa tóc, giẫm chân trần trên cát ướt đùa với sóng. Tôi ước muốn đến bên Hậu nắm tay cô chạy dọc theo bờ biển như những cặp tình nhân . Nhưng tôi biết mình không thể gần Hậu được, nếu không có Tần tôi là con người của hôm qua, Hậu của ngày hôm nay. Còn Tần chính là cái khoảng khắc giữa ngày hôm qua và hôm nay. Tần dễ dàng chấp nhận tôi và cũng dễ dàng thân cận với những người như Hậu . Hậu quay lại với chúng tôi, cả ba ngồi trên cát. Tần đề nghị .

- Hậu hát cho bọn anh nghe đi.

- Chờ em một tí .

Hậu vẫn thường dùng cụm từ này như một thói quen, dù đôi khi chẳng có chuyện gì để chờ. Lùa những ngón tay thon thả lên đều hất mái tóc về phía biển, Hậu nghiêng đầu nhìn tôi và khe khẽ hát “Ngày xưa có chú bé ...”

Giọng hát ngọt ngào, trong trẻo, Hậu hát nhỏ thôi, mà tiếng hát lại vút lên trên cái nền nhạc trầm của đại dương đang rào rạt vọng về. Nhìn tôi môi ướt át của em, tôi nhớ Trang. Sao Hậu giống Trang vậy nhỉ ?

..... Tôi quen Trang trong những ngày tản cư ở ngoài đảo. May mắn sao cả gia đình tôi sống sót sau bảy ngày kinh hoàng trên biển, phái đoàn Hồng thập tự quốc tế đón chúng tôi lên đảo, phát cho mỗi người một ly sữa lạt (ly sữa ngon nhất trong cuộc đời tôi) . Sau đó họ dồn chúng tôi trong vòng rào kẽm gai với nắm cơm vắt. Quá thèm thường tôi bò ra hàng rào để xếp hàng lãnh cơm và sữa lần thứ hai. Đang cố lách ra đám dây kẽm, tôi nghe có tiếng nói phát ra sau lưng :

- Cho em theo với .

Quay lại nhìn cô bé, nhưng đôi mắt mở lớn, long lanh và dịu dàng nhìn tôi, chứ không kèm nhèm như mắt tôi.

Tôi gật đầu :

- Đi thì đi.

- Em tên Trang - cô bé tự giới thiệu .

Chúng tôi lọt ra ngoài, đi vòng đến chỗ xếp hàng. Những người phát thức ăn nhận ra chúng tôi, họ dẫn chúng tôi đến cô gái đeo băng xanh, chị xoa đầu chúng tôi rồi nói :

- Các em ngồi đây nghỉ cho khỏe, lát chị cho ăn nữa chứ các em đói mấy ngày nay ăn no quá rất nguy hiểm.

Tôi và Trang nhìn nhau đôi mắt cô bé thoáng vẻ luyến tiếc .

Chúng tôi quen nhau từ lúc ấy . Ban ngày chúng tôi rong nhau ra bờ biển với bao cát trên vai, nhặt cá vụn. Vào những đêm trăng hai đứa nắm tay giỡn sóng . Nhưng chúng tôi không dám tắm biển, ám ảnh những ngày gian khổ qua, vẫn còn làm tôi sợ biển, dù khung cảnh ở đây rất hiền hòa. Biển tỏ ra dịu dàng như nó chưa hề làm hại ai cả. Chơi đùa thỏa thích cả hai nằm dài trên cát cùng nhau vỗ tay hát những bài hát ngây ngô, thơ dại. Chúng tôi sống hồn nhiên hạnh phúc trên hòn đảo xinh đẹp, mặc chuyện lo toan của người lớn về tình hình chiến sự .

Quảng thời gian ấy chỉ dài chừng hai tháng nhưng nó lại sống động và lung linh mãi trong cuộc đời tôi .

Đầu tháng tư nghe tin Đà Nẵng “ Thất thủ” nhiều người nhón nháo chạy ra biển tìm cách qua Mỹ. Cậu tôi gói gém đồ đạc để chuẩn bị ra chiến hạm đang đón sẵn ngoài khơi. Tôi cũng muốn đi, vì gia đình Trang đã sẵn sàng lên đường. Nhưng bà ngoại tôi nhất quyết không đi, bà lôi bó khế ước ruộng đất, trong cái ruột tượng mà bà vẫn ôm khư khư trong lòng ra, quảng trước mặt cậu tôi và quát .

- Đi rồi mồ mả ông bà ai lo, có chết cũng đợi ngày hết chiến tranh về quê mà chết ở “ quê cha đất tổ” không đi đâu hết .

Trang đi, chúng tôi bịn rịn chia tay nhau, Trang cố đưa bàn tay nhỏ nhoi vẫy vẫy tôi. Tôi chạy theo cho đến khi Trang mất hút trong dòng người, tôi bật

khóc tức tưởi, khóc từ chiều cho đến lúc lên giường. Bà ngoại tôi nổi khùng lôi dậy quát cho mấy roi và mắng một câu mà tôi còn nhớ mãi “ Mày tiếc thì đi theo nó đi, mày khóc như cha chết vậy”

Hậu hát xong từ lâu, tôi vẫn chưa dứt khỏi dòng hồi ức miên nam. Hậu lại véo vào tay tôi hỏi lớn .

- Anh ngủ hả ?

- À đâu có anh đang nghe em hát .

- Dóc

Tôi không đính chính, im lặng nhìn Hậu . Tôi nói :

- Em giống một người bạn gái của tôi thuở thiếu thời .

Hậu cười

- Người yêu hả ?

- Ừ. Gần giống như thế .

- Em chẳng hiểu .

Tôi nghĩ “ Em làm sao em hiểu nổi” . Tôi nhìn Hậu, dưới trăng Hậu đẹp hơn ban ngày. Tôi nghe nhói ngực trái, không hiểu sao thời gian gần đây tôi thường cảm thấy đau như vậy .

Trăng mỗi lúc một sáng hơn, sóng lấp lánh như muôn ngàn đôi mắt của những người đàn bà thoảng qua đời tôi, Tàn nắm tay Hậu dọc theo bờ cát, tôi bỗng thấy mình bị đẩy lùi về phía sau hình ảnh của người chị trên tàu, của Trang, của Hậu trộn lẫn vào nhau chập chờn trên biển. Dường như dưới chân tôi chuyển động, tôi chơi vơi, đưa tay bầu vào khoảng không trước mặt, một khoảng không vô tận

TẮM DA CỌP

Thằng Dần có ý định lên Dùi Chiêng để tìm cha . Mỗi lần hai đứa ra tắm sông rồi thơ thẩn triền sông tìm trái Duối dại là nó rủ rỉ kể cho tôi nghe về người cha oai hùng của nó. Nó bảo rằng :“ Cha tao là thợ săn cọp lừng danh” . Nó chưa một lần được gặp cha, hình ảnh của cha nó được khắc họa qua lời kể của mẹ về huyền thoại tắm da cọp treo trên vách đất trong căn nhà nhỏ . Tuổi thơ của tôi luôn chìm đắm trong niềm phấn khích của trí tưởng tượng bay bổng qua lời kể chuyện đầy hấp dẫn của thằng Dần . Tôi với thằng Dần học lớp bốn trường làng, Dần học không giỏi nhưng được cái khỏe, mới mười tuổi đầu nó đã gặt lúa, chặt bồi, gánh phân như người lớn. Dần sống với mẹ trong căn nhà tranh giữa gò làng. Căn nhà nhỏ bé ấy chỉ có miếng da cọp là đáng giá. Mỗi lần tới nhà nó chơi, tôi cứ rón rén đứng nhìn từ xa không dám lại gần chỗ căng tấm da cọp vằn vện ấy. Ở xóm tôi, người lớn mỗi khi dọa trẻ con thường bảo : “ Bắt nó qua nhà mẹ Nòng để cho cọp ăn thịt” . Có lẽ vì vậy mà bọn trẻ trong xóm đứa nào cũng sợ chết khiếp tấm da cọp của nhà thằng Dần. Đúng là : “ Cọp chết để da, người ta chết để tiếng” . Bà Nòng mẹ Dần, dưới con mắt của tôi là một phụ nữ xinh đẹp dịu dàng . Bà đã bị mất một bàn chân do đạp mìn con cóc trong một lần đi chặt củi trong tháp Chàm Mỹ Sơn, nhưng chuyện ấy đã quá quen thuộc ở quê tôi, ngay

trong xóm nhỏ của tôi cũng đã có bốn năm người cụt chân. Mỗi lần qua nhà chơi, bà thường cho tôi quà, khi quả sim, lúc trái mít nài toàn là thứ trái cây trong rừng. Tôi cứ thắc mắc là tại sao dân làng tôi cứ xa lánh mẹ con thằng Dần ? Trong lớp chỉ mình tôi chơi với thằng Dần, cậu tôi không ngăn cản tôi như cha mẹ của đám bạn cùng lứa. Mỗi khi có ai thắc mắc chuyện mẹ thằng Dần, cậu tôi thường nói một câu rất lạ tai “ Ai trong các người không có tội thì hãy ném đá người đàn bà này đi!” . Mãi sau này lớn lên tôi mới biết câu nói ầu cậu tôi học trong kinh thánh Thiên Chúa giáo. Hồi nhỏ tôi rất phục kiến thức uyên bác của cậu và trí tưởng tượng phong phú của thằng Dần . Vào mùa nông nhàn cậu tôi thường theo đò dọc lên tận Dùi Chiêng để mua dầu rái về bán cho dân Thăng Bình trét ghe đi biển. Thằng Dần mê cậu tôi lắm . Nó thường tâm sự với tôi : “ Hôm nào tao nói cậu Hai cho tao lên nguồn để tìm cha tao” . Cha thằng Dần là “ một người thợ săn cộp nổi tiếng” như lời khẳng định của nó trước khi bắt đầu kể chuyện cho tôi nghe .

Vùng Dùi Chiêng đồi núi chập chùng, rừng già đại ngàn hoang vu. Ban đêm cộp gầm chuyễn núi, nai tác vang rừng, voi đi từng đàn rầm rập. Những đoàn người tìm trầm có khi gặp xác rắn to đến độ một người lớn khom lưng đi được trong đó như đi trong ống cống. Buổi tối những “hội trầm” tụ tập bên những tảng đá lớn, bằng phẳng bên bờ suối, đốt lửa cháy rần rật cả đêm. Họ thay phiên nhau chộp mắt để hôm sau còn đối diện với rừng già. Thời ấy, trầm không thịnh lắm nên chỉ có một số người nghèo hoặc trốn quân dịch lên rừng, mới lập hội tìm trầm sống tạm qua ngày. Chín Tâm là hội trưởng của một hội như vậy . Gần như quanh năm họ sống lẩn quất trong rừng. Trầm tìm được đôi gạo muối để ăn với thịt thú. Cẩn thận là vậy, nhưng con

người quá nhỏ bé với thiên nhiên, năm người bạn trảm của Chín Tâm lần lượt bỏ mạng vì con cọp vằn hung hãn. Trước đây cọp không ăn thịt người, chỉ từ hôm máy bay Mỹ ném bom xuống núi Chúa làm chết cả buôn làng người dân tộc, cọp ăn thịt, bén mùi mới săn người . Dân buôn tan tác, thợ rừng, thợ trầm dần dần bị cọp bắt. Con cọp này to như con bò mộng, nguy hiểm khó lường, thoát ản, thoát hiện. Người ta đồn rằng nó biết cả mưu kế, có lần cọp mò vào tận nhà dân nằm chờ sẵn ở cầu thang cả đêm, đợi sáng người vừa bước xuống, vồ lấy chạy biến vào rừng. Lại có người kể nó biết đội nón lá đứng chờ thợ rừng đi qua nó cặp cổ tha đi” Con cọp đã thành tinh “ không ai dám vào rừng. Người kinh, người Thượng tụ tập bàn cách giết cọp, nhiều lần họ ra tay nhưng chưa thành công. Dường như những hồn ma bị cọp bắt dẫn đường cho nó tránh bẫy, tránh người có vũ khí .

Hai cha con cô Nòng lên miền ngược mua dầu rái, đành trọ lại nhà ông Kiểm Khái, một ông chủ buôn, các loại đặc sản của núi rừng. Họ chờ cả tháng chưa mua được thùng dầu nào cả, vì chẳng có ai dám vào rừng.

Từ ngày hội trảm tan rã, Chín Tâm cũng đành ở tạm trong nhà ông này.

Trông anh ta như gã người rừng lẫm lì, đáng sợ. Nhưng anh có vẽ đẹp hoang dã khiến cô Nòng chú ý .

Mỗi khi mọi người tụ tập trong nhà ông Kiểm Khái bàn chuyện giết cọp, Tâm thường ngồi thu lu trong góc nhà, không hề tham gia . Đôi mắt của anh long lên mỗi khi mọi người nhắc đến con cọp tinh. Bao nhiêu lần họ ra quân cũng không ăn thua. Cứ vài ngày lại có người bị cọp ăn thịt. Anh sống lặng lẽ như vậy cho đến ngày thằng bé xóm trên bị cọp bắt, anh âm thầm ra đi và mang theo cây súng săn hai nòng của ông chủ. Suốt ba ngày, lặn lội theo dấu vết cọp dữ Tâm tìm được đến bờ suối, nơi còn lại cái đầu lâu của thằng bé đã bị quạ rĩa gần hết thịt. Tâm biết con cọp tinh khôn này, hễ thấy người có vũ khí trên tay là nó không bao giờ tấn công. Tâm quyết định chơi trò mạo

hiểm, anh chọn tảng đá bằng phẳng đặt khẩu súng cách hai vòng lẩn, rồi cỡi trần đứng trên tảng đá suốt cả đêm. Lúc gần sáng anh nghe lá cây động rào rào phía sau lưng, một mùi tanh lợm giọng phả trong không khí. Anh quay phắt lại, đối mặt với anh là con cạp lớn, đôi mắt sáng quắc, miệng hoác đồ lòm, đe dọa Nó đập đuôi xuống đất, cùng với tiếng gầm nó lao về phía Tâm bằng cú vồ dũng mãnh . Nhanh như cắt, Tâm ngã người xuống nền đá lẩn vòng về phía cây súng . Vồ hụt vị Chúa tể rừng xanh kịp khựng bên bờ suối và quay ngoắt trở lại . Chính trong lúc ấy nó hứng trọn hai viên đạn vào giữa đỉnh đầu, nhưng nó vẫn lao về phía Tâm bằng bản năng hung dữ của loài cạp, không còn cách nào khác hơn Tâm dựng khẩu súng hứng vào cuống họng của nó. Lúc này cạp đổ vật xuống suối, tắt thở . Tuy nhiên những móng vuốt sắc nhọn của bàn chân trước cũng đã kịp cắm phập vào bả vai của anh kéo theo mảng thịt

Con cạp được xẻ thịt chia cho mọi người . Tâm được quyền giữ tấm da cạp theo luật của các phường săn . Các phường săn tôn vinh anh là thủ lĩnh của họ. Từ đó Tâm bỏ nghề tìm trầm và sống bằng nghề săn cạp, anh nhanh chóng nổi tiếng khắp vùng nhờ lòng can đảm và sự mưu trí. Khi núi rừng yên tĩnh trở lại, cha con cô Nòng đóng đủ số dầu rái và thả bè về xuôi. Chín Tâm tặng cho cô Nòng tấm da cạp đầu tiên mà anh săn được, tấm da ấy có người trả đến mấy lượng vàng, anh không bán . Về đồng bằng ít lâu sau cô Nòng sanh thằng Dân

* * *

Đó là câu chuyện về người cha huyền thoại của thằng Dân mà tôi hình dung lại theo lời kể của thằng Dân . Nó kể đi kể lại cho tôi nghe hàng chục lần , mà mỗi lần nhắc đến người cha, đôi mắt của nó sáng rực, nhìn đăm đăm về phía núi Chúa. Mỗi lần như vậy nó nắm chặt vai tôi và kết luận : “Tao có cha, chứ không phải con hoang như người ta nói, mày có hiểu không? “ . Tôi

gật đầu xác nhận : “ Ừ mày có cha, cha mày rất giỏi!” . Nó còn giải thích: “ Sở dĩ cha tao không về xuôi được vì ông bạn sẵn cộp với lại mẹ tao nói cha không thể xa núi rừng được” . Tôi tiếc rằng cha tôi không có chuyện gì để kể cho nó nghe. Cha mẹ tôi đều chết vì bom đạn chiến tranh, cả làng ai cũng biết, ai cũng thương cảm, mỗi lần gặp tôi họ đều nhìn với cặp mắt ái ngại và chép miệng : “ Thật tội nghiệp, mới từng ấy tuổi mà đã mồ côi cả cha lẫn mẹ“ . Tôi ghét những ánh nhìn ấy, những câu nói thương hại ấy! Tôi thích được như thằng Dần . Tôi quyết định năn nỉ cậu Hai cho chúng tôi theo ông lên nguồn tìm cha thằng Dần

Chuyện đã hai mươi năm rồi mà lại hiện về trong trí tôi rõ mồn một như cuốn phim quay kỹ . Câu chuyện chiếm hết tâm trí tôi kể từ lúc tôi đặt chân trở lại con đường tuổi thơ. Con đường ngày xưa đã dẫn chúng tôi vào thế giới kỳ diệu và hấp dẫn của “dòng sông cổ tích” . Tôi vẫn nhớ tên gọi, chúng tôi đã đặt cho giòng sông Giao Thủy, nơi mà từ đó thằng Dần tưởng tượng ra cảnh nó ngồi trên cái bè nứa ngược con nước đỏ ngầu để về nguồn, tìm cha . Ngày tôi bỏ làng ra đi, thằng Dần tiễn tôi tận bờ sông, nó đặt hai tay đen đúa lên vai tôi, nó chắc như đinh đóng cột:” Tao sẽ đi tìm cha tao, tiếc mày không đi được cùng với tao, mai một mày trở về tao sẽ kể chuyện cha tao cho mày nghe” . Nhìn vào đôi mắt hăm hở của thằng Dần, tôi gật đầu tin tưởng: “ Ừ ! chắc chắn mày sẽ tìm được cha, tao sẽ về !” . Nói xong tôi òa khóc, thằng Dần mím môi mắt đỏ hoe. Chúng tôi ôm nhau cho đến lúc cậu tôi gỡ tôi ra và dắt lên thuyền

Tôi đứng trước căn nhà của bà cụ Nông, căn nhà vẫn nằm chơ vơ giữa gò làng, nhưng nó đã rách nát không hơn một túp lều. Chỉ có tấm da cộp vẫn nằm nguyên vẹn trên vách đất với vẻ hung dữ hoang dã. Vừa đặt chân đến quê nhà, tôi đã nghe bà con kể, từ dạo gia đình tôi dọn đi, chiến tranh diễn ra

ác liệt, xóm làng tan tác, nhưng thằng Dần không bỏ ý định tìm cha. Một hôm nó được người chủ đò cho đi theo chuyến đò dọc lên nguồn, nó viết thư để lại cho mẹ nó và dặn bà giữ gìn kỹ lưỡng tấm da cạp, để khi nào tìm được cha nó sẽ về. Từ ấy đến nay đã hơn hai mươi năm trôi qua, thằng Dần biệt vô âm tín. Chỉ tội bà Nồng ngày đêm thui thui. Tội nghiệp ! Bao nhiêu đò đạc bán ăn hết nhưng bà nhất quyết giữ khư khư tấm da cạp .

Tôi tần ngần mãi trước túp lều của bà Nồng, đậu mòng toi đan rối mắt bên thềm, lẫn trong đám lá xanh những chùm hạt tím thẫm, ứa máu. Nắng vàng vọt, đặc quánh trùm lên không gian vắng lặng của buổi chiều thôn dã. Bà cụ Nồng đưa tay lên trên miếng da cạp, cất giọng khàn đục, nã nề hát : “ Ở à ơ ai về nhắn với a ... nậu nguồn. Mít non mà gởi xuống ơ à mà cá chuồn mà cá chuồn gởi lên ơ ở ơ “ Người ta thường nghe bà hát câu ấy vào mỗi buổi chiều. Xa xa, trên dòng Giao Thủy một con đò dọc lững lờ trôi xuôi, không hiểu sao tôi chợt nghĩ con đò ấy đang chở thằng Dần trở về với mẹ của nó.

TIẾNG CHIM SẼ TRONG THÁNH ĐƯỜNG

1- Những cơn mưa miền Đông, làm cho ban ngày trở nên ngán lại. Đất đỏ như hút mất chút ánh sáng mờ ảo, không gian nặng nề đến nghẹt thở. Đoàn người bịt khăn tăng trắng ủ rũ kéo đến nhà thờ, càng tăng thêm vẻ u ám của

một buổi chiều buồn ...

Bọn chim sẻ ở đâu kéo về, đông nghịt trên nóc nhà thờ, chúng đậu từ trên tháp chuông cho đến pho tượng Chúa Giêsu chịu nạn gục đầu nhắm nhục.

Tiếng chim sẻ riu ra riu rít như muốn át cả giọng trầm buồn của vị Linh Mục đang cầu nguyện cho linh hồn cụ bà Anê sớm được bình an bên nước Chúa.

Quý hàng ghé trên cùng, cụ ông gục đầu buồn bã, ông vừa từ già người phụ nữ gắn bó cùng ông trên sáu mươi năm qua . “Tại sao bà lặng lẽ ra đi, mà không nói với tôi lời nào?” Ông đã khóc bên linh cữu của bà như vậy .

Người già khóc rất ít nước mắt, nhưng dễ làm mũi lòng người khác . Nhớ hôm bà còn sống, mỗi lần bà kể lại chuyện gì ông thường nạt “Sao bà nói nhiều quá” Bây giờ ông mới cảm thấy cần những lời nói của bà biết bao .

Pho tượng Chúa Giêsu vẫn cúi đầu nhắm nhục, lời rao giảng của vị Linh Mục chìm trong tiếng mưa rơi, tự dung tôi liên tưởng lời rao giảng của thánh Phê-rô trong nghĩa địa ngoại thành Rô-Ma từ hai ngàn năm trước. Khi cơn mưa ngớt hạt, tiếng chim sẻ lại riu ran như bản hòa tấu thiếu nhạc trưởng. Bản hòa tấu rộng ràng và hồn nhiên đã từng tràn ngập trong tuổi thơ của tôi, ở một miền quê cát trắng ...

2- Quê tôi có ngôi nhà thờ nhỏ nằm cạnh nghĩa địa Phú Lộc, sau này lớn lên đi nhiều nơi, tôi mới biết nó không lớn lắm, chứ lúc ấy, đối với tôi đó là ngôi nhà kỳ vĩ nhất mà tôi được chứng kiến . Ở đó chim sẻ nhiều vô kể, chúng sinh sôi nảy nở, làm tổ dày đặc trên nóc nhà thờ. Mỗi trưa trốn ngủ tôi rủ Hương băng qua bãi cát nóng bỏng để trèo lên nhà thờ bắt tổ chim. Vị linh mục già nua, luôn ngược nhìn chúng tôi với đôi mắt buồn bã . Có lần tôi đánh rơi một con chim non từ nóc tháp chuông xuống đất . Con chim bị vỡ đầu, ngực còn thoi thóp thở. Hương nâng con chim nhỏ trên bàn tay bé bỏng, khóc nức. Vị Linh Mục cúi xuống vuốt đầu Hương tỏ vẻ thông cảm. Hết bắt chim, chúng tôi thơ thẩn xung quanh nhà thờ. Có khi tôi theo Hương

vào bên trong, quỳ trước mặt tượng Đức Mẹ Maria Tôi len lén nhìn về mặt thành kính của Hương, tôi thấy Hương thật đẹp. Tôi nhận ra nét đẹp của con gái khi còn quá nhỏ . Lúc ấy, tôi mới mười ba tuổi. Một buổi sáng mùa đông mưa phùn xám trời, Hương rủ tôi đi theo một đám ma vào trong nhà thờ, thấy mọi người khóc, Hương cũng khóc theo. Còn tôi tỏ ra ngạc nhiên, chẳng hiểu tại sao người ta lại khóc nhiều đến thế ?

Lúc mọi người thành kính đọc kinh cầu nguyện, tôi ngược nhìn bọn chim sẻ rìa lông trên nóc Thánh Đường. Hương khẽ hích vào hông tôi”Đọc kinh đi” . Tôi cúi đầu lẩm bẩm “Kính mừng Maria đầy ơn phước ...” Tôi chỉ biết mỗi bài kinh này, nhờ đọc cuốn truyện “Ông già và biển cả” trên giá sách của gia đình .

3- “Mẹ ơi. Là Mẹ” Tiếng khóc râm rứt của cô Sáu ngồi trước mặt kéo tôi về thực tại . Tôi vốn là người lơ đãng và mông lung .Chẳng khi nào tôi đủ kiên nhẫn ngồi hết buổi lễ trong nhà thờ mà không nghĩ ngợi xa xăm về một điều gì đó. Hết miên man với quá khứ, tôi lại nhớ những chuyện đầy kịch tính trong đám ma của cụ bà . Có lẽ tôi là cháu họ xa nên tình cảm đối với cái chết của cụ bà không đủ làm tôi mất hết tỉnh táo. Tôi lặng lẽ quan sát kẻ cười, người khóc trong đám ma như một khán giả xem hát bội. Cô Sáu là người khóc lớn nhất, tiếng khóc rền rĩ kèm theo những câu kể lể rất bài bản như một bài hát và cũng hay như khi cô chửi rửa xóm giềng của mình . Mỗi lần nghe cô khóc, những người đàn bà khóc theo, nghe rất ai oán, nhưng tôi lại thấy nó giả giả làm sao? Dượng tôi ngồi bên cô không khóc, mắt ráo hoảnh, đây về hồi hận . Vì ông đã có lỗi với mẹ vợ của mình, khi bà còn sống. Đôi mắt của Dượng, tôi đã từng thấy nó loé lên tia nhìn độc ác và nham hiểm nhiều lần, nên tôi không tin về hồi hận ấy. Các chú khóc ít hơn, lặng lẽ hơn, họ khóc mà nét mặt như cười. Dù sao thì trông họ có vẻ thành khẩn nhất. Đàn ông khóc được như vậy là tốt rồi. Có một người mà lần đầu

tôi thấy anh khóc, đó là anh chàng Tiệm, con trai cô Sáu, cháu ngoại bà cụ, cái anh chàng mập quá sớm, nên trông bè bộn và xôi thịt. Vậy mà lạ thay ! khi khóc và khi quỳ trong nhà thờ thì khuôn mặt trông lại rất nghiêm trang và thành khẩn . Quả thật chẳng có ai hiểu nổi tính “Muôn mặt” của con người.

Tôi cũng có một lần khóc. Nói ra phải tội. Nhưng thật sự tôi khóc vì trường liên tưởng của cuộc sống chứ không phải vì thương xót người chết .

4- Bỗng dung một bầy chim sẻ bạo dạn sà xuống nắp quan tài, Hương hát hàm nhìn tôi trong lúc tôi cố nhớ đoạn chót của bài kinh Kính mừng . Người đàn ông đưa tay xua, bầy chim bay vút lên riu ra, riu rít như chỗ không người . Lễ xong, chiếc quan tài đưa ra khỏi nhà thờ. Tôi nắm tay Hương, chúng tôi theo sau đoàn người đưa đám. Hương ghé tai tôi thì thầm :

-Người chết là một cô gái trẻ .

Tôi hững hờ hỏi .

- Sao vậy nhỉ ?

- Tự tử.

- Sao lại tự tử ? tôi thắc mắc .

Hương ra vẻ khôn ngoan bắm tay tôi :

- Thất tình ?

Ở tuổi mười ba tôi chẳng biết tại sao người ta lại thất tình ? Tại sao người ta lại chết ?

Hương thường kể cho tôi nghe về một thế giới bên kia cực kỳ tốt đẹp, có dòng suối toàn sữa, có những chú bé nhỏ xíu, gọi tên là Thiên Thần, suốt ngày bay lượn trên những cánh đồng đầy hoa trắng, với đôi cánh bằng thủy tinh trong suốt. Hương chỉ cho tôi trò chơi”Thiên đàng, địa ngục hai bên ai khôn thì đại, ai dại thì khôn”

Thuở ấy, tôi rất tin vào thế giới Thiên đường kỳ ảo của Hương tôi mơ ước

ngày nào đó tôi cùng em đặt chân đến những cánh đồng hoa trắng .

Nhưng rồi những ước mơ bay bổng và cái thế giới lạ lẫm ấy càng ngày mờ dần theo năm tháng, trôi tuột đi cùng với tuổi thơ đại khờ. Ngôi nhà thờ, đầy tiếng chim bên nghĩa địa chỉ còn là hoài niệm xa xăm trong tôi.

5- Bệ thờ phía dưới tượng Chúa được xây dựng bằng xi măng có gắn mấy hòn đá to bằng đầu người, ước lệ ngọn núi Sọ Golgatha, nơi Chúa Giêsu tử nạn . Một cặp chim sẻ vô tư hạ cánh xuống “đỉnh núi” đứng rìa lông cho nhau . Đôi mắt buồn thảm của Chúa như nhìn xuống đôi chim như muốn nói “Đây là một trong những sinh vật do cha ta sáng tạo mà chưa hề biết phản bội và giả dối. Vì chúng chẳng tham gia vào việc đóng đinh ta lên Thập giá, nên chúng chẳng cần phải quì gối mà cầu nguyện ta” . Đôi chim thản nhiên chạm hai cái mỏ xinh xắn vào nhau với vẻ âu yếm . Tôi chợt nhớ, lúc cụ bà trút hơi thở cuối cùng, cụ ông đã đặt nụ hôn run rẩy trên trán cụ bà.

Hình ảnh ấy, tôi thấy quen thuộc, cứ như mình đã gặp đâu đó trong cuộc đời, mà tôi không nhớ ra .

Bây giờ , trong bối cảnh nhà thờ đầy tiếng chim sẻ và những giọng hỏi ức về cô bạn nhỏ chợt hiện về, tôi mới giật mình. Đúng rồi. Ngày xưa, tôi đã từng có lần hôn như vậy Hương nằm như đang ngủ. Một viên đạn vô tình xuyên qua lồng ngực tuổi dậy thì của em . Chiến tranh! Tôi nghe mẹ Hương kể rằng “Trước lúc hấp hối con Hương muốn được quàng trong Thánh đường nhỏ bên nghĩa địa”

Tôi ngồi bên xác Hương, suốt đêm hôm ấy, khi mọi người đã thiếp đi vì mệt, tôi đã nhẹ nhàng đặt môi hôn trên gò má mịn màng của Hương. Tôi như thấy khuôn mặt thánh thiện của em sáng lên, đôi môi cười hé. Lúc ấy, tôi nghĩ Hương đang bay lên Thiên đàng với đôi cánh thủy tinh trong suốt .

Hơn hai mươi năm qua rồi, mọi thứ đều thay đổi, chỉ còn tiếng chim sẻ vẫn như ngày nào, Hương ơi !

Trung Quân

Nắng hừng hực đổ lửa trên cánh rừng, nắng tràn qua các tàn lá cây rọi lỗ đổ lên cánh võng mắc giữa hai cây sao lớn. Thái mỉm cười khi nhớ lời K Rin nói với anh: "Những đốm nắng ấy là mắt của lá rừng!". Thái dõi theo những mắt lá đung đưa trên cơ thể của cặp vợ đang âu yếm nhau trên ngọn cây. Hình ảnh ấy tạo ra không gian bình yên như chưa có chuyện máy bay Mỹ gầm rú quanh bầu trời chiến khu Đ, một giờ trước đó. Hai con vợ càng lúc càng táo tợn, Thái nghe người nóng hừng hực, anh xấu hổ bởi đòi hỏi khó chịu của thể xác. Dù cố xua đuổi, nhưng hình ảnh bộ ngực trần của cô gái người Chơ ro trên dòng suối, tình cờ anh bắt gặp trong một buổi chiều đẹp trời, cứ mãi ám ảnh anh. Thái sững người trước cơ thể trinh nữ săn chắc của cô gái. K Rin té nước lên bộ ngực trần hồn nhiên hát bài "tapót" quen thuộc của dân tộc cô, bài hát ca ngợi núi rừng và tổ tiên của người Chơ Ro. Bất chợt nhìn thấy anh bộ đội xuất hiện, K Rin đưa tay ôm mặt. Thái ngạc nhiên trước hành động kỳ lạ của cô gái, theo thói thường cô phải che các bộ phận khác của cơ thể, đằng này cô lại che mặt? Anh quay lưng vội vã bỏ đi, chỉ một thoáng thôi, bộ ngực trần đầy sức sống cứ bám theo anh mãi... Thái không phải người miền đông, anh sinh ra trên một vùng đất nghèo miền trung. Tuổi thơ của anh chứng kiến nhiều cảnh hãi hùng. Năm Thái mười

lăm tuổi, quân đội Ngô Đình Diệm xâu tay hàng trăm người mà họ gọi là "cộng sản" ném xuống đập Vĩnh Trinh, trong đoàn người ấy có cha của anh. Anh luôn mơ thấy cảnh hàng chục con người chìm trong nước, vùng vẫy tuyệt vọng. Từ khi bắt gặp K Rin những giấc mơ trở nên dịu dàng hơn, hình ảnh chết chóc thay bằng đôi bầu vú màu nâu sậm... Giấc mơ làm anh thấy dễ chịu hơn, sau những giờ vật lộn mệt mỏi với những quả bom nổ chậm. Anh không thể chia sẻ cùng bạn bè, đó là giấc mơ làm nhục ý chí chiến đấu!

Ngày cha anh mất, ông ngoại ôm anh khóc như mưa, ông cõng anh trên lưng và xia cho bọn lính hàng đồng tiền để đưa anh ra thành phố ăn học. Xong tú tài, anh quay về quê trốn quân dịch, ông đã động viên anh nhảy núi theo cách mạng. Bằng kiến thức đã học anh tự chế hàng chục quả mìn từ bom nổ chậm của Mỹ, diệt hàng trăm tên giặc. Những đêm ôm bộc phá chờ đột nhập vào đồn địch, giữa lần ranh của sự sống chết, đôi mắt hiền từ và cương nghị của ông đã giúp anh bình thản nằm ngửa trên bãi cỏ, thả hồn lên các vì sao và mơ ước một ngày đất nước thanh bình để về sống cùng ông.

Cuối năm bảy mươi, anh gặp Đại tá Hai Xê trên đường vào miền nam chiến đấu, không hiểu sao ông biết anh có khả năng chế tạo mìn, ông làm việc với đơn vị du kích địa phương, tuyển anh vào quân chủ lực. Gương mặt rắn rỏi, giọng nam bộ, ông vỗ vai anh bảo:

- Chú có muốn theo anh vào chiến trường miền nam không? Có tài như chú, trong ấy rất cần.

Quá vui sướng và bất ngờ anh lí nhí:

- Dạ sao thủ trưởng biết em?

Ông bật cười ha ha, nụ cười vang khắp núi rừng, như thế hèn gì ông không làm lớn, ông ngoại anh bảo "nam thanh nữ sắc" mà. Người có giọng nói nhỏ nhẹ như anh có đức tính thủy chung, chứ không nên quan, nên tướng được.

Cười xong, tư lệnh vỗ vai anh:

- Cứ đi theo anh rồi sẽ biết!

Thái cùng ông băng rừng hơn một tháng mới vào được chiến khu Đ, anh được điều về xưởng công binh cùng anh em chế tạo mìn. Trên đường hành quân hai thầy trò thương nhau như cha con. Hoá ra ông là người quen cũ của ông ngoại anh.

- Ngày trước ông của chú vào Ban Mê Thuật làm đường ray cho Pháp, có lần cứu anh thoát chết. Nhà anh dưới chân núi, nơi có đường tàu chạy qua, ngày đầu tiên khi chuyển tàu chạy thử, anh ra đứng dang tay chặn đoàn tàu chơi, con nít thời bấy giờ khờ lắm! May ông ngoại của chú lao ra nhắc anh khỏi đường tàu.

Ngày đầu vào chiến khu Đ, ông ra lệnh cho quân lính dùng loại lá dây leo dài như lá dong quê anh, để lợp nhà. Loại lá này rất lạ, nó không hề bắt lửa như tranh hay dừa nước, hễ pháo trúng chỗ nào chỉ cháy chỗ ấy không lan ra. Chúng mọc đầy trong rừng chiến khu Đ, dân địa phương gọi là lá Trung Quân. Anh khâm phục kiến thức của ông, sống bên ông anh mới thấy cái "tú tài một" của mình chẳng là gì so với ông. Sĩ quan "cộng sản" mà ông rành kinh thánh lẫn kinh dịch và cả thuật phong thủy. Ông chỉ huy quân đào hàng chục km địa đạo và hầm trú ẩn, dù trời mưa hàng tháng vẫn không ngập nước, mùa nào ở trong hang cũng mát rười rượi.

Không phụ lòng ông, anh đã nảy ra sáng kiến dùng thuốc nổ từ mìn nổ chậm của bọn Mỹ để chế loại mìn chống tăng trang bị cho bộ đội địa phương vùng Định Quán, Tân Phú. Nhờ loại mìn này bộ đội địa phương ngăn chặn được những cuộc càn quét bằng xe tăng của bọn Mỹ...

Ở chiến khu Đ thật rừng nhiều vô kể, ngày mới vào anh săn bắn say sưa,

những chú thỏ mập ú lột da nướng tại chỗ chấm muối ớt ăn ngọt tận chân răng. Bây giờ thịt rừng chẳng còn hấp dẫn đám lính trẻ, nổi khao khát đàn bà cháy bỏng cơ thể. Đó là sự đốn hèn mà ai cũng cố giấu. Thời chiến tranh, tội hủ hoá ngang tội phản quốc! Chị Năm đầu bếp có lần cởi áo chạy khắp rừng, tư lệnh bảo chị bị bệnh cà hươc, căn bệnh thiếu đàn ông! Tội nghiệp ở nơi nhan nhản đàn ông mà "thiếu" mới khổ! Mùa khô năm trước giặc bao vây chiến khu hơn một tháng, nhân dân không tiếp tế được, cả đơn vị thiếu muối vàng mắt, khổ nhất là anh em thương binh, người họ cứ phù lên, vết thương không chịu lành miệng. Chị Năm đã lặn lội hàng trăm cây số đường rừng về tận Xuyên Mộc vượt qua bao hiểm nguy công muối về cho anh em. Giặc rút đi, chị mò về làng, đêm trở lại rừng, chị say khướt nằm sóng soài bên bờ suối. Thấy chị hơi hên một anh lính trẻ sàm sỡ với chị. Lúc tỉnh dậy chị nắm cổ áo anh ta vặn hỏi, anh này sợ chị nên chôi đây đây. Biết chuyện, Tư Lệnh kỷ luật nặng anh lính trẻ, chị chạy đến vừa khóc vừa xin, lời can xin rất thật tình của chị khiến mọi người cười mà ràn rụa nước mắt: "Báo cáo thủ trưởng xin thủ trưởng tha cho chú ấy, em giận là vì chú ấy thiếu can đảm dám làm mà không dám chịu. Chứ đối với em chuyện ấy nhằm nhò gì!". Anh lính trẻ lạy chị như tế sao.

Thái nhớ K Rin còn cào, sau lần gặp gỡ tình cờ ấy, Thái có dịp gặp lại K Rin trong lần anh đi nhờ mì cho đơn vị. Rẫy mì bên bờ suối, rộng bạt ngàn. Khi vừa đến anh bắt gặp K Rin đang nhờ mì, cô nhìn anh cười tự nhiên như chưa hề có lần gặp gỡ oái ăm ấy. Nhờ đây gùi, K Rin bê cây tro lại vùng đất trống. Ở đây, có qui định ai nhờ mì cũng được, nhưng phải tro lại để người đến sau có cái ăn, vì vậy mà rẫy mì ngày càng rộng. Cô giúp Thái nhờ mì và tro lại. K Rin nói tiếng kinh rất sôi. Anh và cô nhanh chóng thân nhau. Từ đó, rẫy mì là nơi hò hẹn của hai người. Hơn một tuần nay, đơn vị giao cho anh nghiên cứu hạn chế tác hại của loại mìn mới mà bọn Mỹ rải xuống rừng

chiến khu Đ, nên anh không có dịp gặp K Rin. Loại mìn nhỏ, khi được rải xuống đất nó xoè ra như cánh bướm, bung ra hết cỡ, khi bộ đội và nhân dân vướng phải, kích nổ ngay. Loại mìn này gây thương vong rất lớn, anh vò đầu bứt tai gần mười ngày mà chưa nghĩ ra cách phá giải.

Gần cả năm trời yêu nhau, chưa lần nào anh được nhìn lại bầu ngực trinh nữ của K Rin. Anh cũng không đủ can đảm chạm vào người cô. Anh mong cho trời mau tối để đến với cô. K Rin sống với cha giữa rừng bên cạnh rẫy mì của bộ đội, K Rin bảo anh: "Cha em là người đặt ra qui định ai nhỏ mì xong phải tro lại, không kẻ dân hay bộ đội". Chưa bao giờ anh dám tiếp cận ông già thượng ấy. Trên tay ông lúc nào cũng có cây chà gạc sắc lạnh người. Chưa thấy ông mở miệng ra với ai, ngoài con gái mình. Trời sụp tối chị Năm lại gặp anh nói nhỏ:

- Cậu biến đi một bữa cho đầu óc sáng suốt rồi sẽ có cách trị loại mìn này, suốt ngày ngồi trong xưởng ích gì, có chuyện gì chị lo cho!

- Cám ơn chị.- Thái lí nhí rồi vọt chạy. Chị Năm nhìn theo chép miệng: - Tội nghiệp ! Nếu không có chiến tranh thì đâu đến nỗi!

Trắng sáng như ban ngày, đám lá mì lấp lánh như muôn ngàn con mắt lúng liếng dưới trăng. Nghe tiếng động bày chim chiền chiện đang ngũ vụt bay lên rợp cả cánh rừng. K Rin chờ anh bên bờ suối; ngã đầu vào vai anh, cô nũng nịu:

- Em chờ anh cả tuần nay!

Anh yên lặng ôm cô vào lòng, mùi thơm núi rừng toát ra từ cơ thể trinh nữ của cô, làm anh ngây ngất. Khác với sự ngộ nhận của nhiều người. K Rin không có vẻ gì là người dân tộc thiểu số. Nếu không có đôi mắt đẹp một cách man dại và bộ trang phục dân tộc trên người hẳn anh đã nghĩ cô là người kinh. Anh thổ lộ ý nghĩ của mình, cô cười và bảo:

- Anh đừng nghĩ người dân tộc chúng em ai cũng ngây ngô. Lúc ở làng em

đã được đi học như người kinh. Từ ngày mẹ em bị giặc hãm hại, ba em đoạn tuyệt với thế giới bên ngoài đưa em vào rừng, buồn muốn chết, may mà gặp anh.

- Hết chiến tranh anh sẽ cưới em.

- Anh nói thật không?

- Anh thề!

K Rin đưa tay lên bịt miệng Thái:

-Đừng anh, núi rừng linh thiêng lắm! Mắt lá đang nhìn...

Bực ...hú..h...ú...a..Một loạt pháo bắn vào rừng, đám rầy mì bị cày tung, Thái ôm K Rin lăn tròn xuống chiến hào bên bờ suối, hai cơ thể trẻ trung gắn chặt vào nhau. Đạn pháo vẫn ì ầm nổ. Bóng trắng vẫn đục bởi bụi và khói, miếng bay rào rào. Dưới lòng đất họ tan vào nhau.... Khi trận pháo kích ngưng, trả sự bình yên cho núi rừng, mặt mũi lấm lem bùn đất, họ ngồi ôm nhau cười.....Mãi sau này mỗi khi nhớ lại Thái vẫn không thể tin được là họ đã thuộc về nhau trong cái khung cảnh lạ lùng ấy...Thái tháo sợi dây xà tích đeo vào cổ tay tròn lẳn của K Rin...

Ba tháng sau, ông Điều Mân đến tìm tư lệnh ,cắm phập lưỡi dao rừng trước mặt vị chỉ huy:

- Lính của mày đã làm cho con K Rin có mang, mày phải cho nó nghỉ làm bộ đội về sống với con K Rin.

Nói xong ông rút lưỡi dao và bỏ đi, lời của ông như một mệnh lệnh không thể thay đổi được. Dù rất thương Thái, ông cũng buộc phải kỷ luật cậu. Thái đã kể cho ông nghe chuyện này, chính ông cũng không tin điều ấy đã xảy ra ngay trong lúc ông ngồi trong hang nhìn về phía rầy mì, lo cho tính mạng của người lính mà ông thương như con ruột. Ông gọi Thái về ban chỉ huy và bảo:

- Cậu hãy rời khỏi đơn vị về sống với K Rin, dám làm, dám chịu, không

khóc lóc gì cả. Tôi sẽ không cho ông ngoại cậu biết chuyện này đâu. Thái lầm lũi đi khỏi rừng, chị Năm chạy theo dúi vào tay Thái gói quần áo trẻ con. Ngân ngấn nước mắt chị nói:

- Sau cái đêm say rượu bên bờ suối chị tưởng mình đã có diễm phúc làm mẹ, nào ngờ... cậu lính trẻ ấy nhất quá...! Hãy cố lo cho mẹ con cô ấy.

* * *

Câu chuyện được chị Năm đầu bếp kể lại cho tôi nghe bên lề cuộc họp mặt các doanh nghiệp thành đạt trên địa bàn thành phố. Sau giải phóng chị về làm cửa hàng trưởng cửa hàng ăn uống, bây giờ chị là giám đốc công ty tư nhân chuyên sản xuất bánh ngọt nổi tiếng.

Tất nhiên tôi dễ dàng tưởng tượng ra cảnh vợ cho Thái sống hạnh phúc trong khu rừng xinh đẹp ấy. Theo lời chị Năm thì lúc Thái bị đuổi khỏi đơn vị, đêm hôm ấy, chị bị thương được đưa về hậu phương chữa trị, vài năm sau, đất nước hoàn toàn giải phóng. Trong không khí hào hứng, ít ai nhớ người lính yếu đuối bị trục xuất khỏi quân ngũ vì tội "quan hệ bất chính". Bây giờ người ta dễ thông cảm cho chuyện vụng dại ấy, thậm chí người ta nói về chuyện trai gái như một chuyện vui. Tôi nghĩ con của Thái cũng đã lớn và Thái có thể trở thành ông già Thượng như bao ông già khác, ban ngày đi săn, đêm đêm uống rượu cần và kể khan cho con cháu nghe. Biết đâu ông còn sáng tác ra bài Khan về câu chuyện có một người con của núi rừng được thụ thai dưới làn đạn của quân xâm lăng.

Còn một thắc mắc mà tôi không thể không hỏi chị Năm:

- Nè chị Năm vì sao mà các cô gái dân tộc bị bắt gặp lúc họ tắm, họ lại che mặt mà không che chỗ khác, họ khờ quá chị nhỉ?

Chị Năm cười ha hả, nụ cười sáng khoái của người đàn bà thành đạt:

- Có mình mới khờ chú ạ, chú nghĩ thử xem đàn bà thì "chỗ ấy" ai mà chả

giống nhau, chỉ có cái mặt là khác thôi, nên các cô che mặt để đàn ông không nhận ra, nếu có gặp lại khỏi mắc cỡ.

-À ra thế!

Sau lần gặp gỡ chị Năm, tôi lao vào viết những bài báo ca ngợi chiến công trong quá khứ của các chiến sĩ hết lòng vì tổ quốc, tôi không có ý định viết lại chuyện này vì nó chẳng vẻ vang gì; nếu không có lần tôi về dự lễ kỷ niệm năm mươi năm thành lập chiến khu Đ.

Giữa rừng cờ hoa và nườm nượp người, tôi chú ý đến vị tướng già lẳng lẳng tách khỏi đám đông đi về phía bờ suối. Tôi đi theo ông vì máu nghề nghiệp, may ra có thể gặp riêng ông để làm bài "phỏng vấn tướng lĩnh" cho đặc san của Hội cựu chiến binh. Vị tướng già dừng lại bên bờ suối, rút thẻ hương cắm lên ngôi mộ giữa rừng và làm rằm khấn:

- Thái ơi chú đã về thăm cháu đây!

Tôi giật mình đánh thót khi nghe ông nhắc đến tên Thái. Hoá ra sự tương tượng của tôi sai bét. Tôi lân la trò chuyện cùng ông và ông đã kể lại chuyện của Thái như sau:

Thái sống với K Rin thật hạnh phúc, ngôi nhà nhỏ lợp bằng lá Trung Quân bên bờ suối đã tạo ra cảm giác thanh bình giữa những ngày bom đạn. Tuy vậy người lính trẻ vẫn ray rứt khôn nguôi bởi tội lỗi của mình. Suốt ngày anh mày mò nghiên cứu phương pháp chế tạo bom mìn. Không được phục vụ cho đơn vị, anh chế mìn cài quanh vành đai bảo vệ chiến khu. Gần ngày giải phóng chiến sự càng ác liệt, biết được Sở chỉ huy chiến dịch nằm trong rừng, Mỹ tung thám báo lùng sục. Không hiểu cách nào mà bọn thám báo đặc biệt của quân chư hầu len vào tận mật khu. Thái kịp phát hiện bọn này lúc chúng vướng mìn do Thái cài bên bờ suối. Biết không thể báo kịp cho sở chỉ huy, Thái ôm khẩu súng săn và quả lựu đạn, để chặn đánh. Nghe tiếng mìn nổ và tiếng súng, bộ đội kịp thời xuất hiện tiêu diệt bọn thám báo. Xong

việc, người Thái nát không còn nhận diện được bởi hàng chục họng súng tiểu liên cực nhanh trút lên người anh. K Rin ôm xác chồng khóc không thành tiếng. Bỗng có tiếng máy bay gầm rú hướng về bầu trời chiến khu Đ, kịp thời nhận định tình hình diễn biến xấu, ông ra lệnh rút quân ngay trong đêm. Bất ngờ K Rin hú một tiếng dài như điên dại và vác xác chồng trên vai chạy biến vào khu rừng âm u. Chỉ hơn mười phút sau, bọn Mỹ đem bom cày xới khu Bà Hào, nơi bọn thám báo bị tiêu diệt. Điều ân hận nhất trong cuộc đời binh nghiệp của ông là đã không kịp buộc K Rin cùng đơn vị rời nơi cư trú. Đất nước thống nhất ông quay lại đây tìm họ, sau nhiều ngày đào bới, quân lính của ông tìm được sợi dây xà tích bằng vàng của Thái. Sợi dây này ông rất quen thuộc, có lần ông phê bình Thái chuyện đeo vàng trong hoàn cảnh chiến tranh là không phù hợp. Thái giải thích đây là kỷ vật của ông ngoại tặng cho anh, ngày anh nhảy núi, ông dặn sau này hoà bình mà ông không còn sống thì có cái mà cưới vợ. Khi K Rin trao thân cho anh, anh đã dùng nó làm lễ vật cầu hôn.

Mặt trời khuất dần sau những tàng cây đại thụ, bầy chim bohao tìm chỗ ngủ cãi nhau inh ỏi. Trong khung cảnh không mấy thơ mộng ấy ông nhìn ngôi mộ và nói với tôi:

- Ngôi mộ này là nơi chôn cất kỷ vật tình yêu của hai người trẻ tuổi! Thái đã được công nhận liệt sĩ, nhưng Thái đã không còn hài cốt để mang về nghĩa trang, thôi để chúng nó nằm đây vậy, nằm đây cùng nhiều đồng đội chưa tìm được hài cốt trong khu rừng này.

Hoàng hôn trong rừng buồn quá! Ánh chiều vàng vọt xuyên qua kẽ lá như hàng trăm con mắt rọi lên ngôi mộ.

Câu chuyện đến đây có thể kết thúc được rồi dù đó là một kết thúc buồn nhưng biết làm sao, chiến tranh mang lại cho dân tộc Việt Nam hàng triệu triệu nỗi bất hạnh chứ đâu riêng gì Thái! Nhưng vợ tôi vô tình đọc được bản

thảo cứ mãi băn khoăn về số phận đứa bé con của "Chú Thái và cô K Rin". Với linh cảm của phụ nữ, nàng tin chắc đứa bé còn sống. Nghe lời vợ, tôi lặn lội vấp Lý Lịch ven rừng chiến khu Đ để tìm kiếm đứa con đã được "thụ thai dưới làn đạn của quân xâm lăng". May mắn, tôi gặp già làng Điều Mân, ông già sống hơn thế kỷ mà vẫn còn rắn chắc sừng sững như cây gỗ lim. Nghe tôi hỏi chuyện, ông già chậm rãi nâng tẩu rít một hơi thuốc dài, nhả khói mờ mịt, trong làn khói ông đưa mắt nhìn tấm hình chàng trai trẻ oai vệ trong bộ trang phục kiểm lâm, anh bo súng đứng trên tảng đá lớn, hiên ngang nhìn về phía thượng nguồn dòng sông Đo Nai, rồi ông từ tốn nói:

- Nó đấy, thằng Trần Trung Quân đấy, đêm ấy ông Tướng giằng thằng bé khỏi tay tôi và buộc tôi đi theo đoàn quân của ông. Tôi cho nó mang họ cha nó để nối dõi tông đường theo tục lệ người kinh, nó lớn lên từ núi rừng nên mạnh mẽ lắm, không yếu đuối như cha nó. Bây giờ nó là sỹ quan kiểm lâm bảo vệ rừng quốc gia Cát Tiên đấy. Lâu lâu nó lại băng rừng về thăm tôi. Nó không cho tôi bẫy thú nữa, chỉ ở nhà thôi. Ở nhà kể khan cho con cháu trong làng nghe.

Đêm ấy, tôi ở lại cùng ông, ông đưa tôi ra rừng đốt lửa mời tôi uống rượu cần. Ông già nhìn đăm đăm vào đống lửa. Rừng âm u, lâu lâu rộ lên vài tiếng chim lạ, xen lẫn trong bản hoà tấu của bầy côn trùng và tiếng reo rào rạt của lá cây nghe rợn cả người. Trên cái nền nhạc rừng rú ấy, lời khan bay lên, dường như nó phát ra từ lồng ngực vạm vỡ, chứ không phải từ cái miệng được che kín bằng bộ râu trắng như cước của ông già:

Yang K Bông đi tìm phía bên kia mặt đất, nơi ấy bị tối tăm mặt trời bị che lấp.

Yang K Bông đem về đây một trái ba một chiếc gùi nhỏ, cho trẻ em đi hái nấm, một chiếc gùi dài cho đàn bà đi lấy nước...

...Hỡi các con yêu quý của ta hãy cà hàm răng để đừng giống răng con cạp

trong rừng, răng con cá sấu dưới suối. Các con chỉ nên ăn cơm gạo của Yang Kô-ê, ăn cá suối của Yang K Yết , đừng bao giờ ăn thịt con người... (*)

Tôi đưa tay kéo cần rượu, nhắm mắt rít một hơi dài, chưa bao giờ tôi phần khích đến vậy, tôi uống say khướt, rồi leo lên cái võng dù treo giữa rừng ngũ một giấc dài...

Về đến nhà, nhìn nét mặt rạng rỡ của vợ lúc tôi báo tin cho nàng biết về người con trai của họ, nên tôi không thể không viết thêm đoạn kết rất "có hậu" này. Kính mong bạn đọc lượng thứ cho tôi cái tội dông dài.

Chiến khu Đ 1997- Biên Hoà 2001

N.M

() Lời khan do cố nhà văn Nguyễn Đức Thọ sưu tầm*

TRƯỚC MẶT LÀ DÒNG SÔNG

Dãy phòng trọ hướng mặt về dòng sông, trước đây là ao rau muống, khi khu công nghiệp hình thành chủ nhà lấp đất xây phòng cho thuê. Những căn phòng được công nhân ưa thích, ở đây mỗi chiều từ trước hiên nhà họ có thể ngắm dòng sông để tìm lại chút khung cảnh của quê nhà. Chủ nhà trọ là một

thiếu phụ xinh đẹp và hoà nhã, có người thất nghiệp ở li ba tháng liền, chi cũng không hỏi tiền nhà. Bốn căn phòng đã có người đặt từ lúc mới khởi công. Khi người thuê đến ở, hàng ngày vẫn có người hỏi. Ao rau muống được lấp kín, còn một khoảng đất rộng có thể xây thêm bốn phòng nữa, Phong nghe vợ chồng chủ nhà trọ nói với những công nhân thuê nhà từ ngày anh mới dọn đến. Bẵng đi một thời gian không thấy mặt người chồng, qua sự xì xào của công nhân anh biết ông chủ nhà trọ đã bỏ nhà đi. Một tháng, hai tháng rồi một năm trôi qua không thấy người chồng trở về, miếng đất định xây thêm nhà trọ cỏ dại mọc đầy, chúng tràn vào tận hiên nhà, xen lẫn trong đám cỏ vài ba bụi rau muống bò lan, già cỗi nở những bông hoa như loa kèn màu tím. Sau giờ làm việc ở công ty về, Phong tìm được cây cuốc nhỏ, mòn vẹt lưỡi, rỉ sét, được dựng bên hông nhà chủ, có lẽ nó đã nằm đây từ nhiều năm trước, cỏ dại phủ lên, cán cuốc bằng cây tầm vông rắn chắc mọc rêu từ những kẽ nứt. Phong cẩn thận mài lưỡi cuốc, chêm lại cán, hai năm rồi anh chưa cầm cuốc nhưng anh không quên công việc đơn giản của một nông dân mà anh đã quen thuộc từ lúc chiều cao của anh còn ngắn hơn cán cuốc này đến vài gang tay. Ngày ấy, sau buổi học cha anh đặt vào tay anh một cây cuốc nhỏ, ông bảo: Hãy cố lên con, quê mình nghèo cần phải rèn luyện để trở thành một người nông dân giỏi mới sống được con ạ. Anh biết mài cuốc, tra cán cuốc từ dạo ấy. Thời đất nước mới giải phóng quê anh gặp muôn vàn khó khăn, vết thương chiến tranh làm lở loét cả đồng ruộng. Mất mùa liên miên, nắng như đổ lửa, lúa ngậm đòng chết khô ngoài ruộng, bướm trắng bay rợp trời. Bà nội nhìn đàn bướm, đôi mắt già nua nhăn nheo của bà hướng về phía cánh đồng, bé Ba em gái của anh ôm tong teo, da nhăn như hạt ươi rừng, khóc nhèu nhèu, bà cất giọng khàn đục ru cháu:" À ơi ! Chiều chiều bướm trắng bay vô. Ba năm trời hạn cây khô lá vàng" Lời ru buồn như buổi chiều ngợp nắng trên cánh đồng khô hạn, vàng vọt. Cả nhà

anh sống nhờ đám khoai lang trên mấy gò đất, bảy tuổi anh đã biết cuốc đất vun vòng trồng khoai. Dây khoai lên đến đâu lũ cỏ gà lan đến đấy, anh bứt từng cụm với lòng hận thù sâu sắc, đôi tay chai sần đỏ tấy. Đã hai năm xa rời ruộng đồng, nhưng anh vẫn còn giữ thói quen ghét cỏ dại, quân súc sinh, đồ ăn bám ! Không một người nông dân nào không ghét chúng. Anh nghiêng răng mài lưỡi cuốc lên cục đá xanh, lưỡi cuốc chuyển dần màu xanh của sắt.

- Anh làm gì vậy ?- Một giọng nói nhỏ nhẹ phía sau lưng, anh ngẩng lên, chị Hạnh chủ nhà trọ nhìn anh mỉm cười. - À chào chị, tôi tính xạc đám cỏ dại trên miếng đất này, chúng làm loạn cả rồi. Chị thở dài: - Làm phiền anh quá, nhà không có đàn ông thật khổ ! Nói xong chị quay lưng đi, bờ vai tròn và thanh mảnh thấm đẫm nắng chiều, trông chị cô độc và mềm mại như một bông hoa muống. Phong cán môi cảm cú xạc, những bụi cỏ lật tung lên dưới bàn tay mạnh mẽ của anh. Anh cố giữ lại những bụi rau muống xen lẫn trong đám cỏ. Những dây muống mọc rải trên bờ sông quê nuôi anh khôn lớn, anh có cảm tình với loại rau dân dã này. Mẹ càng ngày càng già cỗi, gân guốc như dây muống dại. Ngày mai công ty anh phát lương anh sẽ gửi về phụ cha mẹ nuôi em, hàng tháng anh vẫn dành một phần lớn số tiền lương gửi về cho gia đình, số tiền ấy bằng nửa tấn lúa. Chị Hạnh trở lại đám cỏ với ly nước chanh trong tay, chị nhoèn miệng cười với anh, nụ cười đẹp mê hồn, lâu lắm anh mới thấy chị cười, từ ngày chồng chị bỏ đi đến nay lần đầu tiên anh thấy chị cười. Anh cảm ơn, đón ly nước từ tay chị, ly nước mát rượi, thấm tận ruột gan. *** Phong nhận quyết định nghỉ việc với một thái độ trầm tĩnh, anh chào bạn bè lần cuối, trước khi rời công ty. Họ siết chặt tay anh, ánh mắt lăm lét hướng về gã quản đốc, đang quàng vai đưa Phong ra cổng. Lần đầu tiên trong công ty này có một người nghỉ việc được chính gã quản đốc đưa đi một cách thân thiện như vậy. Gã siết chặt tay và nhìn anh với ánh mắt kính nể. Mãi sau này anh mới hiểu tại sao gã lại có thái độ lạ

lòng như vậy đối với anh. Phong đưa tay sờ mặt, vết bầm đã đỡ hơn nhưng vẫn còn nhưng nhức, kể ra quả đấm của gã cũng có đẳng cấp lắm. Khi anh mang vết bầm trên gò má về nhà trọ, chị Hạnh vội rít dùng nước muối xoa mặt cho anh, bàn tay của chị mềm mại và nhẹ nhàng, lần đầu tiên trong đời anh được chăm sóc bởi bàn tay của một phụ nữ không phải mẹ anh. Phong nhắm mắt cố kìm chế hơi thở dồn dập của mình. Hôm qua, tại sân nhà xưởng công ty đã xảy ra cuộc quyết đấu tay đôi giữa Phong và gã quản đốc. Anh hành động, ngay cả chính anh cũng thấy bất ngờ. Một công nhân làm hỏng sản phẩm gã quản đốc gầm lên cầm chiếc giày ném vào mặt anh ta. Cú ném bất ngờ và chính xác khiến máu mũi anh công nhân tuôn ướt cả áo. Không kiềm chế được, anh công nhân lao vào và hậu quả là anh ta lãnh trọn những cú đấm liên hoàn của gã. Không thể khoanh tay nhìn, Phong lao vào quật gã văng ra và bảo : "Ông là một thằng hèn, nếu ông là một người có tinh thần thượng võ thì ông không được tấn công vào người không có khả năng tự vệ, nếu ông muốn đánh nhau ông hãy đánh với tôi, một cuộc giao đấu sòng phẳng tôi thách đấu với ông !" Sau tiếng " được " lơ lớ, gã phóng cú đá thần tốc về phía anh, Phong lòn người vừa tránh đòn vừa " nhập nội ", tung một chỏ ngược ngay cằm....Cuộc quyết đấu kéo dài chưa tới ba phút, gã đập tay xuống đất xin hàng. Những thế võ gia truyền dòng dõi võ tướng nhà Trần cộng với sự gân guốc của đôi tay " cuộc lật cây ải " trên cánh đồng khô cằn sỏi đá miền trung, Phong đã vô hiệu hoá môn võ truyền thống của xứ sở mà gã quản đốc luôn tự hào: " tinh hoa võ học trên thế giới ". Công nhân hét lên: " Đánh chết mẹ nó đi !" Phong khoát tay ra hiệu cho họ lui ra. Hôm sau, gã gọi anh lên văn phòng chia tay xin được kết bạn cùng anh, gã bảo vì uy tín của gã với cả ngàn công nhân gã mong anh nghỉ việc, gã sẽ giúp cho anh một khoản tiền. Tỏ ra " mã thượng " Phong chấp nhận đề nghị nghỉ việc, nhưng dứt khoát không nhận tiền của gã cho, anh chỉ nhận khoản tiền trợ

cấp theo luật lao động. Phong thả bộ dọc theo con đường chính của khu công nghiệp. Hoa điệp vàng nở rộ. Cô công nhân vệ sinh đang quét lá khô, những chiếc lá nhỏ li ti cứ rắc xuống con đường bóng lộn này như trêu chọc, thách thức sự cần mẫn của cô. Cô dừng chổi gỡ khẩu trang, mỉm cười chào anh. Hành động của anh đã trở thành một " sự kiện " trong khu công nghiệp, anh trở nên nổi tiếng, dù sự nổi tiếng chẳng vinh quang gì . Hàng ngày anh vẫn gặp cô trong bộ quần áo công nhân rộng thùng thình với cái khẩu trang che kín gương mặt, không ngờ cô còn trẻ và rất xinh đẹp. Vài triệu bạc tiền trợ cấp thôi việc trong túi, anh sẽ phải đối đầu với khó khăn phía trước nhưng Phong cảm thấy thanh thản, anh không ân hận việc đã làm. Trước khi anh lên đường vào nam lập nghiệp, ông nội anh làm thịt con gà trống mà ông yêu quý nhất bắt anh đội đến nhà thờ tộc, ông nhắc cho anh nhớ, tộc Trần có năm quan võ, bảy quan văn, một anh hùng, mười bốn liệt sĩ . Trong làn khói hương nghi ngút ông nói : " Cần biết sống cho ra sống, đừng để người ta khinh !" Chạy vạy nhiều ngày anh mới kiếm được một chỗ làm trong cái khu công nghiệp rộng thênh thang này, nơi có hàng trăm ngàn con người đang giam mình mỗi ngày tám tiếng đồng hồ giữa bốn bức tường, cặm cụi bên những dây chuyền máy chạy âm âm. Phong đã cố làm thật tốt công việc và nhịn nhục theo lời khuyên của những người đi trước. Nhưng cái câu "kiến ngãi bất vi, vô dũng dã " mà ông của anh dạy cho anh từ lúc còn học đứng tấn bất ngờ bật ra và Phong mất việc ! Con đường đẹp quá vậy mà sao lâu nay anh không chú ý nhỉ ? Sau giờ tan ca những gương mặt bơ phờ nhòa vào nhau, ai cũng vội vã chạy về nhà trọ để lo cho bữa cơm chiều rồi tranh thủ ngã lưng chuẩn bị sức cho ngày mai vào ca, có mấy ai chú ý những hàng điệp nở vàng rực dọc hai bên đường khu công nghiệp. Con đường này dẫn ra bờ sông, con sông lừng lẫy một thời của miền Đông nam bộ, đang bị lở lói bởi nạn khai thác cát nhưng nó vẫn còn mênh mông lắm. Khác với những

con sông miền Trung, sông ở đây lúc nào cũng đầy ắp nước, chảy êm đềm, trầm tĩnh và từng trải. Nghĩ về dòng sông anh chợt nhớ lời dặn của ông nội trước khi lên đường. Ngày đó với lòng háo thắng của tuổi hai mươi anh nghĩ ông mê tín và lắm cảm. Ông là người duy nhất trong làng còn đọc được chữ Nho. Nỗi đau lớn nhất của đời ông là trong số con cháu tộc Trần còn sót lại sau chiến tranh, không ai đọc được cuốn gia phả của dòng họ." Bây giờ chúng nó quên cả lễ nghĩa !" - ông thường phàn nàn như thế. Để giữ được ngày ba bữa cơm và ba tuần nhang cho nhà thờ họ, cha mẹ anh đã vắt kiệt những giọt mồ hôi trên những mảnh ruộng cằn cỗi. Nhìn lưng áo cha trắng xóa mồ hôi dưới cái nắng gay gắt của miền trung, anh quyết định phải ra đi! Thế hệ anh không thể chịu được đói, nghèo để cố gìn giữ những cái mà theo anh là rất mơ hồ và lỗi thời, đang có vùng vẫy sóng lại. Căn nhà tù đường của dòng họ mới được xây lại, sau thời gian dài đổ nát bởi chiến tranh và sự ấu trĩ, nó được xây bằng những " hạt mồ hôi " trắng tinh của những người như cha anh. Ngày anh ra đi, ông nội mặc áo dài khăn đóng, đốt trầm hương rồi trình trọng nâng ba đồng bạc cổ gieo vào cái đĩa sành. Khi thanh âm phát ra từ sự va chạm khô khốc ấy, chìm vào những kèo, cột, rui, mè bằng gỗ mít đỏ au, ông lầm bầm:" Chưa qua sông con ạ ! Con đi lần này nhớ cố bình tĩnh giữ gìn, đừng nóng nảy hấp tấp, không có lợi. Tuy nhiên con cũng cần nhớ là chưa qua sông chứ không phải không qua sông được !." Anh khoanh tay cổ ra về chăm chú nghe ông dặn nhưng đầu óc mãi nghĩ về nơi anh sẽ tới, một xứ sở sôi động nhịp sống hiện đại. Bây giờ bỗng dung lời ông ngày ấy lại hiện về rõ mồn một, y như ông vừa mới nói với anh ngày hôm qua...Phong sẽ không trở về quê với hai bàn tay trắng, cứ ở tạm trong phòng trọ một thời gian, thế nào cũng phải nghĩ ra cái gì đó, chắc chắn như thế. Không buồn, không vui Phong trở về phòng trọ. Mỗi căn phòng trọ mười sáu mét vuông, hai chiếc giường, bốn người ở. Ba chàng trai cùng phòng với

Phong đã đi làm. Từ ngày thất nghiệp đến nay Phong thành kẻ phụ việc cho họ. Anh nấu ăn giặt giũ, lau dọn phòng. Giờ rảnh Phong loay hoay làm những ngôi nhà nhỏ bằng tre. Cái nghề này ngày xưa ông nội dạy cho anh. Chị Hạnh vào phòng lúc Phong đang chuốt bóng những thanh tre, ngồi ghé bên mép giường chị gọi chuyện : - Phong làm nhà cho búp bê hả? - Ừ làm cho vui, ngồi không làm gì . - Nóng khiếp Phong ha ! - Ừ , mấy ngày nay nóng quá, chắc sắp có mưa giông. Chị Hạnh cười : - Phong cứ làm như ở miền trung quê anh không bằng, trong này làm gì có mưa giông. - Ừ quên mất. - Sao mấy ngày nay chẳng thấy tí gió nào ở sông thổi vào cả. Hạnh lơ đãng nhìn về phía dòng sông, nước đục ngầu vài khóm lục bình tả tơi lững lờ trôi. Dòng sông lạch lổng và buồn thảm. Không rời mắt khỏi giề lục bình, chị nói với Phong: - Bây giờ Phong tính làm gì ? - Phong sẽ làm những ngôi nhà bằng tre bán cho bọn trẻ. Ở quê Phong tre nhiều vô kể, con người sống nhờ cây tre, ông nội Phong là một "nghệ nhân tre ". Ông làm được những lồng chim và những ngôi nhà tuyệt đẹp, chúng đẹp như trong chuyện cổ tích. Những ngôi nhà ông làm để bày chơi. Quê Phong không ai mua thứ ấy làm gì, nhưng những ngôi nhà là cả một thế giới đầy huyền thoại của tuổi thơ. Phong luôn mơ ước lớn lên mình sẽ làm những căn nhà thật, xinh như vậy để mà ở. Chị Hạnh mơ màng: - Tôi cũng thích những căn nhà như thế . Căn nhà đầu tiên anh làm tặng cô bé con của chị Hạnh, cô bé thích quá nâng niu như báu vật. Phong nhiều lần thấy chị say mê ngắm căn nhà. Chị bảo:" Ngày xưa mình cũng ở trong căn nhà như thế này!" Chị kể cho Phong nghe chuyện vợ chồng của chị, một câu chuyện lạ mà Phong không thể tin là có thật trong cuộc đời này. Căn nhà đầy ắp tiện nghi mà vợ chồng chị sắm được từ ngày anh bỏ dạy đi làm phiên dịch cho công ty nước ngoài. Tiền cho thuê phòng trọ, tiền lương của anh, chị chắt bóp trả nợ, xây nhà, sắm sửa vật dụng. Ngày anh phá căn nhà bằng tre lá chị thần thờ mấy ngày đêm. Từ ngày

anh ra đi đến nay mọi vật vẫn như cũ. Mỗi ngày, chính xác là mỗi buổi sáng chị đều cẩn thận mở hộp thư trước cổng, rồi cẩn thận nhìn lá thư của mình nằm chỏng chơ lạc lõng. Những giờ lên lớp trở nên nhạt nhẽo vô vị. Chị không còn tìm thấy niềm vui, nỗi buồn trong đôi mắt của lũ trò nhỏ. Những ánh mắt thơ ngây một thời giúp chị vượt qua khốn khó để đứng trên bục giảng. Ngày xưa- chị còn nhớ, mỗi sáng chị rời ngôi nhà bằng tre lá, ngôi nhà đẹp như ngôi nhà búp bê mà Phong làm tặng con chị, cùng xe rau muống ra chợ bỏ mối. Đám học trò đi học cũng mang cặp lên vai đẩy xe phụ chị, cô trò riu rít, có lẽ nhờ đám học trò mà các bạn hàng ngoài chợ lấy hàng của chị không một chút so kè. Chị mua cho mỗi đứa một cây kẹo, học trò vừa mút kẹo vừa nhìn vào mặt chị, chắc hẳn trong đầu óc ngây thơ bọn trẻ nghĩ chị là cô tiên. Cô bé lớp trưởng bảo gương mặt cô giáo rất giống cô tiên! Niềm vui ngày ấy thật hồn nhiên. Ao rau muống giúp chị xoay xở bù đắp vào đồng lương khiêm tốn của hai vợ chồng. Căn nhà nhỏ bé của họ luôn đầy ắp tiếng cười, ngày nào cắt rau, chị cũng nhặt vài bông hoa muống cắm trên bàn làm việc của anh, anh yêu hoa muống lắm, anh bảo:" Ít có loài hoa nào giản dị mà đẹp như hoa muống, màu phớt tím của nó đã chứng minh tạo hóa là bậc thầy về phối màu ." Sau ngày cưới anh đặt một cái hòm thư bằng sắt, anh bảo : " Có chuyện gì cần tâm sự chúng mình viết ra giấy rồi bỏ vào hòm thư, không nên dùng ngôn ngữ nói, dễ xúc phạm đến nhau. " Lúc nào anh cũng hấp dẫn chị bằng ý tưởng bất ngờ. Mỗi sáng thức dậy chị hồi hộp mở hòm thư và thở phào nhẹ nhõm khi đọc những dòng chữ chứa đựng sự âu yếm của anh dành cho chị. " Con bồ câu nhỏ của anh hôm qua món canh rau muống thật tuyệt !" " Con mèo con của anh em mặc áo hoa cà đẹp quá, anh gọi anh là mèo hoa nhé !" Ôi sao mà hôm nay em ngũ trông đáng yêu đến vậy, anh ước gì những bông hoa muống này biến thành hoa hồng để anh ướp quanh người em !" Những dòng chữ mới tuyệt vời làm sao, chị cảm

on anh đã nghĩ ra cái hòm thư. Viết thì dễ, chứ ngày nào cũng nói những lời có cánh như vậy khó quá. Chị đáp trả anh những dòng chữ nồng ấm không kém. Tất nhiên đôi lúc chị cũng cảm thấy gờn gợn, ví như chị thắc mắc: " Vì sao anh bảo anh thích hoa muống và anh biết mình cũng thích mà anh lại ước nó biến thành hoa hồng ?" Thắc mắc còn con ấy chìm mất tăm vào những lời yêu thương nồng ấm nên chị cũng mau quên. Nhiều ngày , nhiều tháng, nhiều năm trôi qua chị bắt đầu cảm thấy buồn vì những lời thư của anh không có gì thay đổi, vẫn nồng nàn và âu yếm. Bỗng dưng chị đâm hoảng, chẳng lẽ vợ chồng mình hoàn hảo đến thế sao? Chẳng lẽ cả hai đều không có khuyết điểm nào hay sao? Mỗi lần mở hòm thư chị lại thở dài khi thấy những lời âu yếm, chị chờ đợi một lời trách mắng hay giận hờn của anh. Sự chờ đợi của chị rồi cũng đến, dù một lời trách nhẹ nhưng chị vui mừng và sung sướng. " Có thể chứ !" - chị khẽ thốt lên. Lời trách móc anh dành cho chị nhờ vào đứa con gái tinh nghịch. Con gái chị đã lớn, nó lên xem trộm thư trong hòm, một hôm đang ngồi ăn nó bảo : " Ba mẹ chat(*) kiểu cổ điển, chúng con bây giờ chat trên máy tính không hà ?" Con bé nói xong anh đưa mắt nhìn chị. Sáng hôm sau, chị nhận được bức thư : " Em yêu! Từ câu chuyện của con nảy ra vấn đề là em quản lý con không chặt để nó rong chơi mấy điểm internet và chưa giáo dục nó không được xem trộm thư người lớn. Để khắc phục tình trạng này anh yêu cầu em phải mua ngay ổ khoá, khóa hòm thư và theo dõi con bé tốt hơn!". Ngay hôm sau, chị mua ổ khoá giao cho anh một chìa. Từ ngày hòm thư có khoá những bức thư của anh có vẻ hẳn học hơn, chị bắt đầu cảm thấy lo lắng, dù chị cố viết cho anh những bức thư hết sức dịu dàng, nhưng sự đáp trả của anh ngày càng nặng nề. Bức thư cuối cùng chị nhận được sau cái đêm anh dành cho chị " sự cuồng nhiệt " đến ngạc nhiên. Bức thư vền vẹn có mấy chữ : " Anh không thể tìm được khuyết điểm để từ bỏ em, nhưng anh đã trót yêu ...! Hãy tha lỗi cho

anh !" Anh lặng lẽ ra đi, để lại tất cả tài sản cho chị. Chị tưởng mình có thể nhảy xuống sông nhưng chị chợt nhớ ra anh có để lại cho chị một niềm hy vọng: anh đã đem theo chiếc chìa khoá hòm thư mà chị trao cho anh ! Chị quyết định đưa hòm thư ra ngõ, chị gắn cái hòm thư nhỏ bé trên cánh cổng, chị bỏ vào đấy một lá thư và chờ đợi sự hồi âm của anh. Mỗi chiều sau giờ lên lớp, chị dẫn đứa con gái mười bốn tuổi đi dạo bờ sông, nói đúng hơn là con bé dẫn chị đi, trông họ như hai chị em. Đã ngoài ba mươi mà chị còn đẹp lắm, một nét đẹp mỏng manh và thuần khiết. Con gái tung tăng phía trước, còn chị nhìn đăm đăm qua bên kia sông, chân bước vô hồn....! Những lúc như vậy Phong lặng lẽ đi theo sau lưng mẹ con họ, một khoảng cách vừa đủ để anh ngắm tấm lưng thon thả của chị. *** Cuộc đời có nhiều chuyện không ngờ. Phong làm những ngôi nhà nhỏ bằng tre cột lên xe gắn máy cả tầng mới tậu chở đi bỏ mối, sản phẩm của anh làm ra không đủ bán. Đang còng lưng vượt dốc bỗng chiếc xe hơi bóng lộn thẳng kết trước mặt. Một người nước ngoài tiến về phía anh reo lên bằng tiếng Việt khá sôi : - Kìa Phong, Phong phải không ? - Ô Lee ! Không ngờ chúng ta còn gặp nhau . - Phong mỉm cười trả lời. - Chúng ta là bạn mà, vào quán nghỉ chân một tí nhé! Sau khi an vị quán bia ven đường Phong hỏi Lee: - Sao lúc này ông nói tiếng Việt giỏi như vậy? - Cũng nhờ bạn đấy, sau vụ chúng mình đụng độ với nhau, mình cất công tìm hiểu văn hoá và võ học Việt Nam, càng tìm hiểu mình càng khâm phục. Bây giờ mình đã cưới vợ Việt Nam và quyết tâm theo quê vợ. Lúc này mình khắc phục được tính nóng nảy và thái độ coi thường người Việt. À anh công nhân làm hồng sản phẩm ngày xưa, bây giờ đã là tổ trưởng. Phong cầm ly bia : - Xin chúc mừng ông. Lee hưởng ứng: - Chúc mừng cuộc hội ngộ của chúng ta hôm nay. Sau khi uống cạn chai bia, Lee hỏi : -Cuộc sống của bạn lúc này như thế nào ? Phong vẫn tất công việc của anh cho Lee nghe, anh còn nói với Lee về dự định trong tương lai, anh

sẽ làm những căn nhà xuất khẩu. Ngắm nghĩa căn nhà nhỏ của Phong đang cột trên xe , Lee gật gù bảo : - Ngày còn nhỏ mình cũng từng mơ ước ở trong những căn nhà như thế này. Nói xong, Lee đưa tay về phía Phong : - Chúng ta hợp tác làm ăn nhé. - Hợp tác ư ? Tôi có gì đâu. - Bạn có ý tưởng và tay nghề, tôi có vốn, bạn hãy suy nghĩ lập một đề án làm những căn nhà tre lớn để người ở hẳn hoi chứ không phải để cho búp bê. Tôi sẽ đầu tư vốn và bao tiêu sản phẩm. Những sản phẩm này sẽ xuất khẩu qua châu Âu. Sau cuộc gặp gỡ bất ngờ với Lee, Phong suy nghĩ nhiều đêm, cuối cùng anh quyết định hợp tác với Lee. Anh nghĩ đất nước thời mở cửa nhà nước kêu gọi đầu tư, nhiều quốc gia đã từng là kẻ thù của dân tộc ta bây giờ còn hợp tác một cách thân thiện. Anh với Lee đâu phải kẻ thù, trước đây anh còn chấp nhận bắt tay kết bạn với Lee kia mà. Anh cảm cú lập đề án. Một tháng sau công ty " Phong Việt " ra đời. Phong không ngờ sản phẩm tre nửa nhanh chóng chiếm lĩnh được thị trường. Những ngôi nhà tre xuất khẩu của công ty đã có mặt nhiều nơi trên thế giới. Phong vô cùng biết ơn ông nội anh, những lời dạy, cả những thế võ của ông và loại cây mộc mạc của làng quê giúp cho anh có ngày hôm nay. Tất nhiên anh không thể quên Lee, người bạn nước ngoài đã từng đánh nhau với anh. Như thường lệ, Phong cho cậu tài xế đi chơi để một mình anh bên quán café nhỏ hướng mặt ra sông. Kể từ ngày rời phòng trọ bên bờ sông đến nay, không ngày nào Phong không nghĩ về chị Hạnh. Phong không thể lý giải được vì sao có nhiều cô gái trẻ vây quanh mà anh chỉ yêu một mình chị. Đôi mắt thăm thẳm của chị làm anh choáng ngợp ngay từ khi vừa đặt chân đến nhà trọ, ngày anh trả phòng trọ dọn về công ty, chị tiễn anh ra tận bờ sông và chúc anh thành công. Chị bảo : " Mọi người lần lượt bỏ tôi ra đi " Dường như đôi mắt đen láy ngân lệ, đôi mắt ám ảnh cuộc đời anh cho đến hôm nay. Lần này Phong trở lại với lòng quyết tâm sẽ thực hiện một việc mà anh đã chuẩn bị nhiều ngày. Bờ sông bây giờ khác, mỗi

chiều chị vẫn đi dạo trên con đường mới làm dọc bờ kè bên sông. Có lẽ con gái đã vào đại học nên chị dạo một mình, mái tóc buồn hơn xưa, bay rối cả hoàng hôn! Phong ngắm chị từ xa, từ bờ sông quay về chị ngấp ngừng nhìn hòm thư han rỉ, rồi cúi đầu bước qua vòm cổng sắt cũ kỹ. Chị vào nhà, Phong thờ dài đứng lên trả tiền nước. Nhưng lần này anh sẽ không trở về cùng với tiếng thờ dài ! Phong đưa tay sờ túi, cái phong bì mỏng manh anh chuẩn bị công phu hơn những căn nhà tre xuất khẩu mà anh đã tạo ra, anh viết đi viết lại nhiều lần về mối tình đơn phương anh ấp ủ nhiều năm qua. Anh cũng sẽ không dám thổ lộ tình cảm của mình nếu như anh không tìm hiểu và được biết chồng chị đã định cư nước ngoài cùng với một cô gái khác. Mặt trời khuất dần sau những ống khói của khu công nghiệp bên kia sông, dòng sông lấp loá ánh đèn cao áp hai bên bờ rọi xuống. Chị chậm chạp quay về, ngấp ngừng, cúi đầu bước qua cổng. Phong rảo bước, thu hết can đảm cho tay vào túi lấy phong bì màu xanh trịnh trọng bỏ vào hòm thư....! Hẳn chị sẽ rất bất ngờ với lá thư của Phong. Phong sẽ trở lại khi chị bình tĩnh. Lòng thanh thản và đầy tự tin vào tương lai Phong chậm rãi đi về phía dòng sông.

Nguồn: sad-river

Được bạn: Thành Viên VNthuquan đưa lên

vào ngày: 27 tháng 12 năm 2003